

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

*(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

**NGÀNH: QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
MÃ NGÀNH : 8340404**

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Quản trị nhân lực
- Tên tiếng Anh: Humman resources management

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Quản trị nhân lực
- Tên tiếng Anh: Humman resources management

1.2. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực trình độ thạc sĩ nhằm cung cấp đội ngũ nhân lực có năng lực hoạch định chiến lược và triển khai chính sách quản trị nhân lực trong các tập đoàn, doanh nghiệp, tổ chức; chính sách lao động ở cấp địa phương, cấp quốc gia; có năng lực tự học hỏi, tự cập nhật và thích nghi với sự thay đổi của lĩnh vực nghề nghiệp, biến động của môi trường và tiếp cận cơ hội học tập ở trình độ cao hơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

PO1: Cung cấp cho người học các nguyên lý, học thuyết cơ bản, những kiến thức thực tế sâu, rộng, tiên tiến về ngành quản trị nhân lực, kiến thức chung về quản trị và quản lý và kiến thức liên ngành có liên quan đến quản trị nhân lực.

PO2: Rèn luyện cho người học kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu để giải quyết vấn đề một cách khoa học; kỹ năng truyền đạt và thảo luận chuyên môn; tổ chức, quản lý các hoạt động nghề nghiệp; nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo.

PO3: Bồi dưỡng cho người học năng lực triển khai nghiên cứu độc lập cũng như năng lực thích nghi, định hướng và hướng dẫn người khác nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị nhân lực, chủ động trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thực hiện theo Quyết định số 26/QĐ-ĐHLĐXH ngày 06/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: 60 tín chỉ tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Kiến thức chung	6	10
2	Kiến thức cơ sở	12	20
3	Kiến thức chuyên ngành	27	45
4	Thực tập tốt nghiệp	6	10
5	Đề án tốt nghiệp	9	15
Tổng cộng		60	100%

2.2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức chung				6	6					
1.1.1	TRH101	Triết học	Philosophy	4	4					PPN102
1.1.2	PPN102	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research methodology	2	2					TRH101
1.2 Kiến thức cơ sở				12	12					
1.2.1	Các học phần bắt buộc			6	6					
1.2.1.1	QTN201	Chiến lược quản lý nguồn nhân lực	Strategic Human resources management	3	3					QTN202
1.2.1.2	QTN202	Kinh tế nguồn nhân lực	Human resources economics	3	3					QTN201
1.2.2	Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)			6	6					
1.2.2.1	QTN203	Văn hóa tổ chức	Organizational Culture	3	3					
1.2.2.2	QTN204	Giới trong quản lý nguồn nhân lực	Gender and Human Resource Management	3	3					
1.2.2.3	QTN205	Sản xuất tinh gọn	Lean Manufacturing	3	3					
1.2.2.4	QTN206	Dân số và chính sách nguồn nhân lực	Population and Human resource policies	3	3					
1.3 Kiến thức chuyên ngành				27	27					
1.3.1	Các học phần bắt buộc			15	15					
1.3.1.1	QTN307	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	Leadership and Management Skills	3	3					QTN 201 QTK 308

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.1.2	QTN308	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	Human resources management on global	3	3				QTN 201	
1.3.1.3	QTK307	Quản trị marketing hiện đại	Contemporary Marketing Management	3	3					QTK 308
1.3.1.4	QTK308	Quản trị chiến lược kinh doanh	Corporate Strategic Management	3	3					QTK 307 KTO 307
1.3.1.5	KTO 308	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	Advanced Corporate Finance Management	3	3					KTO 307 QTK 308
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần.)			12	12					
1.3.2.1	QTN309	Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực	Competence based on Human resources management	3	3					
1.3.2.2	QTN310	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	International Labor Standards	3	3					
1.3.2.3	QTN211	Hệ thống quan hệ lao động quốc gia	National industrial relations system	3	3					
1.3.2.4	QTN312	Định biên nhân lực	Human resource planning	3	3					
1.3.2.5	QTN313	Hoạch định chính sách tiền lương	Salary policy planning	3	3					
1.3.2.6	QTN314	Hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số	Human resource planning in the digital transformation context	3	3					
1.3.2.7	QTN315	Thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập	Labor market integration	3	3					
1.3.2.8	QTN316	Quản trị chương trình khuyến	Financial incentives and welfare	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		khích tài chính và phúc lợi	management							
1.4. Thực tập tốt nghiệp				6				6		
1.5. Đề án tốt nghiệp				9			9		TTTN	
Tổng cộng				60						

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II	
			I	II	III	IV
1.1	Kiến thức chung	6				
1.1.1	Triết học	4	4			
1.1.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2			
1.2	Kiến thức cơ sở	12				
1.2.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	6				
1.2.1.1	Chiến lược quản lý nguồn nhân lực	3		3		
1.2.1.2	Kinh tế nguồn nhân lực	3		3		
1.2.2	<i>Các học phần tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)</i>	6				
1.2.2.1	Văn hóa tổ chức	3		3		
1.2.2.2	Giới trong quản lý nguồn nhân lực	3		3		
1.2.2.3	Sản xuất tinh gọn	3		3		
1.2.2.4	Dân số và chính sách nguồn nhân lực	3		3		
1.3	Kiến thức chuyên ngành	27				
1.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	15				
1.3.1.1	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý	3	3			
1.3.1.2	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3		3		
1.3.1.3	Quản trị marketing hiện đại	3	3			
1.3.1.4	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	3			
1.3.1.5	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	3			
1.3.2	<i>Học phần tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần)</i>	12				
1.3.2.1	Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực	3			3	
1.3.2.2	Tiêu chuẩn lao động quốc tế	3			3	
1.3.2.3	Hệ thống quan hệ lao động quốc gia	3			3	
1.3.2.4	Định biên nhân lực	3			3	
1.3.2.5	Hoạch định chính sách tiền lương	3			3	
1.3.2.6	Hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số	3			3	
1.3.2.7	Thị trường lao động trong bối cảnh hội	3			3	

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II	
			I	II	III	IV
	nhập					
1.3.2.8	Quản trị chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi	3			3	
1.4	Thực tập tốt nghiệp	6				6
1.5	Đề án tốt nghiệp	9				9
	Tổng cộng	60	18	15	12	15

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

(1). *Triết học*

Số tín chỉ: 4 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Chương trình môn Triết học có 8 chương, trong đó gồm: chương mở đầu (chương 1: Khái luận về triết học) nhằm giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; 3 chương bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn (chương 2: Bản thể luận, chương 3: Phép biện chứng, chương 4: Nhận thức luận); 4 chương bao quát các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người (chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, chương 6: Triết học chính trị, chương 7: Ý thức xã hội, chương 8: Triết học về con người).

(2). *Phương pháp nghiên cứu khoa học*

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần bao gồm những kiến thức và kỹ năng nâng cao về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực xã hội như phát hiện vấn đề, hình thành giả thuyết nghiên cứu... Nội dung của học phần sẽ chú trọng chủ yếu đến những kiến thức và kỹ năng nghiên cứu khoa học liên quan trực tiếp đến việc viết luận văn cao học

(3). *Chiến lược quản lý nguồn nhân lực*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Chiến lược Quản lý nguồn nhân lực nghiên cứu chiến lược doanh nghiệp và chiến lược quản lý nguồn nhân lực theo định hướng chiến lược của doanh nghiệp và chuyển hóa chiến lược quản lý nguồn nhân lực thành các hoạt động cụ thể nhằm xây dựng và triển khai các hoạt động quản trị nhân lực hiệu quả, trở thành đối tác chiến lược trong quản trị doanh nghiệp

(4). *Kinh tế nguồn nhân lực*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này đi sâu nghiên cứu và giới thiệu cho học viên

cao học một cách hệ thống nhất về nhân tố con người trong phát triển kinh tế xã hội; Vị trí và tầm quan trọng của nguồn nhân lực xét trên khía cạnh kinh tế, những giá trị gia tăng hay lợi ích tăng thêm mà nguồn nhân lực mang lại trong quá trình phát triển của quốc gia; Các yếu tố tác động đến giá trị gia tăng mà nguồn nhân lực mang lại; Phân bố nguồn nhân lực; Cung cầu lao động và cân bằng thị trường lao động.

(5). Văn hóa tổ chức

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Văn hóa tổ chức cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cái nhìn tổng quan về văn hóa tổ chức. Trong đó, học phần làm rõ những vấn đề như các đặc trưng của văn hóa tổ chức, biểu hiện của văn hóa tổ chức, vai trò của văn hóa tổ chức. Học phần phân tích những cơ sở hình thành văn hóa tổ chức, từ cơ sở hành vi cá nhân, cơ sở hành vi nhóm, vai trò của nhà sáng lập tổ chức, vai trò của lãnh đạo, hệ thống các giá trị của tổ chức; đánh giá mối quan hệ tương tác giữa thái độ, hành vi người lao động với văn hóa tổ chức. Người học được trang bị những kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được khả năng kiểm soát, duy trì và xây dựng văn hóa tổ chức, hoặc có thể thực hiện những tác động điều chỉnh, thay đổi văn hóa tổ chức sao cho phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của tổ chức

(6). Giới trong quản lý nguồn nhân lực

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Giới trong quản lý nguồn nhân lực giảng dạy hệ cao học được xây dựng trên cơ sở các kiến thức cơ bản về giới và lồng ghép vấn đề giới vào quản lý nguồn nhân lực nhằm mục đích quản lý nguồn nhân lực theo hướng bình đẳng hơn giữa nam và nữ.

(7). Sản xuất tinh gọn

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp kiến thức về sản xuất tinh gọn để cải thiện năng suất. Nội dung tập trung vào việc sử dụng các công cụ tinh gọn với các ví dụ cụ thể mà sẽ cho phép học viên áp dụng các công cụ này để cải tiến trong các doanh nghiệp, tổ chức. Học phần này sẽ bao gồm các nguyên tắc và kỹ thuật sản xuất tinh gọn. Nội dung bao gồm các tổng quan sản xuất tinh gọn, 5S và quản lý trực quan, tiêu chuẩn hóa công việc, bảo trì năng suất tổng thể, chuyển đổi nhanh, PDCA và giải quyết tận gốc vấn đề để cải tiến, hệ thống Full và Kanban, lưu đồ chuỗi giá trị, mặt bằng tinh gọn, tự động ngăn ngừa sai lỗi

(8). Dân số và chính sách nguồn nhân lực

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Dân số và chính sách nguồn nhân lực gồm các nội dung: Dân số và phát triển; Chính sách nguồn nhân lực thích ứng với xu hướng

biến đổi dân số; và Lồng ghép các biến dân số trong hoạch định chính sách nguồn nhân lực

(9). Kỹ năng lãnh đạo và quản lý

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Kỹ năng lãnh đạo và quản lý là học phần cơ sở, áp dụng chung trong chương trình đào tạo bậc thạc sĩ các ngành học. Học phần này nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý nhằm tìm ra quy luật, tính quy luật và những nguyên tắc, quy trình, phương pháp hình thành và phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý.

(10). Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa nghiên cứu cách thức quản lý con người trong tổ chức nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chung của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự bùng nổ thông tin, giao lưu, hội nhập quốc tế và những thay đổi về mọi mặt do toàn cầu hóa mang lại.

(11). Quản trị marketing hiện đại

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần tập trung vào các quyết định chủ yếu mà người quản trị marketing và ban lãnh đạo tối cao trong các tổ chức phải thông qua, nhằm phối hợp hài hòa những mục tiêu, sở trường cốt lõi và các tài nguyên của tổ chức với những nhu cầu và cơ hội trên thị trường.

(12). Quản trị chiến lược kinh doanh

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp những kiến thức về tư duy quản trị chiến lược hiện đại, đảm bảo sự cân bằng giữa hệ thống chiến lược và sự thay đổi của môi trường; triển khai thực hiện chiến lược qua bản đồ chiến lược; kiểm soát chiến lược trong doanh nghiệp bằng công cụ thể điểm cân bằng BSC.

(13). Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, quản trị dòng tiền, cơ cấu vốn và chi phí vốn, lý thuyết cơ bản của định giá doanh nghiệp,. Học phần cũng nghiên cứu về kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Một số vấn đề đến mua bán, sáp nhập và kiệt quệ tài chính, tác động

của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp.

(14). Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực nghiên cứu cách thức quản lý con người trong tổ chức dựa trên yêu cầu về năng lực và đánh giá năng lực của nhân viên nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chung của tổ chức trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng lớn.

(15). Tiêu chuẩn lao động quốc tế

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần tiêu chuẩn lao động quốc tế gồm các nội dung: những lý luận cơ bản về công ước quốc tế cơ bản về lao động, triển khai công ước quốc tế cơ bản về lao động, hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc triển khai các công ước quốc tế cơ bản về lao động, các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động; Nội dung các công ước quốc tế cơ bản về lao động và một số tình huống thực tế vận dụng các công ước; Các nội dung phân tích thực trạng triển khai thực hiện một số công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam; Một số giải pháp nhằm triển khai hiệu quả các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam

(16). Hệ thống quan hệ lao động quốc gia

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Hệ thống Quan hệ lao động quốc gia cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cách nhìn toàn diện về một hệ thống quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường. Trong đó tiếp cận quan hệ lao động theo một cấu trúc toàn diện, cấu thành và vận hành hệ thống ở phạm vi vĩ mô. Trong đó bao gồm những vấn đề như chủ thể của hệ thống quan hệ lao động; thiết chế và cơ chế của quan hệ lao động, các tiêu chuẩn vận hành hệ thống, ...Người học sẽ nghiên cứu các thành phần cơ bản cấu thành của hệ thống quan hệ lao động và đặt trong bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt nam khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế.

(17). Định biên nhân lực

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về định biên nhân lực trong tổ chức. Nội dung tập trung vào việc làm rõ các nội dung: khái niệm, mục đích, vai trò, các điều kiện và nguyên tắc cơ bản của định biên nhân lực trong các doanh nghiệp, tổ chức; Trên cơ sở khoa học về quản lý và khoa học quản lý lao động, đề xuất phương pháp định biên (xác định số lượng người làm việc) cho các chức

danh công việc trực tiếp, chức danh công việc gián tiếp và phục vụ trong các doanh nghiệp, tổ chức.

(18). *Hoạch định chính sách tiền lương*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Môn học Hoạch định chính sách tiền lương nghiên cứu quy trình, phương pháp hoạch định chính sách tiền lương và thực thi chính sách tiền lương đạt hiệu quả cao, phù hợp với bối cảnh thực tế trong doanh nghiệp và nền kinh tế.

(19). *Hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số gồm các nội dung: Tổng quan về chuyển đổi số; Tổng quan hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số; Hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh tổ chức chuyển đổi số.

(20). *Thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần Thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập gồm các nội dung: Khái quát chung về thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập; Ảnh hưởng của hội nhập quốc tế đến thị trường lao động và Quản lý thông tin thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập.

(21). *Quản trị chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi*

Số tín chỉ: 3 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi nghiên cứu quy trình, phương pháp quản trị chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi từ lập kế hoạch đến thực thi và đánh giá hiệu quả chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi phù hợp với thực tế của doanh nghiệp và quốc gia.

(22). *Thực tập tốt nghiệp*

Số tín chỉ: 6 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần thực tập cuối khoá là học phần bắt buộc đối với học viên cao học ngành quản trị nhân lực. Học phần này giúp học viên nghiên cứu thực tế tại đơn vị thực tập, nghiên cứu cách thức tổ chức và triển khai các nghiệp vụ quản trị nhân lực tại đơn vị thực tập. Trên cơ sở đó, học viên đánh giá, hoàn thiện các nghiệp vụ quản trị nhân lực tại đơn vị thực tập.

(23). *Đề án tốt nghiệp*

Số tín chỉ: 9 tín chỉ

Nội dung tóm tắt học phần: Học phần sẽ cung cấp cho Học viên những cơ sở nền tảng để thực hiện đề án tốt nghiệp ngành quản trị nhân lực. Nắm được các phương pháp

thực hiện đề án tốt nghiệp; cung cấp kỹ năng thiết kế và thực hiện đề án tốt nghiệp ngành quản trị nhân lực; Hướng dẫn, giúp học viên hoàn thiện đề án với kết quả và có định hướng ứng cụ thể tại đơn vị thực tập và các cơ quan, tổ chức liên quan.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLDXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TRIẾT HỌC Tên tiếng Anh: PHILOSOPHIA
2. Mã học phần	TRH101
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	04 (4,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	• Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của từng bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. • Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Học viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt. • Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong quá trình dạy học, giảng viên sử dụng câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn học viên từng bước trả lời các câu hỏi. • Thảo luận nhóm (Discussion) - TLM7: Học viên hoạt động theo nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (Case Study) do giảng viên giao. Phương pháp này vừa giúp học viên rèn luyện kỹ năng tổ chức làm việc nhóm và làm việc theo nhóm; luyện kỹ năng nghe và phát triển quan điểm cá nhân trong quan điểm nhóm, ra quyết định theo nhóm, giải quyết các vấn đề theo nhóm và phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. • Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Giảng viên đưa ra các bài tập dưới dạng tình huống có vấn đề, học viên cần luyện ứng dụng kỹ năng giải quyết vấn đề vào để giải quyết tình huống có vấn đề đó. • Học nhóm (Teamwork Learning)- TLM10: Giảng viên tổ chức lớp học phân thành nhiều nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ học tập theo nhóm để nhóm học viên cùng nhau nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu, tìm kiếm giải pháp giải quyết các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm trước lớp (có thể kết hợp tổ chức tranh biện) với sự điều phối của giảng viên.

	Bài tập ở nhà (Work Assignment) – TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Lý luận chính trị		
8. Mục tiêu học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	+ Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. + Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội - nhân văn ở trình độ sau đại học.	PLO1	4/6
G2	+ Học viên vận dụng được các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực chuyên môn và công tác thực tế. + Vận dụng được những kiến thức đã học để hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	PLO4	4/5
G3	+ Học viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho học viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	PLO6	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T,U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1			

(CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	CĐR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
CLO1	Học viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp học tập của môn học	PLO1	I, T
CLO2	Học viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học; nắm được lịch sử triết học, những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học trong đời sống xã hội.	PLO1, PLO6	I, T
CLO3	Học viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác	PLO6	T, U
CLO4	Học viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.	PLO1, PLO4	U
CLO5	Vận dụng được những kiến thức đã học để hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	PLO4	U
CLO6	Học viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PLO6	T, U
CLO7	Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho học viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	PLO4, PLO6	T, U
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Thông qua việc nghiên cứu Triết học, học viên hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng những kiến thức môn học vào trong quá trình công tác cũng như việc phân tích, đánh giá các chính sách kinh tế, xã hội, văn			

hóa, giáo dục... của Đảng, Nhà nước.				
11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy				
LÝ THUYẾT:				
Giờ TC	Nội dung	CDR Học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1-5 (5 giờ TC)	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC	CLO2	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1, AM2
	1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học	CLO3		
	1.1.1. Khái niệm triết học	CLO4		
	1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học	CLO5		
	1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử	CLO6		
	1.2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử	CLO7		
	1.2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông			
	1.2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây			
	1.3. Triết học Mác-Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội			
	1.3.1. Triết học Mác – Lênin			
	1.3.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin đối với nhận thức và thực tiễn			
	1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam			
	1.4.1. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam			
	1.4.2. Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào thực tiễn cách mạng Việt Nam			
	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN			
	2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết			

	học phương Đông, phương Tây 2.1.1. Khái niệm bản thể luận 2.1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó			
6-10 (5 giờ TC)	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN (tiếp) 2.1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Tây, trong lịch sử đương đại và giá trị của nó 2.2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác - Lênin 2.2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác - Lênin 2.2.2. Quan niệm của triết học Mác - Lênin vật chất 2.3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan 2.3.1. Khái niệm “khách quan” và “chủ quan” 2.3.2. Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan 2.3.3. Ý nghĩa phương pháp luận đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1, AM2
11-15 (5 giờ TC)	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG 3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử 3.1.1. Phương pháp siêu hình 3.1.2. Phương pháp biện chứng 3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật 3.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1, AM2
16-20 (5 giờ TC)	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG (tiếp) 3.2.2. Những quy quy luật cơ bản và những cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng	AM1, AM2

	Thảo luận nhóm: Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	nghe và ghi chép, phân nhóm thảo luận theo đề tài GV cho.
21-25 (5 giờ TC)	Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15. Học: Học viên phân nhóm thảo luận theo đề tài GV cho.
26-30 (5 giờ TC)	Chương 4: NHẬN THỨC LUẬN 4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức luận 4.1.1. Mục đích, bản chất và nguồn gốc của nhận thức 4.1.2. Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức 4.1.3. Về khả năng nhận thức của con người 4.1.4. Sự thống nhất và đa dạng của các kiểu tri thức 4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 4.2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng 4.3 Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 4.3.1. Giai đoạn nhận thức cảm tính (trực quan sinh động) 4.3.2. Giai đoạn nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng) 4.3.3. Quan hệ biện chứng giữa hai giai đoạn nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính 4.3.4. Biện chứng trong quá trình nhận thức 4.3.5. Quan điểm duy vật biện chứng về chân lý 4.4. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội 4.4.1. Tính đặc thù của nhận thức xã hội 4.4.2. Các phương pháp nhận	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15. Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.

	thức khoa học 4.4.3. Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn 4.5. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay 4.5.1. Nội dung của nguyên tắc 4.5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lí luận và thực tiễn 4.5.3. Vận dụng nguyên tắc thống nhất lí luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại 5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 5.2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội			
31-35 (5 giờ TC)	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI (tiếp) 5.2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất vật chất và quan hệ sản xuất vật chất 5.2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 5.2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên. 5.3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.1. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1, AM2
36-40	Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH	CLO2	TLM1	AM1,

(5 giờ TC)	THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI (tiếp) + Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Hoạt động học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM2
	5.3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (tiếp) 5.3.2. Các quan điểm khác nhau về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội 5.3.3. Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam 5.3.4. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam			
	Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15. Học: Học viên phân nhóm thảo luận theo đề tài GV cho.	
41-45 (5 giờ TC)	Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị) (tiếp)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15. Học: Học viên phân nhóm thảo luận theo đề tài GV cho.	AM1, AM2
	Chương 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ 6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học 6.1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị 6.1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị 6.1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị 6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội 6.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương	

	tranh giai cấp 6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay 6.3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI		pháp luận.	
	7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội 7.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội 7.1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội			
46-50 (5 giờ TC)	Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI (tiếp) 7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 7.2.1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội 7.2.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội 7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay 7.3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay 7.3.2. Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1 TLM2 TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM1, AM2
	Ra đề tiểu luận để học viên làm thay bài kiểm tra quá trình	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15 Học: Học viên nghiên cứu tài liệu, viết luận trong 01 tuần.	
51-55	Chương 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI	CLO2 CLO3	Dạy: TLM1 TLM2	AM1,

(5 giờ TC)	8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử 8.1.1. Quan điểm về con người trong triết học phương Đông 8.1.2. Quan điểm về con người trong triết học phương Tây trước Mác 8.2. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người 8.2.1. Khái niệm con người 8.2.2. Vai trò của con người là chủ thể của thực tiễn lịch sử 8.2.3. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người 8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh 8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay 8.4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người 8.4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	TLM4 TLM7 TLM8 TLM10 TLM15 Học: Học viên quan sát, lắng lắng nghe và ghi chép, nghiên cứu tài liệu, trao đổi và trả lời câu hỏi, rút ra ý bài học ý nghĩa phương pháp luận.	AM2
56-60 (5 giờ TC)	Thảo luận nhóm + Thảo luận lớp Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích một vấn đề về kinh tế - chính trị - xã hội, liên hệ với công việc hiện tại của anh (chị) (tiếp)	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM10, TLM15. Học: Học viên phân nhóm thảo luận theo đề tài GV cho.	AM1, AM2
Tổng cộng: 60 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1, CLO2	10%
		AM2	CLO4 đến CLO7	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM7	CLO2 đến CLO7	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO2 đến CLO7	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Nguyễn Thị Giáng Hương (2017), Sách chuyên khảo học phần triết học (Dành cho cao học và nghiên cứu sinh khối không chuyên ngành triết học),		

		NXB Dân trí, Hà Nội.	
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[2] Nguyễn Văn Tài, Phạm Văn Sinh (2014), (Bộ Giáo dục và Đào tạo), Giáo trình triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học), Nxb đại học Sư phạm, Hà Nội. [3]. https://dangcongsan.vn [4]. https://www.tapchicongsan.org.vn	
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên
	Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử 1.3. Triết học Mác-Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội 1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam	8	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 1 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 1 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]
	Chương 2: BẢN THỂ LUẬN 2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây 2.2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác - Lênin 2.3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan	18	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 2 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 2 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]
	Chương 3: PHÉP BIỆN CHỨNG 3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử 3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	24	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 3 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 3 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]
	Chương 4: NHẬN THỨC LUẬN	12	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành

4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức luận 4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng 4.3 Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức 4.4. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội 4.5. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay		nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 4 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 4 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]
Chương 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI 5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại 5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 5.3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	20	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 5 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 5 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]
Chương 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ 6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học 6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội 6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay	8	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 6 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 6 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]
Chương 7: Ý THỨC XÃ HỘI 7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội 7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện	12	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 7 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 7 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]

	nay		
	Chương 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI 8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử 8.2. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về con người 8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh 8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	14	Tham gia đầy đủ giờ học trên lớp và hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao. Đọc chương 8 trong tài liệu 1; 2. Trả lời câu hỏi sau chương 8 ở tài liệu 1,2. Tìm đọc VKĐH Đảng các kỳ ĐH. Tìm hiểu và cập nhật thông tin trên trang web: [3], [4]
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Giáng Hương	Tiến sĩ	Triết học
	Đoàn Thị Thu Hà	Tiến sĩ	Triết học
	Nguyễn Thị Thu	Tiến sĩ	Triết học

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	50%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH (AM3) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5)						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung ít phù hợp với yêu cầu, số liệu, thông tin và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, giải thích chưa rõ ràng, thiếu thông tin, số liệu minh họa	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, trích dẫn đầy đủ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, phong phú, trích dẫn rõ ràng	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ ý, không đẹp, thiếu logic	Slide trình bày đủ ý nhưng không logic	Slide trình bày đủ ý, logic nhưng chưa đẹp, thiếu thành thạo	Slide trình bày đủ ý, logic, thể hiện sự thành thạo trong trình bày nhưng chưa đẹp	Slide trình bày đủ ý, logic, đẹp; thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, khó hiểu, vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày dễ hiểu nhưng vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, đúng thời gian quy định nhưng thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn dễ hiểu, đúng thời gian quy định; tương tác tốt với người nghe.	Trình bày thuyết phục, thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe, thời gian trình bày đúng quy định	25%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Tên tiếng Anh: RESEARCH METHODOLOGY
2. Mã học phần	PPN102
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	02 (2,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Thảo luận (Discussion) – TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với cũng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) – TLM8: Trong tiến

	trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Học theo tình huống (Case Study) – TLM9: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu. - Học nhóm (Teamwork Learning) - TLM10: giảng viên tổ chức lớp học phân thành nhiều nhóm nhóm nhỏ, giao nhiệm vụ học tập theo nhóm để nhóm sinh viên cùng nhau nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu, tìm kiếm giải pháp giải quyết các nhiệm vụ được giao và báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm trước lớp với sự điều phối (có thể kết hợp tổ chức tranh biện) của giảng viên. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) – TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản trị kinh doanh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học	PLO1, PLO8	4/6
G2	Cung cấp cơ sở lý luận và	PLO1	5/6

	phát triển khung nghiên cứu		
G3	Cung cấp cho học viên các phương pháp tiếp cận định tính và định lượng.	PLO1	5/6
G4	Trang bị cho người học các kiến thức về xử lý và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS và một số phần mềm khác	PLO1	5/6
G5	Trang bị các kỹ năng để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học	PLO4 PLO5	4/5
G6	Rèn luyện ý thức học tập và tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực về đạo đức trong nghiên cứu khoa học	PLO6 PLO7	5/5

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CĐR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Người học nắm được các nội dung về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học	PLO1, PLO8	T, U
CLO2	Tổng hợp được cơ sở lý luận và phát triển khung nghiên cứu	PLO1, PLO8	T, U
CLO3	Hiểu và vận dụng được phương pháp tiếp cận định tính và định lượng trong nghiên cứu	PLO 4, PLO5, PLO8	T, U
CLO4	Sử dụng thành thạo phần mềm SPSS trong nghiên cứu khoa học	PLO 4, PLO5, PLO8	U
CLO5	Ứng dụng thành thạo các kỹ năng trong nghiên cứu khoa học	PLO4	U
CLO6	Người học có ý thức đối với môn học cũng như tuân thủ các quy tắc về đạo đức trong nghiên cứu khoa học.	PLO6, PLO7	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. Thông qua môn học, học

viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Học viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Học phần cũng sẽ cung cấp cho người học các công cụ và phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu như: SPSS, PLS-SEM, AMOS, Fuzzy AHP... Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, học viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CLO	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 1.1. Các khái niệm Nghiên cứu khoa học 1.2. Phân loại nghiên cứu khoa học 1.2.1. Nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản 1.2.2. Nghiên cứu diễn dịch và quy nạp 1.2.3. Nghiên cứu định tính và định lượng 1.2.4. Nghiên cứu thực chứng, nghiên cứu giải thích và nghiên cứu phê phán 1.3. Xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu 1.3.1. Xác định vấn đề nghiên cứu 1.3.2. Xác định mục tiêu	CLO1 CLO5 CLO6	TLM1, TLM2 Dạy: Giới thiệu về các khái niệm và trình tự nghiên cứu khoa học Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận về các nội dung liên quan đến phân loại NCKH Dạy: Giao bài tự học chuẩn bị trước liên quan đến xác định và mô tả vấn đề nghiên cứu	AM1, AM2,

	nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu 1.3.3. Lựa chọn và đặt tên đề tài 1.4. Trình tự của nghiên cứu khoa học			
6-10	CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁT TRIỂN KHUNG NGHIÊN CỨU 2.1. Cơ sở lý luận (tổng quan nghiên cứu) 2.1.2. Khái niệm 2.2.1. Tài liệu và trích dẫn tài liệu 2.2. Phát triển khung lý thuyết và xây dựng giả thuyết nghiên cứu 2.2.1. Khung lý thuyết 2.2.2. Giả thuyết nghiên cứu	CLO2, CLO5 CLO6	Học: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến tổng quan nghiên cứu Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận các nội dung về khung nghiên cứu... Dạy: Giao bài tự học chuẩn bị trước một đề tài và viết các nội dung liên quan đến khung lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu	AM1, AM2,
11-15	CHƯƠNG 3. NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH 3.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nghiên cứu định tính 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Đặc điểm nghiên cứu định tính 3.1.3. Vai trò của nghiên cứu định tính 3.2. Công cụ nghiên cứu định tính 3.2.1. Phỏng vấn 3.2.2. Thảo luận nhóm 3.2.3. Phương pháp quan	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến nghiên cứu định tính Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận các nội dung về một số phương pháp nghiên cứu định tính	AM1, AM2, AM3

	sát 3.3. Chọn mẫu cho nghiên cứu định tính 3.3.1. Lựa chọn thực địa 3.3.2. Lựa chọn đối tượng 3.4. Phân tích và xử lý thông tin trong nghiên cứu định tính 3.4.1. Các kỹ thuật phân tích dữ liệu định tính 3.4.2. Thời điểm và quy trình tiến hành phân tích 3.4.3. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ 3.5. Một số phương pháp nghiên cứu định tính 3.5.1. Phương pháp Hệ thống ra quyết định (Decision system analysis -DSA) 3.5.2. Phương pháp câu chuyện kể của khách hàng (Consumer story telling – CST) 3.5.3. Phương pháp Phân tích so sánh định tính (Qualitative Comparative Analysis - QCA)			
16-19	CHƯƠNG 4. NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG 4.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nghiên cứu định lượng 4.1.1. Khái niệm nghiên cứu định lượng 4.1.2. Đặc điểm nghiên cứu định lượng	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến Nghiên cứu định lượng Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận các nội dung về phương pháp chọn	

	4.1.3. Vai trò nghiên cứu định lượng 4.2. Phương pháp chọn mẫu 4.2.1. Tổng thể và mẫu 4.2.2. Tổng điều tra và điều tra mẫu 4.2.3. Khung chọn mẫu 4.2.4. Một số phương pháp lấy mẫu 4.2.5. Kích thước mẫu 4.3. Các công cụ thu thập số liệu 4.3.1. Thiết kế Bảng khảo sát 4.3.2. Các loại thang đo 4.3.3. Cấu trúc của bảng hỏi		mẫu và công cụ thu thập số liệu	
19-20	Kiểm tra	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Giảng viên ra đề thi cho 60 phút tự luận	AM4
21-25	CHƯƠNG 5. XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU 5.1. Thống kê mô tả 5.1.1. Các giá trị đặc trưng của một mẫu 5.1.2. Một số loại thống kê mô 5.2. Thống kê so sánh 5.2.1. Kiểm định T (T-test) 5.2.2. Kiểm định ANOVA 5.3. Thống kê suy luận 5.3.1. Phân tích độ tin cậy	CLO3 CLO4, CLO5 CLO6	TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15 Dạy: Thuyết giảng, hướng dẫn học viên thực hiện các thao tác trên phần mềm SPSS Học: Nghe giảng, thực hành các thao tác phân tích trên phần mềm SPSS	AM1, AM2, AM3

	5.3.2. Phân tích nhân tố khám phá 5.3.3. Phân tích hệ số tương quan 5.3.4. Phân tích hồi quy			
26-30	CHƯƠNG 6. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG TRONG KINH DOANH 1.1. Phương pháp cấu trúc tuyến tính (structure equation modeling – SEM) 1.1.1. Các khái niệm 1.1.2. Các bước phân tích 1.1.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả 1.2. Phương pháp PLS-SEM 1.2.1. Các khái niệm 1.2.2. Các bước phân tích 1.2.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả 1.3. Phương pháp cấu trúc phân tầng (Analytical hierarchy process - AHP) 1.3.1. Các khái niệm 1.3.2. Các bước phân tích 1.3.3. Các chỉ số phân tích sự phù hợp của mô hình và diễn giải kết quả	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15 Dạy: Hướng dẫn học viên đọc một số bài báo liên quan đến các phương pháp nghiên cứu Học viên: Đọc và thảo luận các phương pháp nghiên cứu và ứng dụng của nó trong nghiên cứu khoa học	AM1, AM2, AM3

	1.4. Phương pháp Fuzzy – AHP, Fuzzy TOPIS, Fuzzy Logic 1.4.1. Các khái niệm 1.4.2. Các bước phân tích 1.4.3. Diễn giải kết quả			
Tổng cộng: 30 giờ TC				
12.Phươ ng pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5. CLO6	5%
		AM2		5%
		AM3		10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4		20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4		60%
13 Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1]. Nguyễn Quang Vĩnh (2021) <i>Bài giảng Phương pháp nghiên cứu</i> , Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Lao động – Xã Hội. [2]. Nguyễn Đình Thọ, <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh</i> . Nhà xuất bản Tài chính.		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[3]. Dahlia K. Remler, Gregg G. Van Ryzin, <i>Research Methods in Practice Strategies for Description and Causation</i> , NXB SAGE Publications, Inc, 2014. [4] by Robert Cavana, Brian L. Delahaye, Uma Sekaran, <i>Applied Business Research</i> , John Wiley & Sons Inc (August 20, 2001). [5] Lai Wen Shiang, Nguyen Quang Vinh, An Application of AHP Approach to Investigate Tourism Promotional Effectiveness, <i>Tourism and Hospitality Management</i> , Vol.19 (1), pp. 1-22 (2013). [6] Nguyen Quang Vinh (2017) Ứng dụng phương pháp AHP mờ (FAHP) trong xếp hạng thứ tự các yếu tố chủ yếu dẫn đến thành công trong khởi		

		nghệ nghiệp.	
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên
	Chương 1. Tổng quan về nghiên cứu khoa học	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 1 của tài liệu số [1], [2] và chương 1 tài liệu số [4].
	Chương 2. Cơ sở lý luận và phát triển khung nghiên cứu	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 2 của tài liệu số [1], [2] và chương 3 tài liệu số [3].
	Chương 3. Nghiên cứu định tính	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 3 của tài liệu số [1], và chương 4 tài liệu số [4].
	Chương 4. Nghiên cứu định lượng	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 4 của tài liệu số [1], và chương 5 tài liệu số [3].
	Chương 5. Xử lý và phân tích số liệu	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 5 của tài liệu số [1], và chương 6 tài liệu số [4].
	Chương 6. Một số Phương pháp phân tích định lượng	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 6 của tài liệu số [1], [5] và [6]
	Tổng cộng	60	
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Quang Vĩnh	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Lục Mạnh Hiên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC Tên tiếng Anh: STRATEGIC HUMAN RESOURCES MANAGEMENT
2. Mã học phần	QTN201
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng; - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Người học lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt; - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn người học từng bước trả lời các câu hỏi; - Thảo luận (Discussion) - TLM7: người học hoạt động theo nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập tình huống) do giảng viên giao. Phương pháp này vừa giúp người học rèn kỹ năng tổ chức làm việc nhóm và làm việc theo nhóm, luyện kỹ năng nghe và phát triển quan điểm cá nhân trong quan điểm nhóm, ra quyết định theo nhóm, giải quyết các vấn đề chuyên môn theo nhóm và phát triển kỹ năng tư duy hệ thống; - Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team) - TLM13: Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục

	học tập cao hơn ở bậc cao hơn. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Người học chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết. - Kỹ thuật “Động não” (Brainstorming) - TLM17: Là phương pháp nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong nhóm cùng thảo luận. Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận chung của cả nhóm trong một thời gian quy định. Các ý kiến đều được thư ký ghi nhận, khuyến khích thành viên đưa ra càng nhiều ý kiến càng tốt. Các thành viên tham gia một cách tích cực nhằm tạo ra “Cơn lốc” ý tưởng.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	<i>Về kiến thức:</i> Môn học trang bị cho học viên cao học chuyên ngành Quản trị nhân lực những kiến thức tổng hợp về Chiến lược Quản lý nguồn nhân lực gắn kết với chiến lược doanh nghiệp.	PLO2, PLO3	4/6
G2	<i>Về kỹ năng:</i> Môn học rèn luyện cho học viên cao học tư duy chiến lược, từ đó đề xuất chiến lược quản lý nguồn nhân lực và rèn luyện các kỹ năng triển khai các hoạt	PLO4, PLO5, PLO8	4/5

	động quản trị nhân lực dựa theo bản đồ chiến lược quản lý nguồn nhân lực.		
G3	Về thái độ: Giáo dục học viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của chiến lược Quản lý nguồn nhân lực, có ý thức rèn luyện tư duy chiến lược và tinh thần trách nhiệm trong triển khai các hoạt động quản lý nguồn nhân lực theo bản đồ chiến lược.	PLO6, PLO7	4/5

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Nắm vững được khái niệm, vai trò, yêu cầu của chiến lược quản lý nguồn nhân lực và tầm quan trọng của việc xây dựng chiến lược quản lý nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	PLO2	I, T
CLO2	Hiểu được bản chất, vai trò của mối quan hệ của các chiến lược quản lý nguồn nhân lực với chiến lược của doanh nghiệp	PLO2	I, T
CLO3	Hiểu được các chiến lược phát triển tổ chức và các chiến lược nguồn nhân lực trong tổ chức	PLO3, PLO8	I, T
CLO4	Phân tích được hiệu suất hoạt động của tổ chức khi có chiến lược nguồn nhân lực.	PLO4	I, T, U
CLO5	Phân tích chiến lược thực hiện hoạt động chức năng về đào tạo phát triển nhân lực	PLO4	I, T, U
CLO6	Phân tích các chiến lược thực hiện hoạt động chức năng xây dựng hệ thống thù lao	PLO5	I, T, U

	lao động trong doanh nghiệp		
CLO7	Chủ động tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp, tích cực tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần, tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	PLO6 PLO7	I, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần chiến lược quản lý nguồn nhân lực đưa ra cách nhìn về chiến lược quản lý nguồn nhân lực, vai trò và cách thức để từ đó giúp cho mỗi tổ chức, doanh nghiệp ý thức hơn trong việc xây dựng chiến lược quản lý nguồn nhân lực phù hợp để nâng cao hiệu suất hoạt động, đạt mục tiêu tổ chức một cách bền vững.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CĐR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN CHIẾN LƯỢC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC 1.1. Bản chất của chiến lược 1.1.1. Định nghĩa chiến lược 1.1.2. Công thức của chiến lược 1.2. Bản chất của chiến lược quản lý nguồn nhân lực 1.2.1. Định nghĩa chiến lược quản lý nguồn nhân lực 1.2.2. Cơ sở của chiến lược quản lý nguồn nhân lực 1.2.3. Các nguyên tắc	CLO1, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1 AM2

	của chiến lược quản lý nguồn nhân lực			
6-10 (5 giờ TC)	1.2.4. Vai trò của chiến lược quản lý nguồn nhân lực 1.2.5. Các quan điểm tiếp cận về chiến lược quản lý nguồn nhân lực (Phương pháp tiếp cận thực tiễn tốt nhất Cách tiếp cận phù hợp nhất;	CLO1, CLO4, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), bài tập về nhà (TLM15), Kỹ thuật “Động não”(TLM17). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1 AM2
11-15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: THỂ ĐIỂM NGUỒN NHÂN LỰC, LIÊN KẾT CON NGƯỜI, CHIẾN LƯỢC VÀ HIỆU SUẤT 2.1. Mô hình bảy bước thực thi vai trò chiến lược của nguồn nhân lực 2.1.1 Cụ thể hoá chiến lược kinh doanh 2.1.2. Xây dựng những phương án kinh doanh coi nguồn nhân lực như một tài sản chiến lược	CLO1, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1 AM2
16-20 (5 giờ TC)	2.1.3. Tạo lập bản đồ chiến lược	CLO2, CLO5,	- Dạy: Giải thích cụ thể	AM1 AM2

	2.1.4. Xác định nguồn nhân lực cần được cung cấp trong bản đồ chiến lược 2.1.5. Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực theo yêu cầu	CLO6, CLO7, CLO8	(TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), nhóm nghiên cứu giảng dạy (TLM13) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	
21-25 (5 giờ TC)	2.1.6. Thiết kế hệ thống đo lường chiến lược nhân sự 2.1.7. Thực hiện quản lý bằng hệ thống đo lường 2.2. Tạo lập một thể điểm nguồn nhân lực 2.3. Phân tích chi phí - lợi ích của các phương án/can thiệp nhân sự	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), nhóm nghiên cứu giảng dạy (TLM13), bài tập về nhà (TLM15). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1 AM2
26-30 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3. THỰC HÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC CHIẾN LƯỢC 3.1. Chiến lược quản lý	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu	AM1 AM2

	vốn nhân lực 3.1.1. Vai trò của quản lý vốn nhân lực 3.1.2. Liên kết giữa quản lý vốn nhân lực và chiến lược kinh doanh 3.1.3. Phát triển một chiến lược quản lý vốn nhân lực		hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), nhóm nghiên cứu giảng dạy (TLM13), bài tập về nhà (TLM15), Kỹ thuật “Động não”(TLM17). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	
31-35 (5 giờ TC)	3.2. Chiến lược hiệu suất cao 3.2.1. Định nghĩa hệ thống làm việc hiệu suất cao 3.2.2. Đặc điểm của hệ thống làm việc hiệu suất cao 3.2.3. Phát triển một chiến lược hiệu suất cao	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), bài tập về nhà (TLM15), Kỹ thuật “Động não”(TLM17). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1 AM2 AM4
36-40 (5 giờ TC)	3.3. Chiến lược phát triển tổ chức 3.3.1. Định nghĩa phát triển tổ chức	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng	AM1 AM2

	3.3.2. Chiến lược phát triển tổ chức 3.3.3. Các hoạt động kết nối trong chiến lược phát triển tổ chức 3.3.4. Chiến lược chuyển đổi tổ chức 3.4. Chiến lược gắn kết nhân viên 3.4.1. Bản chất của gắn kết và tham gia 3.4.2. Dấu hiệu của sự gắn kết 3.4.3. Chiến lược thúc đẩy sự gắn kết		(TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), nhóm nghiên cứu giảng dạy (TLM13), bài tập về nhà (TLM15), Kỹ thuật “Động não”(TLM17). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	
41-45 (5 giờ TC)	3.5. Chiến lược học tập và phát triển 3.5.1. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực 3.5.2. Chiến lược tạo lập văn hoá học tập 3.5.3. Chiến lược học tập có tổ chức 3.5.4. Chiến lược tổ chức học tập 3.5.5. Chiến lược học tập cá nhân 3.6. Chiến lược đãi ngộ nhân sự 3.6.1. Định nghĩa chiến lược đãi ngộ nhân sự 3.6.2. Tại sao cần thiết một chiến lược đãi ngộ nhân sự	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1 AM2

	3.6.3. Đặc điểm của chiến lược đãi ngộ nhân sự 3.6.4. Cấu trúc và thành phần của chiến lược đãi ngộ nhân sự			
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO8	10%
		AM2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1]. Michael Armstrong (2008), <i>Strategic Human Resource Management</i> , 4 th Edition by Kogan London and Philadelphia. [2]. Brian E. Becker, Mark A Huselid, Dave Ulrich (2001), <i>The HR Scorecard: Linking People, Strategy, and Performance</i> .		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[3]. Dave Ulrich (2018), <i>Bản đồ chiến lược nhân sự</i> , NXB Công Thương. [4] Robert S.Kaplan & David P.Norton (2016), <i>Thẻ điểm cân bằng – Biến chiến lược thành hành động</i> , Nhà xuất bản trẻ.		
	Trang Web/ CDs tham khảo			
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên	
	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN LƯỢC QUẢN	15	Đọc trước nội dung Chương 1, 2, 3 tài liệu số 1	

	LÝ NGUỒN NHÂN LỰC			
	CHƯƠNG 2. CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CẢI THIỆN HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC		20	Đọc trước nội dung tài liệu số 2, 3, 4
	CHƯƠNG 3. THỰC HÀNH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC CHIẾN LƯỢC		35	Đọc trước nội dung chương 8, 9, 11, 12, 14, 16, 17 tài liệu số 1
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị		Chuyên môn
	Lê Thanh Hà	Phó giáo sư, Tiến sĩ		Kinh tế lao động
	Vũ Hồng Phong	Tiến sĩ		Kinh tế lao động
	Nguyễn Thị Hồng77	Tiến sĩ		Quản lý kinh tế
	Cán Hữu Dạn	Tiến sĩ		Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
KINH TẾ NGUỒN NHÂN LỰC

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: KINH TẾ NGUỒN NHÂN LỰC Tên tiếng Anh: HUMAN RESOURCES ECONOMICS
2. Mã học phần	QTN202
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng; - Thuyết giảng (Lecture) - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải: Trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Người học lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt; - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn người học từng bước trả lời các câu hỏi. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.

	- Học theo tình huống (Case study) - TLM9: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu được kiến thức chuyên sâu về kinh tế nguồn nhân lực, bao gồm phát triển nguồn nhân lực và sử dụng nguồn nhân lực sao cho có kinh tế nhất/ hiệu quả nhất cả phạm vi vĩ mô và vi mô.	PLO2	4/6
G2	Phân tích, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân; phân tích, đánh giá các chính sách sử dụng nguồn nhân lực; Xây dựng giải pháp phát triển và sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả; Kỹ năng vận dụng kinh tế nguồn nhân lực vào trong quá trình quản trị nguồn nhân lực; đề xuất chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực.	PLO4 PLO6	4/5
G3	Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của nguồn nhân lực, kinh tế nguồn nhân lực của tổ chức, ngành, quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập, cách mạng 4.0.	PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần: các mục tiêu hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T,U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	CĐR của CTĐT	Mức độ giảng dạy (I,T,U)

		(PLOs)	
CLO1	Nắm vững được khái niệm, nội dung, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế nguồn nhân lực.	PLO2	I, T
CLO2	Phân tích, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực, các chính sách sử dụng nguồn nhân lực.	PLO4 PLO6	I, T
CLO3	Phân tích, đánh giá thực trạng năng suất lao động, các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao động, các chính sách quản lý năng suất lao động.	PLO4 PLO6	I, T, U
CLO4	Xây dựng giải pháp phát triển và sử dụng nguồn nhân lực hiệu quả; vận dụng kinh tế nguồn nhân lực vào trong quá trình quản trị nguồn nhân lực ở doanh nghiệp; quản trị doanh nghiệp hoặc đề xuất chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực ở vĩ mô.	PLO4, PLO6	I, T, U
CLO5	Chủ động nghiên cứu tài liệu và tham gia nghe giảng trên lớp đầy đủ; Tích cực tìm hiểu kiến thức thực tiễn.	PLO7	I, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế nguồn nhân lực gồm các nội dung: Tổng quan về kinh tế nguồn nhân lực, phát triển, sử dụng nguồn nhân lực, quản lý năng suất lao động.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ TC	Nội dung	CDR Học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1 - 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ NGUỒN NHÂN LỰC 1.1. Các khái niệm 1.1.1. Khái niệm nhân lực 1.1.2. Khái niệm kinh tế nguồn nhân lực 1.2. Vai trò của kinh tế nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế	CLO1, CLO5	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi	AM1

	- xã hội 1.2.1. Vai trò của kinh tế nguồn nhân lực đối với phát triển kinh tế 1.2.2. Vai trò của kinh tế nguồn nhân lực đối với phát triển xã hội			
6 - 10 (5 giờ TC)	1.3. Nhân tố ảnh hưởng đến kinh tế nguồn nhân lực 1.3.1. Các nhân tố thuộc môi trường bên trong 1.3.2. Các nhân tố thuộc môi trường bên ngoài 1.4. Nội dung của kinh tế nguồn nhân lực 1.4.1. Phát triển, sử dụng nguồn nhân lực 1.4.2. Quản lý năng suất lao động 1.5. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu kinh tế nguồn nhân lực 1.5.1. Đối tượng nghiên cứu 1.5.2. Phạm vi nghiên cứu	CLO1, CLO5	Dạy: TLM2, TLM7 Học: Trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm	AM1, AM3
11 - 15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC 2.1. Phát triển nguồn nhân lực 2.1.1. Khái niệm, tiêu chí đánh giá nguồn nhân lực, phát triển nguồn nhân lực 2.1.2. Nội dung phát triển nguồn nhân lực 2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng	CLO2, CLO5	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3

	đến phát triển nguồn nhân lực			
16 - 20 (5 giờ TC)	2.2. Phân bổ nguồn nhân lực 2.2.1. Khái niệm, yêu cầu của phân bổ nguồn nhân lực 2.2.2. Xu hướng phân bổ nguồn nhân lực 2.2.3. Nhân tố ảnh hưởng đến phân bổ nguồn nhân lực 2.2.4. Hoạt động phân bổ nguồn nhân lực	CLO2, CLO5	Dạy: TLM1, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
21 - 25 (5 giờ TC)	2.3. Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực 2.3.1. Phát triển thị trường lao động	CLO2	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
26 - 30 (5 giờ TC)	2.3.2. Các giải pháp/ chính sách sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực	CLO2, CLO4	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe, thảo luận nhóm để tìm cách giải quyết vấn đề	AM1
31 - 35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG 3.1. Năng suất lao động 3.1.1. Các khái niệm 3.1.2. Tiêu chí/chỉ tiêu đánh giá năng suất lao động 3.1.3. Nhân tố ảnh hưởng đến năng suất lao động	CLO3	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
36 - 40 (5 giờ TC)	3.2. Quản lý năng suất lao động	CLO3, CLO4	Dạy: TLM1, TLM8,	AM1, AM3

	hiệu quả 3.2.1. Lập kế hoạch năng suất lao động 3.2.2. Triển khai thực hiện		TLM9 Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống	
41 - 45 (5 giờ TC)	3.2.3. Kiểm soát quá trình thực hiện 3.2.4. Đánh giá năng suất lao động	CLO4, CLO5	Dạy: TLM8, TLM9 Học: tham gia giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống	AM1, AM3, AM4
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CDR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO5	10%
		AM3	CLO1, CLO2, CLO3	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM7	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Đoàn Thị Yến (2022). <i>Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực</i> . Trường Đại học Lao động - Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[2] Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh (2012). <i>Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực</i> . NXB Đại học Kinh tế quốc dân. [3] Vũ Hồng Phong (2019). <i>Giáo trình Quản trị nhân lực ngành Quản trị kinh doanh</i> . Trường Đại học Lao động - Xã hội.		
14. Hướng dẫn học	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của người học	
	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ	20	Người học đọc trước nội	

viên tự học, nghiên cứu	KINH TẾ NGUỒN NHÂN LỰC		dung chương 1 của tài liệu số 1 và chương 2 tài liệu số 2.
	CHƯƠNG 2. PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC	40	Người học đọc trước nội dung chương 2 của tài liệu số 1, tài liệu số 2, chương 5,6 tài liệu số 3
	CHƯƠNG 3. QUẢN LÝ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG	30	Người học đọc trước nội dung chương 3 của tài liệu số 1, và chương 5, 6, tài liệu số 3
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đoàn Thị Yến	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Trần Thị Minh Phương	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Hồng 88	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN KINH TẾ NGUỒN NHÂN LỰC

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1) (CLO5)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5-6,9)	Mức B (7,0 –7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	50%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH (AM3) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4)						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung ít phù hợp với yêu cầu, số liệu, thông tin và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, giải thích chưa rõ ràng, thiếu thông tin, số liệu minh họa	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, trích dẫn đầy đủ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, phong phú, trích dẫn rõ ràng	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ ý, không đẹp, thiếu logic	Slide trình bày đủ ý nhưng không logic	Slide trình bày đủ ý, logic nhưng chưa đẹp, thiếu thành thạo	Slide trình bày đủ ý, logic, thể hiện sự thành thạo trong trình bày nhưng chưa đẹp	Slide trình bày đủ ý, logic, đẹp; thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, khó hiểu, vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày dễ hiểu nhưng vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, đúng thời gian quy định nhưng thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn dễ hiểu, đúng thời gian quy định; tương tác tốt với người nghe.	Trình bày thuyết phục, thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe, thời gian trình bày đúng quy định	25%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VĂN HÓA TỔ CHỨC

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: VĂN HÓA TỔ CHỨC Tên tiếng Anh: ORGANIZATIONAL CULTURE
2. Mã học phần	QTN203
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải: trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Học viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) TLM4: Trong quá trình dạy học, giảng viên sử dụng câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, dẫn dắt, hướng dẫn học viên từng bước trả lời từng câu hỏi. Học viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra. - Thảo luận (Discussion) TLM7: Học viên được chia thành các nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (Case Study) do giảng viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy học viên phân tích các khái niệm, định nghĩa, dữ liệu, nêu quan điểm giúp học viên phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. - Học theo tình huống (Case Study) TLM9: Giảng viên đưa ra các tình huống, yêu cầu học viên phân tích tình huống, và tìm biện pháp giải quyết. Tình huống được thiết kế dựa trên từng khối khung kiến thức thuộc

	học phần. Thông qua tình huống, giảng viên giúp học viên vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống thực tế và luyện kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như trong tình huống. - Học nhóm (Teamwork Learning) - TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.		
7. Đơn vị quản lý học phần		Khoa Quản lý nguồn nhân lực	
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu và vận dụng sáng tạo và có hệ thống những vấn đề về quy luật hình thành, đặc điểm, bản chất của văn hóa tổ chức. Hiểu và nắm vững những yếu tố tác động đến văn hóa tổ chức. Vai trò tác động của VHTC đến hành vi các nhân trong tổ chức: sự hài lòng, sự chuyển lao động, tỷ lệ nghỉ việc; sự gắn kết và năng suất lao động.	PLO2, PLO3	3/6
G2	Rèn luyện khả năng điều chỉnh thái độ, hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tổ chức sao cho phù hợp với mục tiêu của văn hóa tổ chức. Hình thành và rèn luyện các năng lực lý giải, dự đoán và kiểm soát hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tình huống thực tiễn. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp,	PLO5	4/5

	thuyết phục phục vụ công tác quản trị nhân lực đạt hiệu quả.		
G3	Chủ động định hướng, hướng dẫn đưa ra các chiến lược chuyên sâu trong quá trình thực hiện công việc, phong cách làm việc chuyên nghiệp, dám làm, dám chịu (có bản lĩnh); Hình thành và có chí hướng tự học tập, tự cập nhật, tự tích lũy kinh nghiệm.	PLO6	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U; Mô tả CDR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu và vận dụng sáng tạo cơ sở hành vi cá nhân, nhóm, các học thuyết lãnh đạo để hướng đến sự hài lòng, sự chuyển đổi lao động, tỷ lệ nghỉ việc; sự gắn kết và năng suất lao động	PLO2	I, T, U
CLO2	Hiểu và vận dụng có hệ thống kiến thức giao tiếp và truyền thông trong tổ chức để xây dựng văn hóa tổ chức trở thành yếu tố nội lực mang lại giá trị và định hướng các hoạt động quản trị nhân lực hiệu quả	PLO2	I, T, U
CLO3	Phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề về hành vi của cá nhân, nhóm và tổ chức; tư vấn và tham mưu cho các cấp quản lý liên quan đến sự hài lòng, sự chuyển đổi lao động, tỷ lệ nghỉ việc; sự gắn kết và năng suất lao động. Đánh giá hiện trạng hoạt động	PLO3	T, U

	truyền thông nội bộ, văn hóa tổ chức để tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong công tác xây dựng truyền thông và văn hóa tổ chức		
CLO4	Rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng phản biện, kỹ năng giao tiếp; phát triển kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm.	PLO5	I, U
CLO5	Hình thành lối sống tích cực, biết lắng nghe và quan tâm đến những người xung quanh. Điềm tĩnh, tự tin trong việc tìm kiếm những kiến thức liên quan đến hành vi cá nhân, nhóm, tổ chức.	PLO6	T, U
CLO6	Có thái độ nghiêm túc, cầu thị và tăng cường tính chủ động, tham gia giờ giảng đầy đủ, đúng giờ, tự tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc, không ngừng đưa ra những giải pháp chuyên sâu chiến lược cho tổ chức.	PLO6	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa tổ chức cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và cái nhìn tổng quan về văn hóa tổ chức. Trong đó, học phần làm rõ những vấn đề như các đặc trưng của văn hóa tổ chức, biểu hiện của văn hóa tổ chức, vai trò của văn hóa tổ chức. Học phần phân tích những cơ sở hình thành văn hóa tổ chức, từ cơ sở hành vi cá nhân, cơ sở hành vi nhóm, vai trò của nhà sáng lập tổ chức, vai trò của lãnh đạo, hệ thống các giá trị của tổ chức; đánh giá mối quan hệ tương tác giữa thái độ, hành vi người lao động với văn hóa tổ chức. Học viên được trang bị những kiến thức, kỹ năng nhằm đạt được khả năng kiểm soát, duy trì và xây dựng văn hóa tổ chức, hoặc có thể thực hiện những tác động điều chỉnh, thay đổi văn hóa tổ chức sao cho phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của tổ chức.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng	Hoạt động dạy và học	Bài đánh
--------------------	-----------------	----------------	-----------------------------	-----------------

		CLO	(TLMs)	giá (AMs)
1-5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA TỔ CHỨC 1.1. Bản chất của văn hóa tổ chức 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Vai trò của văn hóa tổ chức 1.1.3. Đặc trưng của văn hóa tổ chức 1.2. Các mô hình văn hóa tổ chức 1.2.1. Mô hình nghiên cứu văn hóa tổ chức của Recardo và Jolly 1.2.2. Mô hình ba lớp văn hóa tổ chức của Schein 1.2.3. Mô hình văn hóa đa chiều của Hofstede 1.2.4. Mô hình nghiên cứu văn hóa tổ chức của Trompenaars 1.2.5. Mô hình văn hóa tổ chức của Cameron và Quinn 1.2.6. Mô hình văn hóa tổ chức của Denison 1.2.7. Một số mô hình đo lường văn hóa tổ chức khác	CLO1 CLO3 CLO4	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và tham gia thảo luận nhóm	AM1 AM2
6- 10 (5 giờ TC)	1.3. Biểu hiện của văn hóa tổ chức 1.3.1. Vật thể hữu hình 1.3.2. Giá trị được tuyên bố 1.3.3. Các giả định 1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa tổ chức 1.4.1. Các yếu tố bên trong	CLO1 CLO3 CLO4	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7 Học: Lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và	AM1 AM2

	1.4.2. Các yếu tố bên ngoài		tham gia thảo luận nhóm	
11-15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA TỔ CHỨC 2.1. Cơ sở hình thành văn hóa tổ chức 2.1.1. Cơ sở hành vi cá nhân 2.1.2. Cơ sở hành vi nhóm 2.1.3. Triết lý, quan điểm, phong cách lãnh đạo của người sáng lập tổ chức 2.1.4. Hệ thống các giá trị của tổ chức	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM10 Học: Lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và tham gia thảo luận nhóm, học viên giải quyết các tình huống liên quan đến nội dung bài học	AM1 AM2
16 -20 (5 giờ TC)	2.2. Tác động của văn hóa tổ chức đến thái độ, hành vi người lao động 2.2.1. Ảnh hưởng tích cực của văn hóa mạnh 2.2.2. Ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa tới thái độ và hành vi người lao động	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9 Học: Lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và	AM1 AM2

			tham gia thảo luận nhóm, học viên giải quyết các tình huống liên quan đến nội dung bài học	
21 -22 (2 giờ TC)	2.3. Truyền thông nội bộ trong tổ chức 2.3.1. Tầm quan trọng của truyền thông nội bộ 2.3.2. Phương thức truyền thông trong tổ chức	CLO1 CLO3	Dạy: TLM1, TLM2, TLM10 Học: Lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi.	AM1
23 -27 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA TỔ CHỨC 3.1. Xây dựng văn hóa tổ chức 3.1.1. Sự cần thiết xây dựng văn hóa tổ chức 3.1.2. Các yếu tố cần chú ý khi xây dựng văn hóa tổ chức 3.1.3. Các giai đoạn hình thành khi xây dựng văn hóa tổ chức 3.1.4. Quy trình xây dựng văn hóa tổ chức	CLO2 CLO3 CLO5 CLO6	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM9 Học: Học viên lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và tham gia thảo luận nhóm, học viên giải quyết các tình huống	AM1 AM2

			liên quan đến nội dung bài học, chủ động học nhóm để báo cáo kết quả	
28 -32 (5 giờ TC)	3.2. Các yếu tố cơ bản duy trì văn hóa tổ chức 3.2.1. Định hướng mục tiêu phát triển tổ chức 3.2.2. Quan điểm, phong cách lãnh đạo của người lãnh đạo 3.2.3. Chú trọng tuyển dụng nhân lực 3.2.4. Chú trọng đào tạo nhân lực 3.2.5. Xây dựng quy chế thưởng công bằng 3.2.6. Một số yếu tố khác	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: TLM1, TLM2, TLM7, TLM10 Học: Lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và tham gia thảo luận nhóm, học viên giải quyết các tình huống liên quan đến nội dung bài học	AM1 AM4
33-35 (3 giờ TC)	3.3. Sự lan truyền văn hóa tổ chức 3.3.1. Những câu chuyện 3.3.2. Các nghi thức 3.3.3. Các biểu tượng vật chất 3.3.4. Ngôn ngữ			
36-40 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 4: KIỂM SOÁT VÀ THAY ĐỔI VĂN HÓA TỔ CHỨC	CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: TLM1, TLM2, TLM7,	AM1 AM2

	4.1. Văn hóa tổ chức trong xu thế hội nhập quốc tế 4.2. Kiểm soát văn hóa tổ chức 4.2.1. Kiểm soát hành vi người lao động 4.2.2. Giá trị vật thể hữu hình 4.2.3. Các giá trị phi vật chất	CLO5	TLM9 Học: Học viên lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và tham gia thảo luận nhóm, chủ động học nhóm để báo cáo kết quả	
41-45 (5 giờ TC)	4.3. Thay đổi văn hóa tổ chức 4.3.1. Một số thách thức khi thay đổi văn hóa tổ chức 4.3.2. Quy trình thay đổi văn hóa tổ chức 4.3.3. Các yếu tố cơ bản cần thiết thay đổi văn hóa tổ chức 4.3.3.1. Nhân tố con người 4.3.3.2. Thay đổi cơ cấu tổ chức 4.3.3.3. Thay đổi hệ thống quản lý	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: TLM1, TLM2, TLM7, TLM10 Học: Học viên lắng nghe và ghi chép, phát biểu xây dựng bài, trả lời câu hỏi và tham gia thảo luận nhóm, chủ động học nhóm để báo cáo kết quả	AM1 AM2
Tổng cộng: 45 giờ tín chỉ				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ

	A1. Điểm quá trình (20%)		AM1	CLO5, CLO6	10%
			AM8	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)		AM4	CLO1, CLO3 CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)		AM5	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Cần Hữu Dạn (2020). <i>Bài giảng Hành vi tổ chức</i>. Trường Đại học Lao động - Xã hội. [2] Nguyễn Thị Bích Loan (2020). <i>Giáo trình Văn hóa kinh doanh</i>. NXB Thống kê.			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[3] Dương Thị Liễu (2013). <i>Giáo trình Văn hóa kinh doanh</i>. NXB. Đại học Kinh tế quốc dân. [4] Phạm Thúy Hương, Phạm Thị Bích Ngọc (2016). <i>Giáo trình Hành vi tổ chức</i>. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.			
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung		Giờ TC	Hoạt động của học viên	
	BÀI 1: TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA TỔ CHỨC		20	Học viên đọc trước nội dung Tài liệu số [1], đọc chương 1 Tài liệu số [2] [3]	
	BÀI 2 CƠ SỞ HÌNH THÀNH VĂN HÓA TỔ CHỨC		25	Học viên đọc trước nội dung Tài liệu số [1], [2], [3]	
	BÀI 3. XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA TỔ CHỨC		25	Học viên đọc trước nội dung Tài liệu số [1], [2], [4]	

	BÀI 4: KIỂM SOÁT VÀ THAY ĐỔI VĂN HÓA TỔ CHỨC	20	Học viên đọc trước nội dung Tài liệu số [1], [2], [3]
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Cán Hữu Dạn	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN VĂN HÓA TỔ CHỨC

RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN (AM1)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	60%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%

RUBIC ĐÁNH GIÁ THẢO LUẬN NHÓM (AM8)				
Mức độ đạt chuẩn				
Mức F: 0 điểm	Mức D và D ⁺	Mức C và C ⁺ Trừ tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm	Mức B và B ⁺ Tính bằng điểm trung bình của nhóm	Mức A và A ⁺ Cộng tối đa 2 điểm so với điểm trung bình nhóm
Không tham gia, không chấp hành phân công của nhóm,	Tham gia không tích cực, thụ động, ít đóng góp, bị trừ đi tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm	Tham gia ở mức độ trung bình, cho điểm bằng điểm trung bình của nhóm	Thường xuyên tham gia góp ý và đóng góp ý kiến hay, được cộng thêm tối đa 01 điểm	Nhiệt tình, tích cực, có nhiều đóng góp hiệu quả cao, được cộng thêm tối đa 02 điểm so với điểm trung bình của nhóm

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA GIỮA KÌ (AM4)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0-4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Nội dung	Làm đúng dưới 30% bài kiểm tra	Làm đúng từ 30%-39% bài kiểm tra	Làm đúng từ 40%-49% bài kiểm tra	Làm đúng từ 50%-59% bài kiểm tra	Làm đúng từ 60%-69% bài kiểm tra	Làm đúng từ 70%-79% bài kiểm tra	Làm đúng từ 80%-84% bài kiểm tra	Làm đúng từ 85%-89% bài kiểm tra	Làm đúng từ 90%-100% bài kiểm tra	90%
Trình bày	Trình bày rất cẩu thả, lộn xộn, không có bố cục rõ ràng, không rõ ý chính	Trình bày cẩu thả, không có bố cục rõ ràng.	Trình bày chưa hợp lý. Không có bố cục rõ ràng,	Trình bày ở mức độ trung bình, Có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức độ trung bình khá, có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức khá, có bố cục tương đối phù hợp	Trình bày tốt, có bố cục hợp lý	Trình bày tốt, sạch đẹp, có bố cục rõ ràng, hợp lý	Trình bày sạch đẹp, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, logic, hợp lý	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIỚI TRONG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

*(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLDXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GIỚI TRONG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC Tên tiếng Anh: GENDER IN HUMAN RESOURCES MANAGEMENT
2. Mã học phần	QTN204
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm

	việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Học viên được trang bị những kiến thức về giới, bình đẳng giới, bình đẳng giới trong quản lý nguồn nhân lực, văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới trong quản lý nguồn nhân lực của Việt Nam và quốc tế. Đồng thời cung cấp cho học viên cách thức lồng ghép giới trong quản lý nguồn nhân lực.	PLO3	4/6
G2	Học viên được rèn luyện các kỹ năng phân tích các vấn đề liên quan đến bất bình đẳng giới, định kiến giới có thể còn tồn tại trong công tác quản lý nguồn nhân lực ở cơ quan, tổ chức; kỹ năng phân tích giới và lồng ghép giới trong quản lý nguồn nhân lực.	PLO4, PLO6	4/5
G3	Giáo dục người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của bình đẳng giới trong	PLO6, PLO7	4/5

	quản lý nguồn nhân lực, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm lồng ghép giới trong xây dựng và triển khai các hoạt động quản lý nguồn nhân lực.		
9. Chuẩn đầu ra của học phần <i>Mô tả CDR bằng các động từ chủ động, các chủ đề và bối cảnh cụ thể; Mỗi liên hệ đáp ứng CDR CTĐT; Mức độ giảng dạy để đáp ứng CDR</i> <i>Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng.</i>			
CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Học viên nhớ và hiểu được các khái niệm cơ bản, hiểu được nguyên tắc, công cụ phân tích giới và vai trò của các bên liên quan trong công tác quản lý nguồn nhân lực	PLO3	I/T/U
CLO2	Học viên hiểu và vận dụng phân tích được các văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới, các công ước quốc tế về bình đẳng giới có liên quan đến công tác quản lý nguồn nhân lực	PLO3	I/T/U
CLO3	Học viên hiểu và vận dụng các hoạt động bình đẳng giới trong quản lý nguồn nhân lực	PLO4	I/T/U
CLO4	Người học có phẩm chất đạo đức, tham gia giờ giảng đầy đủ chủ động, tích cực.	PLO6	I/U
CLO5	Có chí hướng và khả năng tự học tập, tự cập nhật, tự nghiên cứu, tự tích lũy kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và	PLO6, PLO7	I/U

	đáp ứng các yêu cầu công việc với chức danh cao hơn.			
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Giới trong quản lý nguồn nhân lực gồm các nội dung: Bình đẳng giới và mối quan hệ giữa công tác quản lý nguồn nhân lực với bình đẳng giới; Các văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới liên quan đến quản lý nguồn nhân lực và Bình đẳng giới trong quản lý nguồn nhân lực.				
11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy LÝ THUYẾT:				
Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC VỚI BÌNH ĐẲNG GIỚI 1.1. Bình đẳng giới và một số khái niệm liên quan 1.1.1. Bình đẳng giới 1.1.2. Định kiến giới 1.1.3. Nhạy cảm giới 1.1.4. Khoảng cách giới 1.1.5. Chỉ số giới	CLO1, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4, AM7
6-10 (5 giờ TC)	1.2. Phân tích giới 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Nguyên tắc phân tích giới 1.3. Công cụ phân tích giới 1.3.1. Công cụ tiếp cận, sử dụng và kiểm soát nguồn và lợi ích	CLO1, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện	AM1, AM2, AM4, AM7

	1.3.2. Công cụ phân tích sử dụng “Mô hình ra quyết định” 1.3.3. Công cụ phân tích “Nhu cầu giới”		nhiệm vụ làm việc ở nhà	
11-15 (5 giờ TC)	1.4. Vai trò của các bên liên quan trong công tác quản lý nguồn nhân lực 1.4.1. Người đứng đầu tổ chức 1.4.2. Người làm công tác nhân sự 1.4.3. Người lao động 1.4.4. Các tổ chức đại diện	CLO1, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4, AM7
16-20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC 2.1. Các văn bản quy định của Việt Nam 2.1.1. Các văn bản của Quốc hội (Luật Bình đẳng giới) 2.1.2. Các văn bản của Chính phủ 2.1.3. Các văn bản của Bộ ngành (Bộ LĐ – TB &XH)	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4, AM7
21-25 (5 giờ TC)	2.2. Các công ước quốc tế có liên quan 2.1.1. Công ước quốc tế về sự xóa bỏ mọi hình thức phân biệt với phụ	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15	AM1, AM2, AM4, AM7

	nữ (CEDAW) 2.1.2. Công ước 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau		Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	
26-30 (5 giờ TC)	2.1.3. Công ước 111 về Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp 2.1.4. Công ước 156 của ILO về bình đẳng về cơ hội và đối xử với lao động nam và nữ : những người lao động có trách nhiệm gia đình	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4, AM7
31-35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3 : BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC 3.1. Bình đẳng giới trong tuyển dụng 3.2. Giới trong đào tạo	CLO3, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4, AM7
36-40 (5 giờ TC)	3.3. Bình đẳng giới đánh giá thực hiện công việc Kiểm tra giữa kỳ (50 phút)	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Học: lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi,	AM1, AM2, AM4, AM7

			thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	
41-45 (5 giờ TC)	3.4. Bình đẳng giới trong khen thưởng 3.5. Bình đẳng giới trong bổ nhiệm	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4, AM7
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
		AM2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Nguyễn Thị Thuận & Trần Xuân Kỳ (2009). <i>Giáo trình Giới và Phát triển</i> . Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[2] Quốc hội (2006). Số 73/2006/QH11. <i>Luật Bình đẳng giới</i> . [3] Công ước quốc tế về sự xóa bỏ mọi hình thức phân biệt với phụ nữ (CEDAW) . [4] ILO (1958), Công ước 111 về Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp. [5] Nguyễn Thị Minh Hoà (2019) . <i>Đánh giá thực trạng nữ quản lý, lãnh đạo và nữ trong diện quy</i>		

		<i>hoạch các cấp, giải pháp, chính sách có liên quan đến công tác tạo nguồn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm cán bộ nữ tại thành phố Hồ Chí Minh.</i>	
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên
	CHƯƠNG 1: BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC VỚI BÌNH ĐẲNG GIỚI	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 1 của tài liệu số [1]. Tài liệu số [2]
	CHƯƠNG 2: CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC	30	Học viên đọc trước tài liệu số [2], [4], [5]
	CHƯƠNG 3 : BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC	30	Học viên đọc trước tài liệu số [2], [3]
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Minh Hòa	Tiến sĩ	Kinh tế
	Bùi Đức Thịnh	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN SẢN XUẤT TỊNH GỌN

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLDXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: SẢN XUẤT TỊNH GỌN Tên tiếng Anh: LEAN MANUFACTURING
2. Mã học phần	QTN205
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết, cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các

	nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần		Khoa Quản lý nguồn nhân lực	
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu được các kiến thức chung về: lịch sử và nền tảng triết lý của sản xuất tinh gọn, các khái niệm về lãng phí; các phương pháp, công cụ trong sản xuất tinh gọn. Hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản lý sản xuất tinh gọn và các kiến thức liên ngành có liên quan đến quản trị nhân lực để cải tiến các hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức nhằm tăng năng suất lao động.	PLO1, PLO2	5/6
G2	Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu phục vụ cho việc triển khai các các hoạt động quản lý sản xuất sản tinh gọn trong các lĩnh vực khác nhau; Đề xuất sáng kiến dựa trên kiến thức về các công cụ và kỹ thuật liên quan của sản xuất tinh gọn để đạt được cải tiến liên tục hiệu quả và năng suất.	PLO4	4/5
G3	Tự tin, linh hoạt, sáng tạo trong chuyên môn, có bản lĩnh, có ý thức nắm bắt sự thay đổi của tổ chức để kịp thời đề xuất phương hướng và giải pháp tối ưu, hiệu quả trong thực hiện nghiệp vụ về quản lý sản xuất tinh gọn và có tinh thần chia sẻ, hỗ trợ đồng nghiệp trong công việc. Trách nhiệm, tiên phong, chuyên nghiệp, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý sản xuất tinh gọn bắt kịp với sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh	PLO6	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CĐR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CĐR của	Mức độ

(CLOs)		CTĐT (PLOs)	giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu được các kiến thức chung về: lịch sử và nền tảng triết lý của sản xuất tinh gọn, các khái niệm về lãng phí; các phương pháp, công cụ trong sản xuất tinh gọn.	PLO1	I, T
CLO2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức về quản lý sản xuất tinh gọn và các kiến thức liên ngành có liên quan đến quản trị nhân lực để cải tiến các hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức nhằm tăng năng suất lao động.	PLO2	I, T, U
CLO3	Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu phục vụ cho việc triển khai các các hoạt động quản lý sản xuất sản tinh gọn trong các lĩnh vực khác nhau; Đề xuất sáng kiến dựa trên kiến thức về các công cụ và kỹ thuật liên quan của sản xuất tinh gọn để đạt được cải tiến liên tục hiệu quả và năng suất.	PLO4	I, T, U
CLO4	Tự tin, linh hoạt, sáng tạo trong chuyên môn, có bản lĩnh, có ý thức nắm bắt sự thay đổi của tổ chức để kịp thời đề xuất phương hướng và giải pháp tối ưu, hiệu quả trong thực hiện nghiệp vụ về quản lý sản xuất tinh gọn và có tinh thần chia sẻ, hỗ trợ đồng nghiệp trong công việc.	PLO6	I, T, U
CLO5	Trách nhiệm, tiên phong, chuyên nghiệp, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý sản xuất tinh gọn bắt kịp với sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh	PLO6	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức về sản xuất tinh gọn để cải thiện năng suất, bao gồm: lịch sử và nền tảng triết lý của sản xuất tinh gọn, các khái niệm về lãng phí; các nguyên tắc và kỹ thuật sản xuất tinh gọn, các phương pháp, công cụ, quy trình triển khai sản xuất sản tinh gọn trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của từng tổ chức.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy **LÝ THUYẾT:**

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1 – 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN TRONG QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ 1.1. Nguồn gốc và lịch sử hình thành, phát triển của sản xuất tinh gọn (Lean) 1.1.1. Nguồn gốc của sản xuất tinh gọn 1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của sản xuất tinh gọn	CLO1, CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến thức	AM1
6 – 10 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN TRONG QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp) 1.2. Mục đích và sự cần thiết áp dụng Lean trong doanh nghiệp 1.3. Các nguyên tắc của Lean 1.4. Các thuật ngữ và khái niệm trong Lean	CLO1, CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
11 – 15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG CỤ CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN VÀ CÁCH ÁP DỤNG 2.1. Sơ đồ chuỗi giá trị (VMS) 2.2. Tiêu chuẩn hóa công việc	CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi,	AM1, AM2

			thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	
16 – 20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG CỤ CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN VÀ CÁCH ÁP DỤNG (Tiếp) 2.3. “5S” và Quản lý trực quan 2.4. Sản xuất vừa đúng lúc (Just in Time)	CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
21- 25 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG CỤ CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN VÀ CÁCH ÁP DỤNG (Tiếp) 2.5. Cân bằng dây chuyền sản xuất (Heijuka) 2.6. Duy trì hiệu suất thiết bị tổng thể (TPM)	CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
26 – 30 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG CỤ CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN VÀ CÁCH ÁP DỤNG (Tiếp) 2.7. Kanban và Hệ thống	CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà,	AM1, AM2

	kéo (Pull) 2.8. Chuyển đổi nhanh (SMED/QCO)		Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	
31 – 35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG CỤ CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TỊNH GỌN VÀ CÁCH ÁP DỤNG (Tiếp) 2.9. Chống sai lỗi (Poka-Yoke) 2.10. Bảy công cụ kiểm soát chất lượng (7QC tool)	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
36 – 40 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP 3.1. Các nguyên tắc chung 3.2. Các bước triển khai Lean trong doanh nghiệp	CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
41 – 45 (5 giờ TC)	Kiểm tra quá trình CHƯƠNG 3: HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TRONG	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM4

	DOANH NGHIỆP (Tiếp) 3.3. Nội dung và cách thức áp dụng một số công cụ điển hình trong Lean		Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	
Tổng cộng: 45 giờ tín chỉ				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CDR học phần (CLOs)	Tỷ lệ (%)
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1: Chuyên cần	CLO4, CLO5	10%
		AM2: Đánh giá bài tập cá nhân/nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4: Bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM7: Tiểu luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Viện Năng suất Việt Nam , (2018). Sách “ <i>Phương pháp quản lý tinh gọn Lean - Nội dung cơ bản và hướng dẫn áp dụng</i> ”. Nhà xuất bản Hồng Đức. [2] Nguyễn Như Phong , (2012). <i>Giáo trình Sản xuất tinh gọn</i> . NXB Đại Học Quốc Gia.		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3] JEFFREY K. LIKER (Tác giả), Dịch: Trường Khanh, Sỹ Huy, Hắc Hải (2018). <i>Phương Thức Toyota: 14 Nguyên Lý Quản Trị Nổi Tiếng Của Toyota - Tập Đoàn Đã Tạo Ra Dây Chuyên Sản Xuất Tinh Gọn</i> . NXB Lao động - Xã hội		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên	
	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN TRONG QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 1 của tài liệu số [1] và Chương 1 tài liệu số [2].	
	CHƯƠNG 2: CÁC CÔNG	30	Học viên đọc trước nội	

	CỤ CỐ BẢN CỦA PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TINH GỌN VÀ CÁCH ÁP DỤNG		dung Chương 2 của tài liệu số [1] và Chương 2, 3 [2], và Chương 2, 3 của tài liệu số [3].
	CHƯƠNG 3: HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 2 của tài liệu số [1] và Chương 5 [2], và Chương 21, 22 của tài liệu số [3].
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Hà Duy Hào	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Nguyễn Thị Hồng 77	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN SẢN XUẤT TINH GỌN

RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN (AM1)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5-6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	60%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%

RUBRIC ĐIỂM BÀI TẬP NHÓM (AM2)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5- 6,9)	Mức B/B+ (7,0- 8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung bài tập	Không làm bài tập Hoặc có làm nhưng sai trên 70%	Làm đủ và đúng từ 31% đến 54%	Làm đủ và đúng từ 55% đến 69%	Làm đủ và đúng từ 70 đến 84%	Làm đủ và đúng từ 85% đến 100%	50%
Trình bày bài tập	Không trình bày bài theo quy định	Chỉ trình bày được một phần đúng quy định	Trình bày đúng quy định	Trình bày đúng quy định, có minh hoạ cụ thể	Trình bày đúng quy định và có tính sáng tạo hợp lý	50%

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA GIỮA KÌ (AM4)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 –7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Nội dung	Làm đúng dưới 30% bài kiểm tra	Làm đúng từ 30%-39% bài kiểm tra	Làm đúng từ 40%-49% bài kiểm tra	Làm đúng từ 50%-59% bài kiểm tra	Làm đúng từ 60%-69% bài kiểm tra	Làm đúng từ 70%-79% bài kiểm tra	Làm đúng từ 80%-84% bài kiểm tra	Làm đúng từ 85%-89% bài kiểm tra	Làm đúng từ 90%-100% bài kiểm tra	90%
Trình bày	Trình bày rất cầu thả, lộn xộn, không có bố cục rõ ràng, không rõ ý chính	Trình bày cầu thả, không có bố cục rõ ràng.	Trình bày chưa hợp lý. Không có bố cục rõ ràng,	Trình bày ở mức độ trung bình, Có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức độ trung bình khá, có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức khá, có bố cục tương đối phù hợp	Trình bày tốt, có bố cục hợp lý	Trình bày tốt, sạch đẹp, có bố cục rõ ràng, hợp lý	Trình bày sạch đẹp, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, logic, hợp lý	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

DÂN SỐ VÀ CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: DÂN SỐ VÀ CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC Tên tiếng Anh: POPULATION AND HUMAN RESOURCE POLICIES
2. Mã học phần	QTN206
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về dân số và phát triển kinh tế - xã hội, dân số và phát triển nguồn nhân lực; Sự tương tác qua lại giữa 2 yếu tố: dân số và phát triển xã hội, dân số và phát triển nguồn nhân lực	PLO1, PLO3	4/6
G2	Có khả năng triển khai, thực hiện được các nghiệp vụ chính sách nguồn nhân lực thích ứng với các giai đoạn khác nhau của dân số; Hiểu về sự cần thiết hoạch định chính sách nguồn nhân lực và vận dụng được các nguyên lý và cách thức để phân tích, đánh giá và xây dựng chính sách nguồn nhân lực.	PLO3, PLO4	4/5
G3	Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi. Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.	PLO6, PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu được khái niệm, vai trò, mục tiêu, nguyên tắc, chức năng, nội dung của Chính sách nguồn nhân lực; hiểu được các kiến thức liên quan đến dân số trong môi trường	PLO1, PLO3	I/T/U

	quan với các vấn đề kinh tế - xã hội và nguồn nhân lực		
CLO2	Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý để phân tích, đánh giá biến động trong dân số lồng ghép vào chiến lược nguồn nhân lực.	PLO1, PLO3	I/T/U
CLO3	Có kiến thức thực tế sâu, rộng, tiên tiến phục vụ cho hoạch định chính sách lao động, hoạch định chiến lược về quản lý nguồn nhân lực và vận dụng sáng tạo trong triển khai các nghiệp vụ về dân số và chính sách nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.	PLO3 PLO4	I/T/U
CLO4	Người học có tinh thần học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ và hăng hái xây dựng giờ giảng.	PLO6, PLO7	I/U
CLO5	Có chí hướng và khả năng tự học tập, tự cập nhật, tự nghiên cứu, tự tích lũy kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và đáp ứng các yêu cầu công việc với chức danh cao hơn.	PLO6, PLO7	I/U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Dân số và chính sách nguồn nhân lực gồm các nội dung: Dân số và phát triển; Chính sách nguồn nhân lực thích ứng với xu hướng biến đổi dân số; và Lồng ghép các biến dân số trong hoạch định chính sách nguồn nhân lực

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (CLOs)	Bài đánh giá (AMs)
1 – 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: DÂN SỐ VÀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Chính sách 1.1.2. Chính sách dân số 1.2. Dân số với phát triển kinh tế-	CLO1 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe,	AM1, AM2, AM4

	xã hội 1.2.1. Dân số và kinh tế 1.2.2. Dân số và giáo dục 1.2.3. Dân số và y tế 1.2.4. Dân số và bình đẳng giới 1.2.5. Dân số và an sinh xã hội		ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	
6-10 (5 giờ TC)	1.3. Dân số với phát triển nguồn nhân lực 1.3.1. Dân số và quy mô nguồn nhân lực 1.3.2. Dân số và chất lượng nguồn nhân lực	CLO1 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
11-15 (5 giờ TC)	1.4. Chính sách dân số hiện nay 1.4.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách dân số 1.4.2. Xu hướng biến động dân số và chính sách dân số trong thời gian tới	CLO1 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
16-20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC 2.1. Khái niệm, vai trò của chính sách nguồn nhân lực 2.1.1. Khái niệm chính sách nguồn nhân lực 2.1.2. Vai trò của chính sách nguồn nhân lực 2.2. Các tiêu chí đánh giá chính sách nguồn nhân lực 2.2.1. Tiêu chí đánh giá mức độ phù hợp, khả thi	CLO2 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4

	2.2.2. Tiêu chí đánh giá hiệu lực pháp lý			
21-25 (5 giờ TC)	2.2.3. Tiêu chí đánh giá về hiệu quả kinh tế-xã hội 2.3.4. Tiêu chí đánh giá mức độ tác động của chính sách 2.3.5. Tiêu chí đánh giá những hệ lụy xảy ra	CLO2 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
26-30 (5 giờ TC)	2.3. Chính sách nguồn nhân lực hiện nay. 2.3.1. Chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực 2.3.2. Chính sách khuyến khích chuyển dịch cơ cấu lao động 2.3.3. Chính sách thúc đẩy việc làm 2.3.4. Chính sách hỗ trợ khác	CLO2 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
31-35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ - CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC VÀ LÒNG GHÉP CÁC BIẾN DÂN SỐ TRONG HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC 3.1. Mối quan hệ giữa dân số và chính sách nguồn nhân lực 3.1.1. Mối quan hệ giữa dân số và lao động 3.1.2. Mối quan hệ giữa dân số và việc làm 3.1.3. Mối quan hệ giữa dân số và chính sách nguồn nhân lực	CLO3 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
36-40 (5 giờ TC)	3.2. Các vấn đề mới đặt ra trong hoạch định chính sách nguồn nhân lực hiện nay.	CLO3 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM4

	3.2.1. Các vấn đề mới hiện nay trong hoạch định chính sách nguồn nhân lực 3.2.2. Phương hướng giải quyết		TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	
41-45 (5 giờ TC)	3.3. Lồng ghép các biến dân số trong hoạch định chính sách nguồn nhân lực 3.3.1. Sự cần thiết phải lồng ghép các biến dân số trong hoạch định chính sách nguồn nhân lực 3.3.2. Phương pháp lồng ghép các biến dân số vào kế hoạch hóa phát triển nguồn nhân lực	CLO3 CLO4 CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4

Tổng cộng: 45 giờ TC

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần (trọng số)	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1 CLO2 CLO3	10%
		AM3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60%

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1]. Trịnh Khắc Thắm, Nguyễn Thị Minh Hòa (2016). <i>Giáo trình Dân số môi trường</i> . NXB Lao động Xã hội. [2]. Nguyễn Tiệp (2005). <i>Giáo trình nguồn nhân lực</i> . NXB Lao động Xã hội.	
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3]. Quốc hội (2009). Số 45/2019/QH14. <i>Bộ Luật lao động</i> [4]. Thủ tướng chính phủ (2011) Số 1679/QĐ – TTg. <i>Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030</i>	
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên
	CHƯƠNG 1: DÂN SỐ VÀ CHÍNH SÁCH DÂN SỐ	30	Học viên đọc trước giáo trình [1].
	CHƯƠNG 2: CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC	30	Học viên đọc trước giáo trình [1] và [2], tài liệu số [3], [4]
	CHƯƠNG 3: MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN SỐ - CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC VÀ LỒNG GHÉP CÁC BIẾN DÂN SỐ TRONG HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC	30	Học viên đọc trước giáo trình [1] và [2], tài liệu số [3], [4]
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Minh Hòa	Tiến sĩ	Kinh tế
	Bùi Đức Thịnh	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ Tên tiếng Anh: LEADERSHIP AND MANAGEMENT SKILLS
2. Mã học phần	QTN307
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng; - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Học viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt; - Trò chơi (Game) - TLM5: Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

	– Học theo tình huống (Case study) - TLM9: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu. - Học nhóm (Teamwork Learning) - TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Học viên sẽ hiểu rõ bản chất, sự khác biệt, mối liên hệ và vai trò của quản lý và lãnh đạo - chức năng và người thực hiện; Nắm vững các kỹ năng cần có để thực hiện tốt các chức năng quản lý đặc biệt là chức năng lãnh đạo; Hiểu rõ các lưu ý cần thiết khi thực hiện các kỹ năng quản lý, lãnh đạo.	PLO2, PLO8	6
G2	Học viên có thể phân tích và giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình lãnh đạo, quản lý. Khéo léo trong lựa chọn, bố trí sử dụng nhân lực và tạo ảnh hưởng đến nhân viên, Biết lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp theo từng tình huống. Quản lý và lãnh đạo một cách khoa học và nghệ thuật để đạt được mục tiêu quản lý thông qua nỗ lực của nhân viên và vận hành các quy trình quản lý.	PLO5, PLO8	5

G3	Nhận thức rõ về quyền uy và tầm quan trọng của chữ tín, việc xây dựng tài khoản tình cảm đối với cấp dưới, cấp trên, đối tác. Nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của lãnh đạo, quản lý đến hiệu quả hoạt động của nhân viên, của tổ chức. Chủ động hướng tới tính chuyên nghiệp trong phong cách lãnh đạo, quản lý.	PLO6, PLO7	5
-----------	---	------------	---

9. Chuẩn đầu ra của học phần *Mô tả CDR bằng các động từ chủ động, các chủ đề và bối cảnh cụ thể; Mối liên hệ đáp ứng CDR CTĐT; Mức độ giảng dạy để đáp ứng CDR Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng.*

CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu rõ và vận dụng sáng tạo các lý thuyết về lãnh đạo và quản lý trong từng tình huống cụ thể.	PLO2, PLO8	I, T, U
CLO2	Thành thạo và có thể hướng dẫn người khác kỹ năng: tổ chức làm việc nhóm, giao việc, hướng dẫn công việc, thiết lập mục tiêu, lập kế hoạch, quản lý thời gian, giao tiếp, truyền cảm hứng, khích lệ động viên, góp ý sửa lỗi, giải quyết mâu thuẫn, ra quyết định.	PLO5	T, U
CLO3	Nhận thức rõ được vai trò của người lãnh đạo, và tâm huyết với hình mẫu người lãnh đạo chuyên nghiệp.	PLO6, PLO7	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng lãnh đạo, quản lý nghiên cứu mối quan hệ giữa chủ thể lãnh đạo, quản lý và đối tượng lãnh đạo, quản lý và rèn luyện, phát triển kỹ năng lãnh đạo, quản lý góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, lãnh đạo nói chung và quản trị nhân lực nói riêng. Học phần tập trung vào các kỹ năng cơ bản như : tổ chức làm việc nhóm, giao tiếp, giao việc, thiết lập mục tiêu và hướng dẫn công việc, khích lệ động viên và góp ý sửa lỗi, lãnh đạo theo tình huống, giải quyết xung đột.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy				
LÝ THUYẾT:				
Giờ tín chỉ	Nội dung	CDR Học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1-5	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ 1.1. Bản chất, vai trò và các chức năng cơ bản của quản lý 1.1.1. Bản chất, mục tiêu, chủ thể và đối tượng của quản lý 1.1.2. Các chức năng cơ bản của quản lý 1.1.3. Vai trò của quản lý 1.2. Bản chất, vai trò của lãnh đạo và các cấp lãnh đạo 1.2.1. Bản chất, chủ thể, đối tượng của lãnh đạo 1.2.2. Vai trò của lãnh đạo 1.2.3. Các cấp lãnh đạo	CLO1	Dạy: TLM1, TLM2 Học: Nghe giảng, trả lời	AM1, AM2
6-10	1.3. Sự khác biệt, mối liên hệ và xu hướng lãnh đạo quản lý 1.3.1. Sự khác biệt giữa lãnh đạo và quản lý 1.3.2. Mối liên hệ giữa lãnh đạo và quản lý 1.3.3. Xu hướng lãnh đạo và quản lý 1.4. Kỹ năng lãnh đạo và quản lý 1.4.1. Bản chất và sự cần thiết của kỹ năng lãnh đạo và quản lý 1.4.2. Các kỹ năng lãnh đạo và quản lý 1.5. Đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu học phần 1.5.1. Đối tượng nghiên cứu	CLO1, CLO3	Dạy: TLM1, TLM2, TLM7 Học: Nghe giảng, thảo luận	AM1, AM2, AM6

	1.5.2. Nội dung nghiên cứu 1.5.3. Phương pháp nghiên cứu 1.5.4. Mối quan hệ của học phần kỹ năng lãnh đạo và quản lý với các học phần khác			
11-15	CHƯƠNG 2: PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO & LÃNH ĐẠO THEO TÌNH HUỐNG 2.1. Hoạch định chiến lược, định hướng và hỗ trợ thiết lập mục tiêu công việc 2.1.1. Định hướng chiến lược 2.1.2. Mục tiêu & Tiêu chí đánh giá thực hiện công việc 2.1.3. Nguyên tắc SMART trong thiết lập mục tiêu 2.1.4. Phương pháp thiết lập mục tiêu 2.1.5. Hỗ trợ nhân viên thiết lập mục tiêu công việc 2.2. Kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian 2.2.1. Kỹ năng quản lý thời gian 2.2.2. Kỹ năng lập kế hoạch	CLO1,2	Dạy: TLM2, TLM5, TLM10 Học: Nghe giảng, làm bài tập theo nhóm	AM1, AM2
16-20	2.3. Giao tiếp và phong cách giao tiếp của lãnh đạo 2.3.1. Kỹ năng giao tiếp trong lãnh đạo và quản lý 2.3.2. Ba phong cách giao tiếp cơ bản của các nhà lãnh đạo 2.4. Kỹ năng giao việc và lãnh đạo theo tình huống 2.4.1. Kỹ năng giao việc 2.4.2. Lãnh đạo theo tình huống	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: TLM2, TLM9, TLM10 Học: Nghe giảng, làm bài tập theo nhóm	AM1, AM2, AM6
21-25	CHƯƠNG 3: KỸ NĂNG TẠO ẢNH HƯỞNG 3.1. Vai trò của quyền uy, tài khoản tình	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: TLM2, TLM7,	

	cảm đối với người lãnh đạo 3.1.1. Bản chất và nguồn gốc của quyền uy 3.1.2. Tài khoản tình cảm và cách thức làm gia tăng tài khoản tình cảm 3.2. Hướng dẫn công việc – Huấn luyện nhân viên 3.2.1. Bản chất, vai trò và sự cần thiết hướng dẫn công việc 3.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hướng dẫn/huấn luyện nhân viên 3.2.3. Những yêu cầu đối với hướng dẫn/huấn luyện nhân viên		TLM9, TLM10 Học: Nghe giảng, làm bài tập theo nhóm	
26-30	3.3. Kỹ năng khích lệ động viên và góp ý sửa lỗi 3.3.1. Khích lệ động viên 3.3.2. Góp ý sửa lỗi 3.4. Kỹ năng tuyên truyền và thuyết phục 3.4.1. Tuyên truyền 3.3.2. Thuyết phục	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: TLM2, TLM9 TLM10 Học: Nghe giảng, làm bài nhóm	AM1, AM2
31-35	CHƯƠNG 4: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH 4.1. Kỹ năng điều hành 4.1.1. Tổ chức làm việc nhóm 4.1.2. Điều hành họp 4.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề 4.2.1. Phân tích vấn đề 4.2.2. Thu thập thông tin 4.2.3. Giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: TLM2, TLM9, TLM10 Học: Nghe giảng, làm bài nhóm	AM1, AM2
36-40	4.3. Kỹ năng giải quyết xung đột 4.3.1. Bản chất, phân loại xung đột 4.3.2. Nguyên lý và yêu cầu trong giải quyết xung đột	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: TLM2, TLM5. TLM10 Học:	AM1, AM2, AM4

	4.3.3. Giải quyết xung đột Kiểm tra 1 tiết		nghe giảng, làm bài nhóm	
41-45	4.4. Kỹ năng ra quyết định 4.1. Phân loại quyết định trong lãnh đạo và quản lý 4.2. Nguyên lý và yêu cầu đối với ra quyết định 4.3. Căn cứ ra quyết định 4.4. Quy trình ra quyết định	CLO1, CLO2, CLO3	TLM2, TLM9 TLM10 Nghe giảng, làm bài nhóm	AM1, AM2
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (quá trình học tập của cá nhân trong nhóm và lớp – có Rubric kèm theo)	AM1, AM2	CLO2, CLO3	(20%)
	A2. Điểm giữa kỳ (bài kiểm tra)	AM4	CLO1, CLO2	(20%)
	A3. Điểm cuối kỳ	AM4/AM7	CLO1, CLO2, CLO3	(60%)
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Nguyễn Thị Anh Trâm (2019), Bài giảng <i>Kỹ năng quản lý và lãnh đạo</i> , Trường Đại học Lao động – Xã hội. [2] Nguyễn Thị Hồng (2020), Giáo trình <i>Quản lý thực hiện công việc</i> , NXB Lao động - Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3]. Dương Thị Thục Anh, Vũ Anh Tuấn . Giáo trình <i>Kỹ năng lãnh đạo, quản lý</i> , NXB Lý luận chính trị, 2018. [4] Nguyễn Thị Hồng (2012), <i>Bài tập Quản trị nhân lực tập 2</i> , NXB Lao động - Xã hội. [5] ILO, VCCI (2018), Hỗ trợ bởi J.P.Morgan, <i>Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng tư duy sáng tạo, Kỹ năng giải quyết vấn đề</i> , Bộ		

		tài liệu In Business: Tăng cường, phát triển và xây dựng doanh nghiệp thông qua mạng lưới học hỏi lẫn nhau.		
	Trang Web/ CDs tham khảo			
1.4. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên	
	Khái quát chung về kỹ năng lãnh đạo và quản lý	20	Nghiên cứu chương 1 tài liệu số [1], [3]	
	Phong cách lãnh đạo và lãnh đạo theo tình huống	25	Nghiên cứu và thực hành theo nhóm các chương 2,3 tài liệu số [1], chương 3 tài liệu [2], tài liệu số [4], tài liệu số [5]	
	Tạo ảnh hưởng	20	Nghiên cứu và thực hành theo nhóm chương 3 tài liệu [2], đọc tham khảo tài chương 2 tài liệu [3]	
	Giải quyết vấn đề và ra quyết định	25	Nghiên cứu và thực hành theo hướng dẫn tại chương 4 tài liệu [1], chương 6 tài liệu số [3], tài liệu số 5, sử dụng tình huống trong tài liệu số [4]	
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên		Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Hồng ⁷⁷		Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
	Lê Thanh Hà		Phó giáo sư, tiến sĩ	Kinh tế lao động
	Phạm Ngọc Thành		Tiến sĩ	KD thương mại
	Doãn Thị Mai Hương		Tiến sĩ	Quản lý Kinh tế

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM QUÁ TRÌNH ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN + HỌC TẬP THEO NHÓM (AM1 + AM2) – CLO2, CLO3										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Chuyên cần	(< 20% số tiết)	(20%- 39% số tiết)	(40%- 49% số tiết)	(50%- 59% số tiết)	(60%- 69% số tiết)	(70%- 79% số tiết)	(80%- 89% số tiết)	90% đến dưới 100%	(100% số tiết)	15%
Tinh thần học trên lớp (giao tiếp/tôn trọng/góp ý sửa lỗi/trách nhiệm)	Thiếu trách nhiệm, không tham gia	Tham gia miễn cưỡng	Thỉnh thoảng có giao tiếp trong nhóm	Giao tiếp và góp ý trong nhóm theo yêu cầu	Chủ động phối hợp làm bài của nhóm, sẵn sàng giao tiếp, góp ý	Tham gia bài nhóm và lớp, sẵn sàng góp ý	Trách nhiệm với nhóm nhỏ, đã tham gia ý kiến trước lớp	Tinh thần góp ý sửa lỗi vì nhóm và lớp (thẳng)	Tinh thần trách nhiệm cao, luôn sẵn sàng góp ý khéo léo	40%
Đóng góp (làm bài tập+nhập vai xử lý tình huống)	Không đóng góp	Hầu như không có đóng góp	Dưới 5% vào bài nhóm	5% đến dưới 10% bài nhóm	10% dưới 15% bài nhóm	15% đến dưới 20%	20% đến dưới 30%	30% đến dưới 40% bài nhóm	ảnh hưởng đến > 40% bài nhóm	40%
Tự học theo nhóm (ngoài giờ)	Không tham gia	Tham gia miễn cưỡng	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến	Thường xuyên đóng góp ý kiến, một số ý kiến có tác dụng tốt	Phát biểu ý kiến tích cực, phần lớn các đóng góp hiệu quả	Phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	5%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA
(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLDXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA Tên tiếng Anh: HUMAN RESOURCES MANAGEMENT ON GLOBAL
2. Mã học phần	QTN 308
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Triết học, Phương pháp nghiên cứu khoa học
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng; - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Người học lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt; - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn người học từng bước trả lời các câu hỏi; - Thảo luận (Discussion) - TLM7: người học hoạt động theo nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập tình huống) do giảng viên giao. Phương pháp này vừa giúp người học rèn kỹ năng tổ chức làm việc nhóm và làm việc theo nhóm, luyện kỹ năng nghe và phát triển quan điểm cá nhân trong quan điểm nhóm, ra quyết định theo nhóm, giải quyết các vấn đề chuyên môn theo nhóm và phát triển kỹ năng tư duy hệ thống;

	- Giải quyết vấn đề (Problem Solving) – TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Người học chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết. - Chia sẻ nhóm đôi (Think, Pair, Share) – TLM16: Đây là hoạt động làm việc theo nhóm đôi, qua đó phát triển năng lực tư duy của từng cá nhân trong giải quyết vấn đề. Giảng viên giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở và dành thời gian để người học suy nghĩ. Người học thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại với nhau. Nhóm đôi này lại tiếp tục chia sẻ với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	<i>Về kiến thức:</i> Môn học trang bị cho học viên cao học chuyên ngành Quản trị nhân lực những kiến thức tổng hợp về Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức trong mối tương quan với những sự thay đổi toàn diện do quá trình toàn cầu hóa mang lại.	PLO3	4/6

G2	Về kỹ năng: Môn học trang bị cho học viên cao học kỹ năng phân tích và giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình quản lý, nhằm sử dụng có hiệu quả NNL và đạt được các mục tiêu mà tổ chức đã đặt ra trong một môi trường kinh tế - xã hội có nhiều sự thay đổi dưới tác động của toàn cầu hóa.	PLO4, PLO8	4/5
G3	Về thái độ: Giáo dục học viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa, từ đó, có định hướng chính sách quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay và thời gian tới.	PLO6, PLO7	4/5

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Nắm vững được khái niệm, vai trò, đặc điểm của toàn cầu hóa và tác động của toàn cầu hóa đến quản lý nguồn nhân lực	PLO3	I, T
CLO2	Hiểu được bản chất, vai trò, mục tiêu của các chính sách quản trị nhân lực của các tổ chức	PLO3	I, T

	dưới tác động của toàn cầu hóa		
CLO3	Hiểu được bản chất, vai trò của môi trường đa văn hóa	PLO3	I, T
CLO4	Phân tích được những cơ hội và thách thức đối với vấn đề quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa.	PLO4, PLO8	I, T, U
CLO5	Phân tích được nguyên nhân, sự thay đổi của các chính sách quản trị nhân lực của các tổ chức dưới tác động của toàn cầu hóa	PLO4	I, T, U
CLO6	Phân tích các chính sách quản trị nhân lực của các tổ chức đa văn hóa	PLO4	I, T, U
CLO7	Có khả năng làm việc độc lập, đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm và tổ chức làm việc nhóm; Có kỹ năng tư duy, phản biện, kỹ năng lập kế hoạch	PLO6	I, U
CLO8	Chủ động tự nghiên cứu tài liệu học tập trước khi đến lớp, tích cực tham gia học tập và tìm hiểu thực tế học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần, tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao	PLO7	I, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa nghiên cứu cách thức quản lý con người trong tổ chức nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chung của tổ chức trong bối cảnh toàn cầu hóa, với sự bùng nổ thông tin, giao lưu, hội nhập quốc tế và những thay đổi về mọi mặt do toàn cầu hóa mang lại.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI	CLO1, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2),	AM1, AM2

	TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA 1.1. Tổng quan về toàn cầu hóa 1.1.1. Khái niệm toàn cầu hóa 1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của toàn cầu hóa. 1.1.3. Toàn cầu hóa ở Việt Nam.		câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	
6-10 (5 giờ TC)	1.2. Tác động của toàn cầu hóa đến nguồn nhân lực và quản lý nguồn nhân lực 1.2.1. Tác động của toàn cầu hóa đến nguồn nhân lực 1.2.2. Tác động của toàn cầu hóa đến quản lý nguồn nhân lực 1.2.3. Cơ hội và thách thức đối với vấn đề quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa.	CLO1, CLO4, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), bài tập về nhà (TLM15), Chia sẻ nhóm đôi (TLM16). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1, AM2
11-15 (5 giờ TC)	1.3. Những vấn đề mới đang đặt ra đối với quản lý nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa 1.3.1. Di dân và di	CLO1, CLO3, CLO4, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo	AM1, AM2

	chuyển lao động quốc tế và sự thay đổi về môi trường dân cư, môi trường lao động. 1.3.2. Sự hình thành của các Công ty đa quốc gia và vấn đề đa văn hóa trong nguồn nhân lực của tổ chức. 1.3.3. Hội nhập, cạnh tranh và sự cần thiết phải lựa chọn mô hình quản trị nhân lực phù hợp. 1.3.4. Đòi hỏi đối với việc vượt qua các rào cản kỹ thuật, rào cản thương mại và vấn đề trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp		luận (TLM7), giải quyết vấn đề (TLM8), Chia sẻ nhóm đôi (TLM16) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	
16-20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI CỦA CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA 2.1. Sự cần thiết phải thay đổi các chính sách quản trị nhân lực của các tổ chức dưới tác động của toàn cầu hóa 2.1.1. Những nguyên	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1, AM2

	nhân dẫn đến sự thay đổi. 2.1.2. Các chính sách quản lý nguồn nhân lực đã, đang và sẽ có sự thay đổi. 2.1.3. Sự xuất hiện của một số chính sách quản trị nhân lực mới.			
21-25 (5 giờ TC)	2.2. Sự thay đổi của các chính sách quản lý nguồn nhân lực 2.2.1. Chính sách tuyển dụng nhân lực. 2.2.2. Chính sách đào tạo nhân lực. 2.2.3. Đánh giá thực hiện công việc. 2.2.4. Chính sách thù lao và phúc lợi. 2.2.5. Chính sách an toàn - vệ sinh lao động. 2.2.6. Chính sách quan hệ lao động. 2.2.7. Các chính sách khác.	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), bài tập về nhà (TLM15), Chia sẻ nhóm đôi (TLM16). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1, AM2
26-30 (5 giờ TC)	2.3. Sự xuất hiện của một số chính sách nhân lực mới 2.3.1. Chính sách quản lý nhân lực đa văn hóa. 2.3.2. Chính sách đối với lao động nhập cư.	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), bài tập về nhà	AM1, AM2

	2.3.3. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và sự điều chỉnh chính sách quản trị nhân lực		(TLM15), Chia sẻ nhóm đôi (TLM16). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	
31-35 (5 giờ TC)	2.4. Quản lý sự thay đổi trong các chính sách quản lý nguồn nhân lực 2.4.1. Quản lý sự thay đổi liên quan đến vấn đề quyền và lợi ích của người lao động. 2.4.2. Quản lý sự thay đổi liên quan đến sự phát triển hay đổi mới tương lai của tổ chức. 2.4.3. Quản lý sự thay đổi trong các chính sách nhân lực cụ thể. Kiểm tra	CLO2, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), giải quyết vấn đề (TLM8), bài tập về nhà (TLM15). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1, AM2, AM4
36-40 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA 3.1. Đa văn hóa và quản trị nhân lực đa văn hóa	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), bài tập về nhà (TLM15), Chia	AM1, AM2

	3.1.1. Một số khái niệm. 3.1.2. Quan điểm về quản trị nhân lực đa văn hóa. 3.1.3. Những thách thức trong quản trị nhân lực đa văn hóa. 3.1.4. Chiến lược quản trị nhân lực đa văn hóa. 3.1.5. Yêu cầu đối với nhà quản lý, lãnh đạo trong quản trị nhân lực đa văn hóa.		sẽ nhóm đôi (TLM16). - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	
41-45 (5 giờ TC)	3.2. Quản trị nhân lực đa văn hóa trong tổ chức 3.2.1. Nguồn gốc của sự đa văn hóa trong nguồn nhân lực của tổ chức. 3.2.2. Nguyên nhân chính phải xây dựng chính sách quản trị nhân lực đa văn hóa trong các tổ chức có nguồn nhân lực đa văn hóa. 3.2.3. Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản trị nhân lực đa văn hóa trong một tổ chức. 3.2.4. Quản trị nhân lực đa văn hóa trong các	CLO3, CLO6, CLO7, CLO8	- Dạy: Giải thích cụ thể (TLM1), thuyết giảng (TLM2), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7) - Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, tự nghiên cứu.	AM1, AM2

	công ty đa quốc gia.			
Tổng cộng: 45 giờ TC				
Tổng cộng				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO8	10%
		AM2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Lê Thanh Hà, (2009). <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, Tập 1, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội. [2] Lê Thanh Hà, (2009). <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, Tập 2, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội. [3] Vũ Hồng Phong, (2018). <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, Đại học Lao động – Xã hội. [4] Peter.J.Dowling, Marion Festing and Allen D.Engle,SR (2013), <i>International Human Resource Management</i>		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[5] Bộ môn quản trị tác nghiệp TMQT, (2020). <i>Bài giảng Quản trị đa văn hóa</i>, Đại học Thương Mại. [6] Nguyễn Phúc Nguyên, (2014). <i>Giáo trình Quản trị sự thay đổi</i>, Đại học Kinh tế Đà Nẵng		
	Trang Web/ CDs			

	tham khảo		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên
	BÀI 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA	25	Đọc trước nội dung Chương 1 tài liệu số 1 Chương 1 tài liệu số 3 Chương 1 tài liệu số 4 Chương 1 tài liệu số 6 Làm bài tập chương 1 tài liệu 5
	BÀI 2. QUẢN LÝ SỰ THAY ĐỔI CỦA CÁC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA	35	Đọc trước nội dung Chương 2,3,4 tài liệu số 1. Chương 5,6 tài liệu số 2 Chương 2,3,4 tài liệu số 3 Chương 3,4 tài liệu số 6
	BÀI 3. QUẢN TRỊ NHÂN LỰC TRONG MÔI TRƯỜNG ĐA VĂN HÓA	30	Đọc trước nội dung Chương 2,3,4 tài liệu số 4 Chương 3,4 tài liệu số 5 Chương 2,3,4 tài liệu số 6
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Lê Thanh Hà	Phó giáo sư, tiến sĩ	Kinh tế lao động
	Vũ Hồng Phong	Tiến sĩ	Kinh tế lao động
	Nguyễn Thị Hồng ⁷⁷	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
	Cán Hữu Dạn	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC
TRONG MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU HÓA**

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 – 5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 –7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	60%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%

RUBRIC ĐIỂM BÀI TẬP NHÓM (AM2)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5- 6,9)	Mức B/B+ (7,0- 8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung bài tập	Không làm bài tập Hoặc có làm nhưng sai trên 70%	Làm đủ và đúng từ 31% đến 54%	Làm đủ và đúng từ 55% đến 69%	Làm đủ và đúng từ 70 đến 84%	Làm đủ và đúng từ 85% đến 100%	50%
Trình bày bài tập	Không trình bày bài theo quy định	Chỉ trình bày được một phần đúng quy định	Trình bày đúng quy định	Trình bày đúng quy định, có minh hoạ cụ thể	Trình bày đúng quy định và có tính sáng tạo hợp lý	50%

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA GIỮA KÌ (AM4)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0-4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Nội dung	Làm đúng dưới 30% bài kiểm tra	Làm đúng từ 30%-39% bài kiểm tra	Làm đúng từ 40%-49% bài kiểm tra	Làm đúng từ 50%-59% bài kiểm tra	Làm đúng từ 60%-69% bài kiểm tra	Làm đúng từ 70%-79% bài kiểm tra	Làm đúng từ 80%-84% bài kiểm tra	Làm đúng từ 85%-89% bài kiểm tra	Làm đúng từ 90%-100% bài kiểm tra	90%
Trình bày	Trình bày rất cầu thả, lộn xộn, không có bố cục rõ ràng, không rõ ý chính	Trình bày cầu thả, không có bố cục rõ ràng.	Trình bày chưa hợp lý. Không có bố cục rõ ràng,	Trình bày ở mức độ trung bình, Có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức độ trung bình khá, có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức khá, có bố cục tương đối phù hợp	Trình bày tốt, có bố cục hợp lý	Trình bày tốt, sạch đẹp, có bố cục rõ ràng, hợp lý	Trình bày sạch đẹp, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, logic, hợp lý	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ MARKETING HIỆN ĐẠI

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: QUẢN TRỊ MARKETING HIỆN ĐẠI Tên tiếng Anh: CONTEMPORARY MARKETING MANAGEMENT
2. Mã học phần	QTK307
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	• Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. • Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. • Thảo luận (Discussion) – TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với cũng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. * Giải quyết vấn đề (Problem Solving) – TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. • Học theo tình huống (Case Study) – TLM9: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu. • Học nhóm (Teamwork Learning) – TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và

	trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. * Bài tập ở nhà (Work Assignment) – TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Quản trị kinh doanh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	<i>Về kiến thức:</i> + Hiểu được tổng quan về quản trị marketing gồm khái niệm, vai trò marketing, quản trị marketing, quá trình quản trị marketing... + Hiểu được việc phân tích các cơ hội thị trường từ môi trường marketing, lập kế hoạch chiến lược marketing, xác định khách hàng mục tiêu, hành vi mua của khách hàng. + Nhận biết được cách thức công ty tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing đã được vạch ra trong bản kế hoạch marketing.	PLO2, PLO8	4/6
G2	<i>Về Kỹ năng:</i> + Lựa chọn được chiến lược marketing cho một công ty cụ thể ở những vị trí khác nhau trên thị trường trên cơ sở phối hợp hài hòa những mục tiêu, sở trường cốt lõi và các nguồn lực của công ty với những nhu cầu và cơ hội trên thị trường khi được yêu cầu. + Lập được bản kế hoạch marketing cho một công ty cụ thể, trong đó phải phân bổ nguồn lực cho các hoạt động marketing (ngân sách, nguồn nhân lực, thời gian...) để đạt mục tiêu đã định. + Sử dụng phối thức marketing hỗn hợp để tác	PLO4	4/5

	động vào từng thị trường mục tiêu khi có yêu cầu. + Rèn luyện năng lực tư duy quản trị marketing, có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống với những tình huống về quản trị marketing.		
G3	<i>Về Thái độ:</i> + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị marketing trong hoạt động kinh doanh nói chung và trong hoạt động marketing nói riêng. + Rèn luyện phẩm chất của nhà quản trị marketing như linh hoạt, nhạy bén, có khả năng bao quát và ra quyết định hướng tới khách hàng.	PLO6, PLO7	4/5

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Học viên nắm được tổng quan về quản trị marketing gồm khái niệm, vai trò marketing, quản trị marketing, quá trình quản trị marketing...	PLO2, PLO8	I, T
CLO2	Học viên nắm được việc phân tích các cơ hội thị trường từ môi trường marketing, lập kế hoạch chiến lược marketing, xác định khách hàng mục tiêu, hành vi mua của khách hàng.	PLO2, PLO8	T, U
CLO3	Học viên nhận biết được cách thức công ty tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing đã được vạch ra trong bản kế hoạch marketing.	PLO2, PLO8	T, U
CLO4	Học viên lựa chọn được chiến	PLO4	T, U

	lược marketing cho một công ty cụ thể ở những vị trí khác nhau trên thị trường trên cơ sở phối hợp hài hòa những mục tiêu, sở trường cốt lõi và các nguồn lực của công ty với những nhu cầu và cơ hội trên thị trường khi được yêu cầu.		
CLO5	Học viên lập được bản kế hoạch marketing cho một công ty cụ thể, trong đó phải phân bổ nguồn lực cho các hoạt động marketing (ngân sách, nguồn nhân lực, thời gian...) để đạt mục tiêu đã định.	PLO4	T, U
CLO6	Học viên sử dụng phối thức marketing hỗn hợp để tác động vào từng thị trường mục tiêu khi có yêu cầu.	PLO4	T, U
CLO7	Học viên rèn luyện năng lực tư duy quản trị marketing, có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống với những tình huống về quản trị marketing.	PLO6	T, U
CLO8	Học viên ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị marketing trong hoạt động kinh doanh nói chung và trong hoạt động marketing nói riêng.	PLO7	U
CLO9	Học viên cần rèn luyện phẩm chất của nhà quản trị marketing như linh hoạt, nhạy bén, có khả năng bao quát và ra quyết định hướng tới khách hàng.	PLO7	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến những vấn đề tổng quan về quản trị marketing gồm khái niệm, vai trò marketing, quản trị marketing, quá trình quản trị marketing...; phân tích các cơ hội thị trường

từ môi trường marketing, lập kế hoạch chiến lược marketing, xác định khách hàng mục tiêu, hành vi mua của khách hàng; các chiến lược marketing thành phần gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối; quản trị marketing trong thời đại số.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5	CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ MARKETING 1.1. Bản chất của marketing 1.1.1. Các khái niệm 1.1.2. Vai trò của marketing 1.1.3. Các quan điểm định hướng kinh doanh của doanh nghiệp 1.2. Quản trị marketing 1.2.1. Khái niệm	CLO1, CLO3, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10, TLM15	AM1, AM2, AM3, AM8
	1.2.2. Đặc điểm của quản trị marketing 1.2.3. Những nhiệm vụ chủ yếu của quản trị marketing 1.3. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và marketing quan hệ 1.3.1. Giá trị, chi phí và sự thỏa mãn của khách hàng 1.3.2. Quá trình cung ứng giá trị cho khách hàng và chuỗi giá trị theo quan điểm marketing hiện đại 1.3.3. Marketing quản trị quan hệ khách hàng		Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	

6-10	CHUYÊN ĐỀ 2: LẬP CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU 2.1. Xây dựng chiến lược marketing 2.1.1. Phân tích môi trường marketing và thị trường 2.1.2. Xây dựng chiến lược marketing 2.1.3. Thực hiện và kiểm tra thực hiện kế hoạch marketing chiến lược	CLO2, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10, TLM15. Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	AM1, AM2, AM3, AM8
11-15	CHUYÊN ĐỀ 2: LẬP CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU 2.2 Phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu 2.2.1 Phân đoạn thị trường 2.2.2 Lựa chọn thị trường mục tiêu	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10, TLM15 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	AM1, AM2, AM3, AM8
16-20	CHUYÊN ĐỀ 2: LẬP CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU 2.2 Phân đoạn và lựa chọn thị trường mục tiêu 2.2.3 Nghiên cứu hành vi khách	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10,	AM1, AM2, AM3, AM8

	hàng và lựa chọn giá trị cung cấp cho khách hàng, sự hài lòng và lòng trung thành 2.2.4 Định vị thị trường		TLM15 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	
21-25	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.1. Chiến lược sản phẩm 3.1.1. Khái niệm và các cấp độ sản phẩm 3.1.2. Phân loại sản phẩm 3.1.3. Các quyết định về sản phẩm	CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10, TLM15 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	AM1, AM2, AM3, AM8
26-30	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.2. Chiến lược giá 3.2.1. Khái quát chung về giá 3.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến định giá 3.2.3. Quy trình định giá 3.2.4. Một số chiến lược giá	CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10, TLM15 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học	AM1, AM2, AM3, AM8

			nhóm, làm bài tập, thảo luận.	
31-35	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.3. Chiến lược phân phối 3.3.1. Khái quát về hệ thống kênh phân phối 3.3.2. Cấu trúc và tổ chức hoạt động của hệ thống kênh phân phối 3.3.3. Lựa chọn kênh và quản lý kênh	CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10, TLM15 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	AM1, AM2, AM3, AM8
36-40	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.4 Chiến lược truyền thông – xúc tiến hỗn hợp 3.4.1. Khái quát về hệ thống xúc tiến hỗn hợp 3.4.2. Các công cụ xúc tiến hỗn hợp KIỂM TRA QUÁ TRÌNH	CLO3, CLO4, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9	Dạy: TLM2, TLM4, TML7, TLM9, TLM10, TLM15 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8
41-45	CHUYÊN ĐỀ 4: QUẢN TRỊ MARKETING TRONG THỜI ĐẠI SỐ	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO7, CLO8,	Dạy: TLM2, TLM4,	AM1, AM2, AM3,

	4.1 Các khái niệm cơ bản về digital marketing 4.2 Chiến lược marketing trong môi trường số 4.2.1 Marketing trên website 4.2.2 Marketing trên mạng xã hội 4.2.3 Marketing trên thiết bị di động	CLO9	TML7, TLM9, TLM10, TLM15 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia học nhóm, làm bài tập, thảo luận.	AM8
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần (trọng số)	Bài đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO7, CLO8, CLO9	10%
		AM8	CLO1 đến CLO9	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1 đến CLO9	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1 đến CLO9	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Phillip Kotler và Kevin Keller (2013), <i>Quản trị marketing (sách dịch)</i> , NXB Lao động – Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[2] PGS. TS. Trương Đình Chiến (2011), <i>Quản trị Marketing</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên	
	CHUYÊN ĐỀ 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ MARKETING	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 1, 5 của tài liệu số [1];	

			chương 1 tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 2: LẬP CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU (2.1)	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 2 của tài liệu số [1], chương 2, 4 tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 2: LẬP CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU 2.2 (nội dung 2.2.1, 2.2.2)	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 8 của tài liệu số [1], chương 7 tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 2: LẬP CHIẾN LƯỢC MARKETING MỤC TIÊU 2.2 (nội dung 2.2.3, 2.2.4)	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 6,7, 9, 10 của tài liệu số [1]; chương 5, 8 của tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.1. Chiến lược sản phẩm	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 12, 13 của tài liệu số [1], chương 11 tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo

			luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.2. Chiến lược giá	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 14 của tài liệu số [1]; chương 12 của tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.3. Chiến lược phân phối	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 15, 16 của tài liệu số [1]; chương 13 của tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 3: CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING THÀNH PHẦN 3.4 Chiến lược truyền thông – xúc tiến hỗn hợp	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 17, 18, 19 của tài liệu số [1]; chương 14 của tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối mỗi chương.
	CHUYÊN ĐỀ 4: QUẢN TRỊ MARKETING TRONG THỜI ĐẠI SỐ	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 17 của tài liệu số [2] và làm các câu hỏi ôn tập, bài tập thảo luận cuối chương.
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Thu Hương	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

	Lục Mạnh Hiền	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Lê Thị Hải Hà	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH
(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC KINH DOANH Tên tiếng Anh: CORPORATE STRATEGIC MANAGEMENT
2. Mã học phần	QTK308
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Tham luận (Guest Lecture) - TLM3: Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ các tổ chức ngoài trường. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Học theo tình huống (Case Study) – TLM9: Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy

	người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu. - Học nhóm (Teamwork Learning) - TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên. - Học Trực tuyến – TLM14: Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Kế toán áp dụng chủ yếu là Bài tập ở nhà. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) – TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản trị kinh doanh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Nắm được khái niệm cơ bản về chiến lược, nhà quản trị chiến lược và nội dung cơ bản về quá trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.	PLO2, PLO8	4/6
G2	Hiểu, phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan đến quá trình hoạch định chiến lược như	PLO2	5/6

	sứ mệnh, mục tiêu của doanh nghiệp, môi trường kinh doanh.		
G3	Rèn luyện kỹ năng tư duy chiến lược, hình thành “phản xạ” đối với các nhân tố chiến lược.	PLO4	4/5
G4	Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị chiến lược trong hoạt động kinh doanh.	PLO 6, PLO7	5/5

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Lựa chọn chiến lược theo các định hướng chiến lược cả 3 cấp (cấp doanh nghiệp, cấp kinh doanh và cấp chức năng).	PLO2, PLO8	T, U
CLO2	Hiểu, phân tích được những vấn đề liên quan đến triển khai thực hiện chiến lược qua công cụ bản đồ chiến lược; cách thức kiểm soát và điều chỉnh chiến lược qua thẻ điểm cân bằng BSC	PLO2	T, U
CLO3	Phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến những tình huống quản trị chiến lược cụ thể.	PLO4	U
CLO4	Có sự tự tin trong việc tìm hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh.	PLO6, PLO7	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần Học phần này cung cấp những kiến thức về tư duy quản trị chiến lược hiện đại, đảm bảo sự cân bằng giữa hệ thống chiến lược và sự thay đổi của môi trường; triển khai thực hiện chiến lược qua bản đồ chiến lược; kiểm soát chiến lược trong doanh nghiệp bằng công cụ thẻ điểm cân bằng BSC.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDRH P(CLO)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC 1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược 1.1. Khái niệm, vai trò của quản trị chiến lược	CLO1 CLO4	TLM1, TLM2 Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận Dạy: Giao bài tự học chuẩn bị trước và trả	AM1, AM2,

	1.1.1. Các khái niệm chiến lược và quản trị chiến lược 1.1.2. Vai trò của quản trị chiến lược 1.2. Mô hình quản trị chiến lược 1.2.1. Mô hình quản trị chiến lược tổng quát 1.2.2. Mô hình ba giai đoạn quản trị chiến lược		lời các câu hỏi.	
6-10	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC .3. Các cấp quản trị chiến lược 1.3.1. Chiến lược cấp doanh nghiệp 1.3.2. Chiến lược kinh doanh 1.3.3. Chiến lược cấp chức năng. 1.4. Nhà quản trị chiến lược 1.4.1. Khái niệm và vai trò của nhà quản trị chiến lược 1.4.2. Yêu cầu về năng lực của nhà quản trị chiến lược 1.5. Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược 1.5.1. Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp 1.5.2. Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp 1.5.3. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh	CLO2, CLO3 CLO4	Học: TLM1, TLM2, TLM3, TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến Các cấp quản trị chiến lược Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận các nội Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược Dạy: Giao bài tự học chuẩn bị trước một đề tài và viết các nội dung liên quan	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8,
11-15	CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2.1. Phân tích môi trường kinh	CLO2, CLO3	TLM1, TLM2, TLM3TLM4, TLM9,	AM1, AM2,

	doanh 2.1.1. Môi trường vĩ mô 2.1.2. Môi trường vi mô	CLO4	TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến Nội dung Phân tích môi trường kinh doanh nghiệp Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận các nội dung về Môi trường vĩ mô Môi trường vi mô	AM3, AM4, AM5, AM8,
16-20	CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH 2.2. Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp 2.2.1. Phân tích chuỗi giá trị 2.2.2. Phân tích theo tiềm năng các nguồn lực của doanh nghiệp 2.3. Lựa chọn định hướng chiến lược	CLO2, CLO3 CLO4	TLM1, TLM2, TLM3TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận các nội dung về Lựa chọn định hướng chiến lược	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8,
21-25	CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ CHIẾN LƯỢC 3.1. Các nguyên tắc xây dựng và mô hình bản đồ chiến lược tổng quát 3.1.1. Các nguyên tắc xây dựng bản đồ chiến lược 3.1.2. Mô hình bản đồ chiến lược tổng quát	CLO2, CLO3 CLO4	TLM1, TLM2, TLM3TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến Các nguyên tắc xây dựng	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8,

			bản đồ chiến lược Học: Mô hình bản đồ chiến lược tổng quát	
26-30	CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ CHIẾN LƯỢC 3.2. Xây dựng các mục tiêu chiến lược 3.2.1. Giá trị dài hạn của cổ đông 3.2.2. Tập hợp giá trị cung ứng cho khách hàng 3.3. Xây dựng các quy trình tạo giá trị 3.3.1. Các quy trình quản trị vận hành 3.3.2. Các quy trình quản trị khách hàng 3.3.3. Các quy trình đổi mới	CLO2, CLO3 CLO4	TLM1, TLM2, TLM3TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến Xây dựng các mục tiêu chiến lược Học: Xây dựng các quy trình tạo giá trị	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8,
31-35	CHƯƠNG 3. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ CHIẾN LƯỢC 3.4. Gắn kết các nguồn lực với chiến lược 3.4.1. Sự sẵn sàng của nguồn nhân lực 3.4.2. Sự sẵn sàng của nguồn lực thông tin 3.4.3. Sự sẵn sàng của nguồn vốn tổ chức 3.5. Điều chỉnh bản đồ chiến lược theo chiến lược của doanh nghiệp 3.5.1. Chiến lược dẫn đầu về chi phí 3.5.2. Chiến lược dẫn đầu về sản phẩm	CLO2, CLO3 CLO4	TLM1, TLM2, TLM3TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến Gắn kết các nguồn lực với chiến lược Học: Điều chỉnh bản đồ chiến lược theo chiến lược của doanh nghiệp	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8,

	3.5.3. Chiến lược giải pháp khách hàng toàn diện 3.5.4. Chiến lược khóa chặt vào hệ thống			
36	Kiểm tra	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4	Giảng viên ra đề thi cho 60 phút tự luận	AM4
37-40	CHƯƠNG 4. KIỂM SOÁT CHIẾN LƯỢC QUA THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG 4.1. Khái niệm và vai trò của kiểm soát chiến lược 4.1.1. Khái niệm kiểm soát chiến lược 4.1.2. Vai trò của kiểm soát chiến lược	CLO2, CLO3 CLO4	TLM1, TLM2, TLM3TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan Khái niệm kiểm soát chiến lược Học: Nghe giảng, ghi chú, tham gia thảo luận các nội dung về Vai trò của kiểm soát chiến lược	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8,
41-45	CHƯƠNG 4. KIỂM SOÁT CHIẾN LƯỢC QUA THẺ ĐIỂM CÂN BẰNG 4.2. Thẻ điểm cân bằng BSC 4.2.1. Đo lường khía cạnh tài chính 4.2.2. Đo lường khía cạnh khách hàng 4.2.3. Đo lường khía cạnh quy trình nội bộ 4.2.4. Đo lường khía cạnh học tập và tăng trưởng 4.2.5. Kết nối các thước đo của thẻ điểm cân bằng với chiến lược	CLO2, CLO3 CLO4	TLM1, TLM2, TLM3TLM4, TLM9, TLM10, TLM14, TLM15 Dạy: Thuyết giảng cho ví dụ minh họa, đặt câu hỏi và thảo luận về các nội dung liên quan đến. Đo lường khía cạnh tài chính, khách hàng, học tập và tăng trưởng Học: Nghe giảng, ghi	AM1, AM2, AM3, AM4, AM5, AM8,

			chú, tham gia thảo luận các nội dung về. Kết nối các thước đo của thẻ điểm cân bằng với chiến lược	
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1, CLO2	5%
		AM2	CLO3, CLO4	5%
		AM3 AM8		10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4/ AM5		20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4/ AM5		60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1]. PGS.TS Ngô Kim Thanh, <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i> - NXB ĐH Kinh tế quốc dân, 2012 [2]. Fred R. David, <i>Quản trị chiến lược</i> - NXB Kinh tế TP. HCM, 2015		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[3]. TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Lê Việt Long, TS, Đỗ Thị Thanh Vinh, Ths. Nguyễn Kim Nam, <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i> , NXB Phương Đông. [4]. PGS.TS Lê Thế Giới, TS. Nguyễn Thanh Liêm, Ths. Trần Hữu Hải, <i>Quản trị chiến lược</i> , NXB Thống kê, 2007.		
14.	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên	
Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Chương 1. Tổng quan về Quản trị chiến lược	20	[1], [2]	
	Chương 2. Xây dựng chiến lược kinh doanh	20	[1], [2]	
	Chương 3. Xây dựng bản đồ chiến lược	25	[1], [2], [3]	

	Chương 4. Kiểm soát chiến lược qua thẻ điểm cân bằng	25	[1], [2], [4]
	Tổng cộng	90	
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Anh Trâm	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Lục Mạnh Hiến	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NÂNG CAO

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NÂNG CAO Tên tiếng Anh: ADVANCED CORPORATE FINANCE MANAGEMENT
2. Mã học phần	KTO308
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người giảng chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong quá trình dạy học, giảng viên sử dụng câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, dẫn dắt, hướng dẫn người học từng bước trả lời từng câu hỏi. Người học có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề đặt ra. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Giảng viên giao các nhiệm vụ cụ thể để người học tự học, tự nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề

	của học phần. Người học chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết, thông qua đó học viên cải thiện kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng nghiên cứu.		
7. Đơn vị quản lý học phần		Khoa Kế toán	
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Sau khi học xong, học viên hiểu về các kiến thức quản trị tài chính nâng cao làm giúp học viên chuyên ngành kế toán nghiên cứu các nội dung liên quan đến kế toán doanh nghiệp nâng cao.	PLO2 PLO6	Bậc 4/6
G2	Biết cách lập các báo cáo tài chính của doanh nghiệp như: báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng cân đối kế toán; từ đó có thể phân tích khái quát tài chính doanh nghiệp	PLO4	Bậc 3/6
G3	Hiểu được các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp như: huy động nợ, huy động vốn chủ sở hữu	PLO2	Bậc 3/6
G4	Biết đánh giá rủi ro của 1 tài sản và của 1 danh mục đầu tư và hiểu được mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận	PLO4 PLO7	Bậc 3/6
G5	Biết cách xác định các chi phí vốn. Hiểu được cách xác định cơ cấu vốn tối ưu cho doanh nghiệp	PLO4	Bậc 3/6
G6	Biết cách lập kế hoạch tài chính dài hạn cho doanh nghiệp	PLO2	Bậc 3/6
G7	Hiểu được quản lý tài sản lưu động và cố định trong doanh nghiệp	PLO2	Bậc 3/6
G8	Biết các hình thức mua bán lại doanh nghiệp	PLO2	Bậc 3/6
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của	Mức độ

(CLOs)		CTĐT (PLOs)	giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng tốt chính sách, pháp luật và nhà nước;	PLO2	I
CLO2	Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng kiến thức tài chính trong việc thực hiện các quyết định tài chính của doanh nghiệp;	PLO2	I, T, U
	(1) Giải thích những nguyên tắc cơ bản của quản trị tài chính trong doanh nghiệp;		
	(2) Giải thích các tiêu chí để đánh giá dự án đầu tư, lựa chọn và ra quyết định đầu tư; quản trị tài sản; quyết định quan hệ cơ cấu giữa đầu tư tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn; quyết định nguồn vốn và quyết định phân phối lợi nhuận		
CLO3	Phân tích, tổng hợp với tư duy phản biện, tư duy logic, tư duy sáng tạo trong xử lý các vấn đề liên quan đến các nguyên tắc, quy định trong quản trị tài chính doanh nghiệp	PLO4, PLO7	T, U
	(1) Thực hành thành thạo các nguyên tắc quản trị tài chính doanh nghiệp, bao gồm: giá trị theo thời gian của tiền; đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận; tiết kiệm thuế nhờ lãi vay; mối quan hệ giữa nhà quản trị tài chính và chủ sở hữu.		
	(2) Xử lý các tình huống thực tế liên quan đến việc quyết định những vấn đề tài chính cơ bản trong doanh nghiệp: quyết định đầu tư, quyết		

	định tài trợ và quyết định quản trị tài sản.		
CLO4	Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để đạt được những mục tiêu của học phần	PLO4	T, U
	(1) Hoàn tất các bài tập cá nhân liên quan đến mỗi chương học;		
	(2) Tư duy và tổng hợp các vấn đề liên quan đến các nguyên tắc trong quản trị tài chính doanh nghiệp.		
CLO5	Phân tích, đánh giá để đưa ra các kết luận chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về quản trị tài chính doanh nghiệp	PLO4, PLO7	T, U
	(1) Ứng dụng kiến thức quản trị tài sản, nguồn huy động vốn, chi phí sử dụng vốn... để hỗ trợ cho công tác kế toán trong việc xử lý các vấn đề tài chính doanh nghiệp trước khi tiến hành hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời nâng cao nhận thức của các nghiệp vụ kế toán.		
	(2) Ứng dụng được kiến thức về quản trị tài chính doanh nghiệp để hỗ trợ cho các công việc kiểm toán nội bộ và sự phát triển của học viên khi muốn trở thành kiểm toán viên độc lập.		
CLO6	Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà Trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra	PLO6	I, U
	(1) Tham gia giờ giảng đầy đủ, chủ		

	động, tích cực;		
	(2) Chính trực và minh bạch trong quá trình làm bài tập cá nhân, bài thi và bài kiểm tra liên quan đến học phần.		

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết nâng cao về quản trị tài chính doanh nghiệp: Nguyên tắc quản trị tài chính hiện đại, đặc điểm các nguồn vốn của doanh nghiệp, các phương thức huy động vốn, các quyết định tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp, phân tích các chính sách tín dụng thương mại của doanh nghiệp, quản trị dòng tiền, cơ cấu vốn và chi phí vốn, lý thuyết cơ bản của định giá doanh nghiệp. Học phần cũng nghiên cứu về kế hoạch tài chính dài hạn của một doanh nghiệp. Một số vấn đề đến mua bán, sáp nhập và kiệt quệ tài chính, tác động của thuế đến hoạt động tài chính doanh nghiệp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1.1. Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường 1.1.1. Mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp và những bài học về doanh nghiệp phá sản khi quản trị yếu kém 1.1.2. Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp 1.2. Các nguyên tắc quản trị tài chính doanh nghiệp 1.2.1. Nguyên tắc giá trị thời gian của tiền	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5, CLO6	Dạy: TLM1, TLM2 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi	AM1, AM2

	1.2.2. Nguyên tắc sử dụng nợ vay trong kinh doanh 1.2.3. Nguyên tắc đánh đổi rủi ro và lợi nhuận 1.2.4. Các nguyên tắc khác 1.3. Các báo cáo tài chính và dòng tiền 1.3.1. Các báo cáo tài chính 1.3.2. Dòng tiền dưới góc độ kế toán và dưới góc độ tài chi CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP 2.1. Quản trị tài sản ngắn hạn 2.1.1. Quản trị dự trữ 2.1.2. Quản trị tiền mặt			
6 -10 (5 giờ TC)	2.1.3. Quản trị các khoản phải thu 2.1.4. Quản trị các khoản chi 2.2. Quản trị tài sản dài hạn 2.2.1. Quản trị tài sản cố định 2.2.2 Các chỉ tiêu đánh giá CHƯƠNG 3: NGUỒN HUY ĐỘNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP 3.1. Nguồn huy động vốn trung và dài hạn của doanh nghiệp 3.1.1. Vốn chủ sở hữu 3.1.2. Vốn vay	CLO3, CLO5, CLO6	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi	AM1, AM2
	3.2. Nguồn huy động vốn ngắn hạn của doanh nghiệp 3.2.1. Vay tiền mặt 3.2.2. Phát hành quá số dư 3.2.3. Chiết khấu giấy tờ có giá	CLO3, CLO5,	Dạy TLM1, TLM2, TLM4,	AM1,

11-15 (5 giờ TC)	3.2.4. Khách hàng trả tiền trước CHƯƠNG 4: RỦI RO VÀ TỶ SUẤT SINH LỢI 4.1. Tỷ suất sinh lợi 4.1.1. Tỷ suất sinh lợi của một thời kỳ	CLO6	TLM7, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi/ Thuyết trình/ Làm bài tập nhóm	AM2
16 -20 (5 giờ TC)	4.1.2. Tỷ suất sinh lợi trung bình của chứng khoán và tỷ suất sinh lợi phi rủi ro 4.2. Rủi ro hệ thống và rủi ro phi hệ thống	CLO3, CLO5, CLO6	Dạy TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi/ Thuyết trình/ Làm bài tập nhóm	AM1, AM2
21-25 (5 giờ TC)	4.3. Chi phí sử dụng vốn 4.3.1. Chi phí sử dụng vốn thành phần và chi phí sử dụng vốn bình quân 4.3.2. Hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp CHƯƠNG 5: ĐỊNH GIÁ, HOẠCH ĐỊNH NGÂN SÁCH VỐN CHO CÔNG TY CÓ SỬ DỤNG NỢ VAY VÀ CÁC HÌNH THỨC CHI TRẢ CỔ TỨC 5.1.1. Phương pháp hiện giá	CLO2 CLO3, CLO5, CLO6	Dạy TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi/ Thuyết trình/ Làm bài tập	AM1, AM2

	hiệu chỉnh 5.1.2. Phương pháp dòng tiền thuộc về vốn chủ sở hữu 5.1.3. Phương pháp chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền		nhóm	
	Kiểm tra			AM4
26 -30 (5 giờ TC)	5.2. Các hình thức chi trả cổ tức 5.2.1. Quy trình chuẩn của việc chi trả cổ tức tiền mặt 5.2.2. Các hình thức chi trả cổ tức CHƯƠNG 6: CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT 6.1. Sáp nhập, mua lại và thoái vốn 6.1.1. Các hình thức cơ bản của mua lại 6.1.2. Mặt trái về tài chính của hoạt động mua lại	CLO2 CLO3, CLO5, CLO6	Dạy TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi/ Thuyết trình/ Làm bài tập nhóm	AM1, AM2
31-35 (5 giờ TC)	6.1.3. Giá trị hiện thuần của sáp nhập 6.1.4. Các hình thức thuế trong thương vụ mua lại 6.2. Kiệt quệ tài chính 6.2.1. Khái niệm về kiệt quệ tài chính	CLO2 CLO3, CLO4 CLO5, CLO6	Dạy TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi/ Thuyết trình/ Làm bài tập	

			nhóm	
36 -40 (5 giờ TC)	6.2.2. Rủi ro khi doanh nghiệp kiệt quệ tài chính CHƯƠNG 7: DỰ BÁO TÀI CHÍNH 7.1. Tổng quan về dự báo tài chính 7.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của dự báo 7.1.2. Các phương pháp dự báo 7.1.3. Các nguyên tắc dự báo	CLO2 CLO3, CLO5, CLO6	Dạy TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi/ Thuyết trình/ Làm bài tập nhóm	AM1, AM2
41-45 (5 giờ TC)	7.2. Dự báo tài chính 7.2.1. Dự báo doanh thu 7.2.2. Dự báo kết quả kinh doanh 7.2.3. Dự báo ngân quỹ	CLO2 CLO3, CLO5, CLO6	Dạy TLM1, TLM2, TLM4, TLM7, TLM15 Học: Nghe giảng/ Trả lời câu hỏi/ Thuyết trình/ Làm bài tập nhóm	
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần (trọng số)	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm chuyên cần (10%)	AM1: Đánh giá chuyên cần, ý thức	CLO6	10%

		học tập		
	A2. Điểm giữa kỳ (30%)	AM2: Đánh giá bài tập (Bài tập thực hành trên lớp và về nhà)	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
		AM4: Bài kiểm tra trên lớp	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (60%)	AM4/AM5: Bài thi kết thúc học phần	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] PGS.TS. Dương Đức Lân , (2011). <i>Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp</i> . Nhà xuất bản tài chính.		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[2] PGS.TS. Lưu Thị Hương , (2003). <i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i> . Nhà xuất bản thống kê [3] Nguyễn Hải Sản , (1996). <i>Quản trị Tài chính doanh nghiệp</i> . Nhà xuất bản thống kê [4] Eugene F.Brigham và Joel F. Houston (2009), <i>Quản trị tài chính</i> , Đại học Florida		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên	
	Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp	8	Học viên đọc trước nội dung chương 1 của tài liệu số [1] và chương 1 tài liệu số [2].	
	Chương 2: Quản trị tài sản của doanh nghiệp	10	Học viên đọc trước nội dung chương 2 của tài liệu số [1] và chương 2	

			của tài liệu số [3]
	Chương 3: Nguồn huy động vốn của doanh nghiệp	10	Học viên đọc trước nội dung chương 3 của tài liệu số [1] và chương 3 của tài liệu số [4]
	Chương 4: Rủi ro và tỷ suất sinh lợi	18	Học viên đọc trước nội dung chương 4 của tài liệu số [1]
	Chương 5: định giá, hoạch định ngân sách vốn cho công ty có sử dụng nợ vay và các hình thức chi trả cổ tức	8	Học viên đọc trước nội dung chương 5 của tài liệu số [1]
	Chương 6: Các chủ đề đặc biệt	18	Học viên đọc trước nội dung chương 6 của tài liệu số [1]
	Chương 7: Dự báo tài chính	18	Học viên đọc trước nội dung chương 7 của tài liệu số [1]
	Tổng cộng	90 giờ TC	
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Vũ Thị Thanh Thuỷ	Tiến sĩ	Kinh tế tài chính – ngân hàng
	Lương Thị Huyền	Tiến sĩ	Kinh tế tài chính – ngân hàng
	Nguyễn Thị Nga	Tiến sĩ	Kế toán, kiểm toán và phân tích

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC Tên tiếng Anh: COMPETENCE BASED ON HUMAN RESOURCES MANAGEMENT
2. Mã học phần	QTN309
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Học viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt. Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn học viên từng bước trả lời các câu hỏi. Thảo luận (Discussion) - TLM7: Học viên hoạt động theo nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập tình huống) do giảng viên giao. Phương pháp này vừa giúp học viên rèn kỹ năng tổ chức làm việc nhóm và làm việc theo nhóm, luyện kỹ năng nghe và phát triển quan điểm cá nhân trong quan điểm nhóm, ra quyết định theo nhóm, giải quyết các vấn đề chuyên môn theo nhóm và phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Học viên chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết. - Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (Brainstorming) -

	TLM17: Là phương pháp nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong nhóm cùng thảo luận. Nhóm trưởng điều hành hoạt động thảo luận chung của cả nhóm trong một thời gian quy định. Các ý kiến đều được thư ký ghi nhận, khuyến khích thành viên đưa ra càng nhiều ý kiến càng tốt. Các thành viên tham gia một cách tích cực nhằm tạo ra “Con lốc” ý tưởng.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Cung cấp những kiến thức tổng hợp về Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực như khung năng lực, đánh giá năng lực nhân viên, các hoạt động quản trị nhân lực dựa trên năng lực.	PLO3	4/6
G2	Trang bị kỹ năng xây dựng khung năng lực, đánh giá năng lực nhân viên, kỹ năng triển khai các hoạt động quản trị nhân lực dựa trên năng lực, kỹ năng phân tích và xử lý tình huống quản trị nhân lực dựa trên năng lực.	PLO4, PLO5	4/5
G3	Giáo dục học viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực, từ đó, quan tâm đến quản lý, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực dựa trên năng lực.	PLO6, PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần		Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu rõ và vận dụng một cách sáng tạo các nguyên lý, phương pháp quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực,	PLO3	I, T
CLO2	Có kiến thức thực tế sâu, rộng về quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng	PLO3	I, T, U

	lực và vận dụng sáng tạo trong triển khai các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực chuyên môn trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.		
CLO3	Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá việc quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực để tham mưu lãnh đạo cấp trên. Triển khai thực hiện các nghiệp vụ về quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức.	PLO4	T, U
CLO4	Kỹ năng lãnh đạo, truyền đạt và thảo luận chuyên môn, sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong tổ chức, quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực.	PLO5	T, U
CLO5	Có thái độ tuân thủ pháp luật liên quan đến quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực trong tổ chức.	PLO7	T, U
CLO6	Có ý thức tự học tập, nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp. Tham gia nghe giảng đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao. Tích cực tham gia thảo luận nhóm và làm bài tập nhóm được phân công.	PLO6	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học ***Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực*** nghiên cứu cách thức quản lý con người trong tổ chức dựa trên yêu cầu về năng lực và đánh giá năng lực của nhân viên, nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả chung của tổ chức trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng lớn.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC 1.1. BẢN CHẤT, NỘI DUNG, VAI TRÒ CỦA QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC	CLO1, CLO2,	Dạy: Thuyết giảng, giải thích	AM1, AM4, AM7

	1.1.1. Bản chất quản lý nguồn nhân lực 1.1.2. Nội dung của quản lý nguồn nhân lực 1.1.3. Vai trò của quản lý nguồn nhân lực 1.2. CƠ SỞ ĐỂ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC 1.2.1. Mô tả công việc 1.2.2. Từ điển năng lực và Khung năng lực 1.3. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC 1.3.1. Bản chất 1.3.2. Đặc trưng của quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực 1.4. VAI TRÒ VÀ XU HƯỚNG QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC 1.4.1. Vai trò của quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực 1.4.2. Xu hướng quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực 1.4.3. Thách thức đối với quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực		cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4) Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi	
6-10 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: NĂNG LỰC 2.1. TỪ ĐIỂN NĂNG LỰC 2.1.1. Các mô hình năng lực 2.1.2. Xây dựng Từ điển năng lực 2.2. KHUNG NĂNG LỰC THEO VỊ TRÍ CÔNG VIỆC 2.2.1. Bản chất 2.2.2. Minh hoạ khung năng lực theo vị trí công việc 2.2.3. Tác dụng của khung năng lực theo vị trí công việc	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: Thuyết giảng (TLM2), giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7),	AM1, AM4, AM7

	2.2.4. Xây dựng khung năng lực theo vị trí công việc		Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận	
11-15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: NĂNG LỰC (tiếp) 2.3. ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC 2.3.1. Bản chất và sự cần thiết 2.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến đánh giá năng lực 2.3.3. Các hình thức và phương pháp đánh giá 2.3.4. Quy trình đánh giá năng lực 2.3.5. Trách nhiệm các cấp trong đánh giá năng lực nhân viên 2.4. KHOẢNG CÁCH NĂNG LỰC 2.4.1. Bản chất 2.4.2. Sự ảnh hưởng của khoảng cách năng lực 2.4.3. Rà soát và xác định khoảng cách năng lực	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: Thuyết giảng (TLM2), giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4), thảo luận (TLM7), Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận	AM1, AM4, AM7
16-20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: TUYỂN DỤNG DỰA TRÊN NĂNG LỰC 3.1. BẢN CHẤT, MỤC TIÊU, VAI TRÒ CỦA TUYỂN DỤNG DỰA TRÊN NĂNG LỰC 3.1.1. Bản chất tuyển dụng dựa trên năng lực 3.1.2. Đặc trưng của tuyển dụng dựa trên năng lực 3.1.3. Mục tiêu tuyển dụng dựa trên năng lực	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: Thuyết giảng (TLM2), giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở	AM1, AM4, AM7

	3.1.4. Vai trò của tuyển dụng dựa trên năng lực 3.2. THIẾT KẾ TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ ỨNG VIÊN 3.2.1. Thiết kế tiêu chí đánh giá ứng viên dựa trên năng lực 3.2.2. Thiết kế phương pháp đánh giá ứng viên dựa trên năng lực 3.3. TUYỂN MỘ NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC 3.4. TUYỂN CHỌN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC		(TLM4), thảo luận (TLM7), Kỹ thuật “Động não” hay “Công não” (TLM17) Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận	
21-25 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC DỰA TRÊN NĂNG LỰC 4.1. BẢN CHẤT, VAI TRÒ QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC DỰA TRÊN NĂNG LỰC 4.1.1. Bản chất quản lý thực hiện công việc dựa trên năng lực 4.1.2. Vai trò của quản lý thực hiện công việc dựa trên năng lực 4.2. LÝ THUYẾT THIẾT LẬP MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC SMART 4.2.1. Lý thuyết thiết lập mục tiêu 4.2.2. Nguyên tắc SMART	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Dạy: Thuyết giảng (TLM2), giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4) Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi	AM1, AM4, AM7
26-30 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 4: (tiếp) 4.3. NỘI DUNG QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC DỰA TRÊN NĂNG LỰC	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Dạy: Thuyết giảng (TLM2),	AM1, AM4, AM7

	4.3.1. Thiết lập mục tiêu công việc dựa trên năng lực 4.3.2. Quản lý tình hình thực hiện công việc dựa trên năng lực 4.3.3. Đánh giá thực hiện công việc dựa trên năng lực		giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4) Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi	
31-35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 5: ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC 5.1. BẢN CHẤT, VAI TRÒ, NGUYÊN TẮC ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC 5.1.1. Bản chất đào tạo, phát triển nhân lực dựa trên năng lực 5.1.2. Vai trò đào tạo, phát triển nhân lực dựa trên năng lực 5.1.3. Nguyên tắc đào tạo, phát triển nhân lực dựa trên năng lực 5.2. XÁC ĐỊNH NHU CẦU ĐÀO TẠO DỰA TRÊN KHOẢNG CÁCH NĂNG LỰC 5.2.1. Phân tích báo cáo tổng hợp khoảng cách năng lực 5.2.2. Phân tích hoạch định phương án can thiệp tình huống khoảng cách năng lực 5.2.3. Tổng kết nhu cầu đào tạo nhân lực dựa trên năng lực	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Dạy: Thuyết giảng (TLM2), giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4) Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi	AM1, AM4, AM7

36-40 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 5: (tiếp) 5.3. THIẾT KẾ VÀ VẬN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DỰA TRÊN NĂNG LỰC 5.4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO DỰA TRÊN NĂNG LỰC 5.5. PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP DỰA TRÊN NĂNG LỰC	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Dạy: Thuyết giảng (TLM2), giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4) Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi	AM1, AM4, AM7
41-45 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 6: THÙ LAO LAO ĐỘNG THEO NĂNG LỰC 6.1. BẢN CHẤT, VAI TRÒ, NGUYÊN TẮC THÙ LAO LAO ĐỘNG THEO NĂNG LỰC 6.1.1. Bản chất thù lao lao động theo năng lực 6.1.2. Vai trò 6.1.3. Nguyên tắc 6.2. KẾT CẤU HỆ THỐNG THÙ LAO LAO ĐỘNG VÀ CẤU PHẦN THÙ LAO LAO ĐỘNG THEO NĂNG LỰC 6.3. THIẾT KẾ CẤU PHẦN THÙ LAO LAO ĐỘNG THEO NĂNG LỰC 6.4. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THÙ LAO LAO ĐỘNG THEO NĂNG LỰC	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: Thuyết giảng (TLM2), giải thích cụ thể (TLM1), câu hỏi gợi mở (TLM4) Học: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi	AM1, AM4, AM7
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương		Bài đánh	CĐR	Tỷ lệ

pháp đánh giá	Điểm thành phần	giá (AMs)	học phần (CLOs)	
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1, AM2	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4/AM8	CLO1, CLO2, CLO5, CLO6	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4/AM5	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Nguyễn Thị Hồng, (2022). <i>Giáo trình Quản lý nguồn nhân lực dựa trên năng lực</i>. Trường Đại học Lao động - Xã hội [2] Nguyễn Thị Thu Hà, (2019). <i>Bài giảng đào tạo nhân lực</i>. Đại học Lao động – Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[3] Đỗ Thị Tươi, (2021). <i>Giáo trình Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp</i>, NXB Lao động - Xã hội. [4] Cần Hữu Dạn, (2019). <i>Bài giảng Tuyển dụng và sử dụng nhân lực</i>, Đại học Lao động – Xã hội.		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên	
	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC	10	Học viên đọc trước nội dung Chương 1, tài liệu 1; Chương 4 của tài liệu số [2]	
	CHƯƠNG 2: NĂNG LỰC	12	Học viên đọc trước nội dung Chương 2 của tài liệu số [1] và chương 2 tài liệu số [2].	
	CHƯƠNG 3: TUYỂN	12	Học viên đọc trước nội dung Chương	

	DỤNG DỰA TRÊN NĂNG LỰC		3 của tài liệu số [1]; chương 2 tài liệu số [2]; tài liệu số [4].
	CHƯƠNG 4: QUẢN LÝ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC DỰA TRÊN NĂNG LỰC	12	Học viên đọc trước nội dung Chương 4 của tài liệu số [1] và tài liệu số [2].
	CHƯƠNG 5: ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC DỰA TRÊN NĂNG LỰC	12	Học viên đọc trước nội dung Chương 5 của tài liệu số [1]; tài liệu số [2].
	CHƯƠNG 6: THÙ LAO LAO ĐỘNG THEO NĂNG LỰC	12	Học viên đọc trước nội dung Chương 6 của tài liệu số [1]; tài liệu số [2], tài liệu số [3].
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	1. Nguyễn Thị Hồng ⁷⁷	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
	2. Vũ Hồng Phong	Tiến sĩ	Kinh tế lao động

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM QUÁ TRÌNH ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN QLNNL DỰA TRÊN NĂNG LỰC

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN + HỌC TẬP THEO NHÓM (AM1 + AM2) – CLO2, CLO3										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Chuyên cần	(< 20% số tiết)	(20%- 39% số tiết)	(40%- 49% số tiết)	(50%- 59% số tiết)	(60%- 69% số tiết)	(70%- 79% số tiết)	(80%- 89% số tiết)	90% đến dưới 100%	(100% số tiết)	15%
Tinh thần học trên lớp (giao tiếp/tôn trọng/góp ý sửa lỗi/trách nhiệm)	Thiếu trách nhiệm, không tham gia	Tham gia miễn cưỡng	Thỉnh thoảng có giao tiếp trong nhóm	Giao tiếp và góp ý trong nhóm theo yêu cầu	Chủ động phối hợp làm bài của nhóm, sẵn sàng giao tiếp, góp ý	Tham gia bài nhóm và lớp, sẵn sàng góp ý	Trách nhiệm với nhóm nhỏ, đã tham gia ý kiến trước lớp	Tinh thần góp ý sửa lỗi vì nhóm và lớp (thẳng)	Tinh thần trách nhiệm cao, luôn sẵn sàng góp ý khéo léo	40%
Đóng góp (làm bài tập+nhập vai xử lý tình huống)	Không đóng góp	Hầu như không có đóng góp	Dưới 5% vào bài nhóm	5% đến dưới 10% bài nhóm	10% dưới 15% bài nhóm	15% đến dưới 20%	20% đến dưới 30%	30% đến dưới 40% bài nhóm	ảnh hưởng đến > 40% bài nhóm	40%
Tự học theo nhóm (ngoài giờ)	Không tham gia	Tham gia miễn cưỡng	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến	Thường xuyên đóng góp ý kiến, một số ý kiến có tác dụng tốt	Phát biểu ý kiến tích cực, phần lớn các đóng góp hiệu quả	Phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	5%

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA GIỮA KÌ (AM4)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0-4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Nội dung	Làm đúng dưới 30% bài kiểm tra	Làm đúng từ 30%-39% bài kiểm tra	Làm đúng từ 40%-49% bài kiểm tra	Làm đúng từ 50%-59% bài kiểm tra	Làm đúng từ 60%-69% bài kiểm tra	Làm đúng từ 70%-79% bài kiểm tra	Làm đúng từ 80%-84% bài kiểm tra	Làm đúng từ 85%-89% bài kiểm tra	Làm đúng từ 90%-100% bài kiểm tra	90%
Trình bày	Trình bày rất cầu thả, lộn xộn, không có bố cục rõ ràng, không rõ ý chính	Trình bày cầu thả, không có bố cục rõ ràng.	Trình bày chưa hợp lý. Không có bố cục rõ ràng,	Trình bày ở mức độ trung bình, Có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức độ trung bình khá, có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức khá, có bố cục tương đối phù hợp	Trình bày tốt, có bố cục hợp lý	Trình bày tốt, sạch đẹp, có bố cục rõ ràng, hợp lý	Trình bày sạch đẹp, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, logic, hợp lý	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022

của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ Tên tiếng Anh: INTERNATIONAL LABOR STANDARDS
2. Mã học phần	QTN310
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết, cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong

	tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu được các kiến thức chung về: bản chất, nội dung các công ước quốc tế cơ bản về lao động; Cách thức triển khai công ước quốc tế cơ bản về lao động; Hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc triển khai các công ước quốc tế cơ bản về lao động; Các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động. Có kiến thức thực tế sâu, rộng, tiên tiến về các công ước quốc tế cơ bản về lao động và vận dụng sáng tạo trong triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động trong điều kiện của Việt Nam	PLO1, PLO3	5/6
G2	Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu phục vụ cho việc thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động trong điều kiện của Việt Nam	PLO4	4/5
G3	Tự tin, linh hoạt, sáng tạo trong chuyên môn, có bản lĩnh, có ý thức nắm bắt sự thay đổi của Việt Nam để kịp thời đề xuất phương hướng và giải pháp tối ưu, hiệu	PLO6, PLO7, PLO8	4/5

	quả nhằm triển khai hiệu quả các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam Trách nhiệm, tiên phong, chuyên nghiệp, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong đánh giá thực trạng các khía cạnh liên quan đến triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở góc độ vĩ mô và vi mô nhằm đề xuất các giải pháp để triển khai có hiệu quả các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam bắt kịp với sự thay đổi của Việt Nam và môi trường xung quanh Có kỹ năng sử dụng được Ngoại ngữ bậc 3/6 phục vụ cho nghiên cứu, triển khai, báo cáo với các tổ chức có liên quan về thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam.		
--	---	--	--

9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CĐR của học phần và mức độ giảng dạy I,T,U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng

CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CĐR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu được các kiến thức chung về: bản chất, nội dung các công ước quốc tế cơ bản về lao động; Cách thức triển khai công ước quốc tế cơ bản về lao động; Hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc triển khai các công ước quốc tế cơ bản về lao động; Các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động.	PLO1	I, T
CLO2	Có kiến thức thực tế sâu, rộng, tiên tiến về các công ước quốc tế cơ bản về lao động và vận dụng sáng tạo trong triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động trong điều kiện của Việt Nam	PLO3	I, T, U
CLO3	Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu phục vụ cho việc	PLO4	I, T, U

	thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động trong điều kiện của Việt Nam		
CLO4	Tự tin, linh hoạt, sáng tạo trong chuyên môn, có bản lĩnh, có ý thức nắm bắt sự thay đổi của Việt Nam để kịp thời đề xuất phương hướng và giải pháp tối ưu, hiệu quả nhằm triển khai hiệu quả các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam	PLO6	I, T, U
CLO5	Trách nhiệm, tiên phong, chuyên nghiệp, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong đánh giá thực trạng các khía cạnh liên quan đến triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở góc độ vĩ mô và vi mô nhằm đề xuất các giải pháp để triển khai có hiệu quả các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam bắt kịp với sự thay đổi của Việt Nam và môi trường xung quanh Có kỹ năng sử dụng được ngoại ngữ bậc 3/6 phục vụ cho nghiên cứu, triển khai, báo cáo với các tổ chức có liên quan về thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam.	PLO7, PLO8	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức về công ước quốc tế cơ bản về lao động, triển khai công ước quốc tế cơ bản về lao động, hệ thống các tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc triển khai các công ước quốc tế cơ bản về lao động, các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động; Nội dung các công ước quốc tế cơ bản về lao động và một số tình huống thực tế vận dụng các công ước.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1 – 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ 1.1. Một số khái niệm	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị	AM1

	1.1.1. Khái niệm công ước quốc tế 1.1.2. Khái niệm công ước quốc tế trong lĩnh vực lao động 1.1.2. Khái niệm tiêu chuẩn lao động quốc tế 1.2. Các loại công ước quốc tế cơ bản của tổ chức lao động quốc tế (ILO) về lao động		bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến thức	
6 – 10 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (Tiếp) 1.3. Các phương thức thực thi công ước quốc tế cơ bản của của tổ chức lao động quốc tế (ILO) về lao động 1.4. Mối quan hệ giữa công ước quốc tế về lao động với pháp luật quốc gia	CLO1, CLO2, CLO3	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
11 – 15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (Tiếp) 1.5. Pháp luật quốc tế về việc thực thi công ước quốc tế về lao động 1.5.1. Các nguyên tắc thực thi các công ước quốc tế về lao động 1.5.2. Quy định về việc thực thi công ước quốc tế về lao động ở một số quốc gia 1.6. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả của việc triển khai các công ước quốc tế về lao động 1.6.1. Tiêu chí mức độ hài hòa giữa pháp luật quốc gia với công ước quốc tế 1.6.2. Tiêu chí về tổ chức triển khai công ước quốc tế 1.6.3. Tiêu chí về phương pháp triển khai thực hiện các công ước quốc tế về lao động 1.6.4. Tiêu chí về nâng cao nhận thức	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2

	của các chủ thể trong việc triển khai thực hiện các công ước quốc tế về lao động 1.6.5. Tiêu chí về thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội từ việc triển khai hiệu quả các công ước quốc tế về lao động 1.6.6. Mức độ thừa nhận và đánh giá việc triển khai các công ước quốc tế về lao động ở Việt Nam 1.7. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện các công ước quốc tế về lao động 1.7.1. Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật 1.7.2. Bộ máy triển khai thực hiện các công ước quốc tế về lao động 1.7.3. Các chủ thể liên quan đến việc thực hiện các công ước quốc tế về lao động 1.7.4. Nguồn kinh phí triển khai thực hiện các công ước quốc tế			
16 – 20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. NỘI DUNG CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ 2.1. Công ước 87 và 98 về tự do liên kết và thỏa ước lao động tập thể 2.1.1. Nội dung của Công ước số 87 (1948) về tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức 2.1.2. Nội dung của Công ước số 98 (1949) về quyền tổ chức và thương lượng tập thể 2.1.3. Những tình huống thực tế khi thực hiện công ước 87 và 98 2.2. Công ước 29 và 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức và bắt buộc 2.2.1. Nội dung của Công ước số 29 (1930) về Lao động Cưỡng bức 2.2.2. Nội dung của Công ước số 105 (1957) về Xóa bỏ Lao động Cưỡng	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Đạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2

	bức 2.2.3. Những tình huống thực tế khi thực hiện công ước 29 và 105			
21- 25 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. NỘI DUNG CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (Tiếp) 2.3. Công ước 138 và 182 về xóa bỏ lao động trẻ em 2.3.1. Nội dung của Công ước số 138 (1973) về Tuổi Lao động Tối thiểu 2.3.2. Nội dung của Công ước số 182 (1999) về các Hình thức Lao động Trẻ em Tội tệ nhất 2.3.3. Những tình huống thực tế khi thực hiện công ước 138 và 182	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
26 – 30 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. NỘI DUNG CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ (Tiếp) 2.4. Công ước 100 và 111 về xóa bỏ phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp 2.4.1. Nội dung của Công ước số 100 (1951) về Trả công Bình đẳng 2.4.2. Nội dung của Công ước số 111 (1958) về Chống Phân biệt đối xử (Việc làm và Nghề nghiệp) 2.4.3. Những tình huống thực tế khi thực hiện công ước 100 và 111	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
31 – 35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM 3.1. Thực trạng triển khai thực hiện một số công ước quốc tế cơ bản về	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị	AM1, AM2

	lao động 3.1.1. Thực trạng nội luật hóa các công ước quốc tế cơ bản về lao động vào pháp luật quốc gia 3.1.2. Thực trạng tổ chức triển khai các công ước quốc tế về lao động của Việt Nam 3.1.3. Thực trạng phương pháp triển khai thực hiện công ước quốc tế tại Việt Nam 3.1.4. Thực trạng sự thay đổi về nhận thức của các chủ thể trong việc thực hiện công ước quốc tế		bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	
36 – 40 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM (Tiếp) 3.2. Một số thách thức với Việt Nam khi thực hiện các công ước quốc tế cơ bản về lao động	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
41 – 45 (5 giờ TC)	Kiểm tra quá trình CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM (Tiếp) 3.3. Một số giải pháp nhằm triển khai hiệu quả một số công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam 3.2.1. Nội luật hóa các cam kết quốc tế về lao động và xã hội vào pháp luật quốc gia 3.2.2. Hoàn thiện pháp luật và bộ máy	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi	AM1, AM2, AM4

	tổ chức thực hiện có hiệu quả một số công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam 3.2.3. Nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong việc triển khai một số công ước quốc tế cơ bản về lao động ở Việt Nam 3.2.4. Nâng cao nhận thức của các chủ thể liên quan			chú lại những kiến thức	
Tổng cộng: 45 giờ tín chỉ					
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần		Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ (%)
	A1. Điểm quá trình (20%)		AM1: Chuyên cần	CLO4, CLO5	10%
			AM2/AM8: Đánh giá bài tập cá nhân/nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)		AM4: Bài kiểm tra viết	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)		AM7: Tiểu luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính		[1] Nguyễn Mạnh Cường, (2016). Sách “Tuyên bố năm 1998 và 8 công ước cơ bản của Tổ chức lao động quốc tế”. Nhà xuất bản Lao động Xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung		[2] Tiêu chuẩn lao động quốc tế: https://www.ilo.org/hanoi/Areasofwork/international-labour-standards		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung		Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên	
	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ		30	Học viên đọc trước nội dung “Tìm hiểu về Tuyên bố năm 1998” của tài liệu số [1] và Các tiêu chuẩn lao động cơ	

			bản ở tài liệu số [2].
	CHƯƠNG 2. NỘI DUNG CÁC TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ CƠ BẢN CỦA TỔ CHỨC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ	30	Học viên đọc trước nội dung các Công ước số: 87, 98, 29, 105, 138, 182, 100, 111 của tài liệu số [1] và Các tiêu chuẩn lao động cơ bản ở tài liệu số [2].
	CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ CƠ BẢN VỀ LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM	30	Học viên đọc trước nội dung “Tuyên bố của Tổ chức Lao động Quốc tế về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản trong Lao động và cơ chế theo dõi thực hiện” của tài liệu số [1]
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Hà Duy Hào	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Nguyễn Thị Hồng 77	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN TIÊU CHUẨN LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN (AM1)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5-6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	60%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%

RUBRIC ĐIỂM BÀI TẬP NHÓM (AM2)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5- 6,9)	Mức B/B+ (7,0- 8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung bài tập	Không làm bài tập Hoặc có làm nhưng sai trên 70%	Làm đủ và đúng từ 31% đến 54%	Làm đủ và đúng từ 55% đến 69%	Làm đủ và đúng từ 70 đến 84%	Làm đủ và đúng từ 85% đến 100%	50%
Trình bày bài tập	Không trình bày bài theo quy định	Chỉ trình bày được một phần đúng quy định	Trình bày đúng quy định	Trình bày đúng quy định, có minh hoạ cụ thể	Trình bày đúng quy định và có tính sáng tạo hợp lý	50%

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA GIỮA KÌ (AM4)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 –7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Nội dung	Làm đúng dưới 30% bài kiểm tra	Làm đúng từ 30%-39% bài kiểm tra	Làm đúng từ 40%-49% bài kiểm tra	Làm đúng từ 50%-59% bài kiểm tra	Làm đúng từ 60%-69% bài kiểm tra	Làm đúng từ 70%-79% bài kiểm tra	Làm đúng từ 80%-84% bài kiểm tra	Làm đúng từ 85%-89% bài kiểm tra	Làm đúng từ 90%-100% bài kiểm tra	90%
Trình bày	Trình bày rất cầu thả, lộn xộn, không có bố cục rõ ràng, không rõ ý chính	Trình bày cầu thả, không có bố cục rõ ràng.	Trình bày chưa hợp lý. Không có bố cục rõ ràng,	Trình bày ở mức độ trung bình, Có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức độ trung bình khá, có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức khá, có bố cục tương đối phù hợp	Trình bày tốt, có bố cục hợp lý	Trình bày tốt, sạch đẹp, có bố cục rõ ràng, hợp lý	Trình bày sạch đẹp, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, logic, hợp lý	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG QUỐC GIA

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG QUỐC GIA Tên tiếng Anh: NATIONAL INDUSTRIAL RELATIONS SYSTEM
2. Mã học phần	QTN311
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải, trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Học viên lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn học viên từng bước trả lời các câu hỏi. - Học theo tình huống (Case Study) - TLM9: Giảng viên đưa ra các tình huống, yêu cầu học viên phân tích tình huống, và tìm biện pháp giải quyết. Tình huống được thiết kế dựa trên từng khối khung kiến thức thuộc học phần. Thông qua tình huống, giảng viên giúp học viên vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống thực tế và luyện kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như trong tình huống. - Học nhóm (Teamwork Learning) - TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực

8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu được cấu trúc cơ bản của hệ thống quan hệ lao động trong một tổ chức và các nhân tố tác động lên hệ thống quan hệ lao động trong tổ chức. Hiểu rõ được đặc thù quan hệ lao động trong các loại tổ chức ở Việt Nam. Có thể phân tích và đánh giá được những điểm mạnh, điểm yếu của một hệ thống quan hệ lao động trong tổ chức. Hiểu được các cơ chế tương tác để duy trì quan hệ lao động hài hòa, ổn định và nắm được các quyền lợi cơ bản của người lao động trong tổ chức.	PLO3	4/6
G2	Có thể nghiên cứu, phân tích và viết được các báo cáo phân tích và đánh giá một hệ thống quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Có thể vận dụng được một cách sáng tạo và hệ thống những quy định pháp luật về quan hệ lao động. Thiết lập và vận hành được các kênh đối thoại, thương lượng và phòng ngừa, giải quyết tranh chấp lao động tại doanh nghiệp. Có kỹ năng đàm phán để ký kết hợp đồng lao động, tổ chức đàm phán để ký kết thỏa ước lao động tập thể. Có thể tham vấn, xây dựng nội quy lao động. Có khả năng kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật và tham mưu cho lãnh đạo những giải pháp cải thiện chuyên sâu trong lĩnh vực quan hệ lao động trong tổ chức.	PLO4, PLO5	4/5

G3	Tôn trọng pháp luật, phong cách làm việc chuyên nghiệp, dám làm, dám chịu (có bản lĩnh); có chí hướng và khả năng tự học tập, tự cập nhật, tự tích lũy kinh nghiệm.	PLO6 PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Đáp ứng PLO của CTĐT	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu được bản chất của quan hệ lao động trong tổ chức và các yếu tố cấu thành nên hệ thống quan hệ lao động trong một tổ chức. Đánh giá được các nhân tố tác động lên hệ thống quan hệ lao động trong tổ chức. Nắm được các cơ chế tương tác căn bản trong quan hệ lao động ở tổ chức và đánh giá được những nguy cơ có thể xảy ra đối với quan hệ lao động trong tổ chức nếu không được duy trì tốt. Hiểu được các quyền lợi cơ bản của người lao động trong tổ chức.	PLO3	I, T, U
CLO2	Hiểu rõ được vai trò của các chủ thể quan hệ lao động trong việc duy trì quan hệ lao động hài hòa, ổn định trong tổ chức. Phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu của từng chủ thể và hiểu được những điều kiện nào giúp được các chủ thể cải thiện năng lực và nâng cao hiệu quả hoạt động.	PLO3	I, T, U
CLO3	Phân tích, đánh giá hiện trạng quan hệ lao động trong các tổ chức. Phát hiện được những hạn chế trong hệ thống quan hệ lao động để tham mưu cho lãnh đạo những biện pháp giải quyết.	PLO4	T, U
CLO4	Thiết kế được các kênh đối thoại xã hội, tổ chức tốt thương lượng tập thể. Kiểm tra, giám sát vấn đề thực thi pháp luật lao động và các thỏa thuận đã ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.	PLO4, PLO5	I, T, U
CLO5	Sử dụng tốt các kỹ năng đối thoại xã hội, thương lượng,	PLO4	T, U

	giải quyết xung đột, giao tiếp, làm việc nhóm, tư duy phân tích vấn đề, phản biện, lập kế hoạch, quản lý thời gian trong việc tổ chức đối thoại, tiến hành thương lượng cá nhân hay tập thể và giải quyết những xung đột xảy ra trong quan hệ lao động.		
CLO6	Tự tin, linh hoạt, sáng tạo, chủ động thích nghi, có tinh thần chia sẻ, có bản lĩnh, định hướng, hướng dẫn người khác nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị nhân lực.	PLO6	T, U
CLO7	Trách nhiệm, tiên phong, chuyên nghiệp, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn bắt kịp với sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh.	PLO7	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức sau: Khái quát về QHLD trong tổ chức; Công đoàn trong tổ chức; Tổ chức đối thoại trong QHLD; Thương lượng trong QHLD; Nội quy và chấp hành kỷ luật lao động; Một số quyền lợi cơ bản của người lao động; Xung đột và tranh chấp lao động.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG QUỐC GIA 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Khái niệm Quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường 1.1.2. Thiết chế Quan hệ lao động 1.1.3. Cơ chế Quan hệ lao động 1.1.4. Xây dựng và điều chỉnh thiết chế, cơ chế về QHLD 1.2. Các đặc trưng cơ bản của quan hệ	CLO1 CLO3	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Nghe giảng, nghiên cứu trả lời câu hỏi	AM1

	<i>lao động ở Việt Nam</i>			
6-10 (5 giờ TC)	<i>1.3. Các tiêu chuẩn hệ thống quan hệ lao động quốc tế</i> 1.3.1. ILO và các công ước quốc tế cơ bản 1.3.2. Các tiêu chuẩn hệ thống quan hệ lao động quốc tế khác <i>1.4. Những thách thức mới về quan hệ lao động</i> 1.4.1. Hội nhập quốc tế 1.4.2. Các hiệp định thương mại tự do 1.4.3. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài 1.4.4. Phê chuẩn các công ước quốc tế về lao động 1.4.5. Yêu cầu đổi mới và hoàn thiện hệ thống quan hệ lao động	CLO1 CLO3	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Nghe giảng, nghiên cứu trả lời câu hỏi	AM1
11-15 (5 giờ TC)	<i>1.5. Lịch sử hình thành và phát triển hệ thống quan hệ lao động</i> 1.5.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển hệ thống quan hệ lao động 1.5.2. Đặc điểm hệ thống quan hệ lao động ở một số quốc gia và những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	CLO1 CLO3	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 TLM10 Học: Nghe giảng, nghiên cứu trả lời câu hỏi	AM1
16-20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. KHUÔN KHỔ LUẬT PHÁP VÀ CHỦ THỂ TRONG HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG <i>2.1. Khái quát về luật pháp quan hệ lao động của Việt Nam</i> 2.1.1. Quan điểm chỉ đạo của Đảng về quan hệ lao động 2.1.2. Hệ thống pháp luật về quan hệ lao động	CLO1 CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM10 Học: Nghe giảng, nghiên cứu trả lời câu hỏi	AM1

	2.2. Người lao động và tổ chức đại diện người lao động 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Đặc điểm người lao động và tổ chức đại diện trong hệ thống quan hệ lao động 2.2.3. Sự liên kết và tổ chức của người lao động 2.2.4. Quyền tổ chức của người lao động và vai trò của Công đoàn Việt Nam 2.2.5. Cấu trúc hệ thống Công đoàn Việt Nam			
21-25 (5 giờ TC)	2.3. Người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người sử dụng lao động 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Đặc điểm Người sử dụng lao động và Tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong hệ thống quan hệ lao động 2.3.3. Sự liên kết và hình thành các Tổ chức đại diện người sử dụng lao động 2.3.4. Các tổ chức đại diện chính thức của người sử dụng lao động trong quan hệ lao động	CLO1 CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 TLM10 Học: Nghe giảng, nghiên cứu trả lời câu hỏi	AM1 AM2
26-27 (2 giờ TC)	2.4. Tương tác giữa các chủ thể trong quan hệ lao động 2.4.1. Tương tác ba bên trong quan hệ lao động 2.4.2. Tương tác giữa người lao động, tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động và tổ chức đại diện người sử dụng lao động.	CLO1 CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Nghe giảng, nghiên cứu trả lời câu hỏi	AM1
28-32 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3. MỘT SỐ THIẾT CHẾ, CƠ CHẾ VÀ HÌNH THỨC TƯƠNG	CLO1 CLO3	Dạy:	AM1 AM4

	TÁC TRONG HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG 3.1. Thiết chế và cơ chế trong hệ thống quan hệ lao động của Việt Nam 3.1.1. Thiết chế quan hệ lao động 3.1.2. Cơ chế quan hệ lao động của Việt Nam 3.2. Đối thoại xã hội trong hệ thống quan hệ lao động 3.2.1. Bản chất của đối thoại xã hội trong hệ thống quan hệ lao động 3.2.2. Các hình thức đối thoại xã hội trong hệ thống quan hệ lao động 3.2.3. Thực tiễn đối thoại xã hội trong hệ thống quan hệ lao động ở Việt Nam	CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	TLM1, TLM2 TLM10 Học: Nghe giảng	
33 - 37 (5 giờ TC)	3.3. Thương lượng trong hệ thống quan hệ lao động 3.3.1. Bản chất của thương lượng trong hệ thống quan hệ lao động 3.3.2. Các điều kiện và nguyên tắc để thương lượng hiệu quả 3.3.3. Thực tiễn thương lượng trong hệ thống quan hệ lao động ở Việt Nam	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2 TLM10 Học: Nghe giảng	AM1
38 - 42 (5 giờ TC)	3.4. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công trong hệ thống quan hệ lao động 3.4.1. Khái niệm và đặc điểm tranh chấp lao động và đình công 3.4.2. Quy trình giải quyết tranh chấp lao động và đình công 3.4.3. Thực tiễn giải quyết tranh chấp lao động và đình công ở Việt Nam 3.5. Tiêu chuẩn lao động tác động đến quan hệ lao động	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2 Học: Nghe giảng	AM1 AM2

	3.5.1. Về tiền lương 3.5.2. Về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 3.5.3. Về an toàn, vệ sinh lao động 3.5.4. Tiêu chuẩn về phúc lợi và an sinh xã hội			
43 – 45 (3 giờ TC)	3.6. Các yếu tố khác tác động đến quan hệ lao động	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Dạy: TLM1, TLM2 Học: Nghe giảng	AM1
Tổng cộng: 45 giờ tín chỉ				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CDR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO6 CLO7	10%
		AM2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4/AM5	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Phạm Ngọc Thành (2018). <i>Bài giảng Quan hệ lao động</i> . Trường Đại học Lao động – Xã hội. [2] Nguyễn Thị Minh Nhân (2014). <i>Giáo trình Quan hệ lao động</i> . NXB. Thống Kê.		
	Tài liệu tham khảo/bổ	[3] Nguyễn Duy Phúc (2012). <i>Các Nguyên lý Quan</i>		

	sung	<i>hệ lao động</i> . Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. [4] Nguyễn Duy Phúc (2019). <i>Thực hiện cam kết quốc tế về Quan hệ lao động</i> . Nhà xuất bản Lao động.		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung		Giờ TC	Hoạt động của học viên
	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG QUỐC GIA		30	Học viên đọc trước nội dung Tài liệu số [1], đọc chương 1 Tài liệu số [2] [3]
	CHƯƠNG 2. KHUÔN KHỔ LUẬT PHÁP VÀ CHỦ THỂ TRONG HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG		30	Học viên đọc trước nội dung Tài liệu số [1], [2], [3]
	CHƯƠNG 3. MỘT SỐ THIẾT CHẾ, CƠ CHẾ VÀ HÌNH THỨC TƯƠNG TÁC TRONG HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG		30	Học viên đọc trước nội dung Tài liệu số [1], [2], [4]
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị		Chuyên môn
	Cần Hữu Dạn	Tiến sĩ		Quản trị nhân lực
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ		Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN HỆ THỐNG QUAN HỆ LAO ĐỘNG QUỐC GIA

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0-4,9)	Mức D+ (5,0 – 5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 –7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	60%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%

RUBRIC ĐIỂM BÀI TẬP NHÓM (AM2)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung bài tập	Không làm bài tập Hoặc có làm nhưng sai trên 70%	Làm đủ và đúng từ 31% đến 54%	Làm đủ và đúng từ 55% đến 69%	Làm đủ và đúng từ 70 đến 84%	Làm đủ và đúng từ 85% đến 100%	50%
Trình bày bài tập	Không trình bày bài theo quy định	Chỉ trình bày được một phần đúng quy định	Trình bày đúng quy định	Trình bày đúng quy định, có minh họa cụ thể	Trình bày đúng quy định và có tính sáng tạo hợp lý	50%

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA GIỮA KÌ (AM4)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0-4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Nội dung	Làm đúng dưới 30% bài kiểm tra	Làm đúng từ 30%-39% bài kiểm tra	Làm đúng từ 40%-49% bài kiểm tra	Làm đúng từ 50%-59% bài kiểm tra	Làm đúng từ 60%-69% bài kiểm tra	Làm đúng từ 70%-79% bài kiểm tra	Làm đúng từ 80%-84% bài kiểm tra	Làm đúng từ 85%-89% bài kiểm tra	Làm đúng từ 90%-100% bài kiểm tra	90%
Trình bày	Trình bày rất cầu thả, lộn xộn, không có bố cục rõ ràng, không rõ ý chính	Trình bày cầu thả, không có bố cục rõ ràng.	Trình bày chưa hợp lý. Không có bố cục rõ ràng,	Trình bày ở mức độ trung bình, Có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức độ trung bình khá, có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức khá, có bố cục tương đối phù hợp	Trình bày tốt, có bố cục hợp lý	Trình bày tốt, sạch đẹp, có bố cục rõ ràng, hợp lý	Trình bày sạch đẹp, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, logic, hợp lý	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC

*(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC Tên tiếng Anh: HUMAN RESOURCE PLANNING
2. Mã học phần	QTN312
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết, cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông

	qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần		Khoa Quản lý nguồn nhân lực	
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu được các kiến thức chung về: bản chất, điều kiện, nguyên tắc, phương pháp, quy trình định biên nhân lực trong tổ chức. Có kiến thức thực tế sâu, rộng, tiên tiến phục vụ cho hoạch định chiến lược về nguồn nhân lực và vận dụng sáng tạo trong triển khai các nghiệp vụ để định biên nhân lực trong tổ chức	PLO1, PLO3	5/6
G2	Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu phục vụ cho việc triển khai các bước định biên nhân lực trong tổ chức; Đề xuất sáng kiến dựa trên kiến thức về các công cụ và kỹ thuật liên quan đến định biên nhân lực trong tổ chức để tối ưu hóa chi phí nhân lực và nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực.	PLO4	4/5
G3	Tự tin, linh hoạt, sáng tạo trong chuyên môn định biên nhân lực, chủ động thích nghi, có tinh thần chia sẻ, có bản lĩnh, định hướng, hướng dẫn	PLO6, PLO7	4/5

	đồng nghiệp nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn định biên nhân lực. Trách nhiệm, tiên phong, chuyên nghiệp, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn định biên nhân lực bắt kịp với sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh		
9. Chuẩn đầu ra của học phần: các mục tiêu hay CDR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U; Mô tả CDR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Hiểu được các kiến thức chung về: bản chất, điều kiện, nguyên tắc, phương pháp, quy trình định biên nhân lực trong tổ chức.	PLO1	I, T, U
CLO2	Có kiến thức thực tế sâu, rộng, tiên tiến phục vụ cho hoạch định chính sách lao động, hoạch định chiến lược về quản lý nguồn nhân lực và vận dụng sáng tạo trong triển khai các nghiệp vụ định biên nhân lực trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.	PLO3	I, T, U
CLO3	Có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu phục vụ cho việc triển khai các bước định biên nhân lực trong tổ chức; Đề xuất sáng kiến dựa trên kiến thức về các công cụ và kỹ thuật liên quan đến định biên nhân lực trong tổ chức để tối ưu hóa chi phí nhân lực và nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực.	PLO4	I, T, U

CLO4	Tự tin, linh hoạt, sáng tạo trong chuyên môn định biên nhân lực, chủ động thích nghi, có tinh thần chia sẻ, có bản lĩnh, định hướng, hướng dẫn đồng nghiệp nhằm đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn định biên nhân lực.	PLO6	I, T, U
CLO5	Trách nhiệm, tiên phong, chuyên nghiệp, chủ động và tự chịu trách nhiệm trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn định biên nhân lực bắt kịp với sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh	PLO7	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp kiến thức về lý luận, pháp lý, phương pháp và quy trình để định biên nhân lực trong tổ chức. Nội dung học phần tập trung vào các nội dung chính sau: khái niệm, vai trò, các điều kiện, nguyên tắc và nội dung cơ bản của định biên nhân lực trong tổ chức; Trên cơ sở quy định pháp lý, khoa học về quản lý và khoa học quản lý lao động, đề xuất các phương pháp, quy trình để định biên nhân lực cho các chức danh công việc trong các tổ chức.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ tín chỉ	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1 – 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC 1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.1. Hoạch định nhân lực 1.1.2. Hoạch định nguồn nhân lực chiến lược	CLO1, CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến	AM1

	(Strategic HR Planning) 1.1.3. Định biên nhân lực (Human resource planning) 1.2. Vai trò của định biên nhân lực trong tổ chức 1.2.1. Đối với tổ chức 1.2.2. Đối với người lao động trong tổ chức		thức	
6 – 10 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC (Tiếp) 1.3. Các điều kiện và nguyên tắc cơ bản để định biên nhân lực trong tổ chức 1.3.1. Các điều kiện để định biên nhân lực trong tổ chức 1.3.2. Các nguyên tắc cơ bản để định biên nhân lực trong tổ chức	CLO1, CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
11 – 15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC (Tiếp) 1.4. Nội dung của định biên nhân lực trong tổ chức 1.4.1. Định biên nhân lực 1.4.2. Áp dụng thử - điều chỉnh (nếu có) 1.4.3. Xét duyệt và ban hành tiêu chuẩn định biên 1.4.4. Sử dụng tiêu chuẩn định biên trong hoạch định, tuyển dụng, sử dụng nhân lực trong tổ chức 1.4.5. Quản lý mức định	CLO1, CLO2	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2

	biên 1.4.6. Sửa đổi hoặc xây dựng mới mức định biên			
16 – 20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CƠ SỞ ĐỂ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC 2.1. Thiết kế bộ máy tổ chức và áp dụng vào định biên 2.1.1. Bản chất của thiết kế cấu trúc bộ máy tổ chức 2.1.2. Các yêu cầu và nguyên tắc của thiết kế bộ máy tổ chức 2.1.3. Nội dung của thiết kế bộ máy tổ chức 2.1.4. Quy trình thiết kế mới và thiết kế lại bộ máy tổ chức	CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
21- 25 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CƠ SỞ ĐỂ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC (Tiếp) 2.2. Thiết kế công việc áp dụng vào định biên 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nội dung của thiết kế công việc 2.1.3. Các phương pháp thiết kế và thiết kế lại công việc 2.3. Xây dựng, chuẩn hóa bản mô tả công việc cho các chức danh công việc và áp dụng vào định biên 2.3.1. Khái niệm, nội	CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2

	dung, yêu cầu của bản mô tả công việc 2.3.2. Quy trình xây dựng và chuẩn hóa bản mô tả công việc			
26 – 30 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: CÁC CƠ SỞ ĐỂ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC (Tiếp) 2.4. Hoạch định quỹ thời gian làm việc để định biên nhân lực trong tổ chức 2.4.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định thời gian làm việc 2.4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định thời gian làm việc 2.4.3. Nội dung và quy trình của hoạch định thời gian làm việc	CLO2, CLO3, CLO4	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
31 – 35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC 3.1. Các phương pháp cơ bản dùng để định biên nhân lực trong tổ chức 3.1.1. Phương pháp “Thử sai”. 3.1.2. Phương pháp thiết kế công việc. 3.1.3. Phương pháp sử dụng các định mức chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành	CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2

	3.1.4. Phương pháp sử dụng sơ đồ bộ máy tổ chức và phân mảng công việc. 3.1.5. Phương pháp khảo sát thời gian làm việc			
36 – 40 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC (Tiếp) 3.2. Quy trình chung để định biên nhân lực trong tổ chức 3.2.1. Thu thập và nghiên cứu các tài liệu cần thiết 3.2.2. Xác định cứng những yếu tố cơ sở của định biên nhân lực cho từng vị trí chức danh công việc 3.2.3. Phân tích, liệt kê và chốt từng đầu nhiệm vụ cụ thể của các chức danh công việc cần định biên 3.2.4. Xây dựng phương án điều tra khảo sát thu thập thông tin để định biên 3.2.5. Triển khai điều tra khảo sát và xử lý thông tin khảo sát	CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	AM1, AM2
41 – 45 (5 giờ TC)	Kiểm tra quá trình CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC (Tiếp) 3.2.6. Phân tích và xác định quỹ thời gian làm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM10, TLM15 Học: Chuẩn bị bài tập ở nhà, Nghe giảng,	AM1, AM2, AM5

	việc tiêu chuẩn bình quân có thể tham gia thực hiện công việc của một người trong một kỳ 3.2.7. Dự tính mức định biên cho từng chức danh công việc trong từng bộ phận của tổ chức 3.2.8. Rà soát, xác định nhiệm vụ và hoàn chỉnh định biên lao động 3.2.9. Thẩm tra lấy ý kiến và hoàn thiện định biên lao động 3.2.10. Giải trình giải pháp áp dụng mức và dự tính hiệu quả sau triển khai áp dụng		trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, ghi chú lại những kiến thức	
Tổng cộng: 45 giờ tín chỉ				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CDR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO4, CLO5	10%
		AM2, AM9	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM5	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM7	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4 CLO5	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Nguyễn Tiệp, (2007). <i>Giáo trình Định mức lao động tập 1</i>. NXB Lao động - Xã hội. [2] Lê Thanh Hà, Nguyễn Thị Hồng, (2012). <i>Bài tập Định mức lao động</i>. NXB Lao động - Xã hội. [3] Hà Duy Hào (Chủ biên), (2018). <i>Bài giảng Tổ chức bộ máy và Phân tích công việc</i>. NXB Lao động - Xã hội. [4] Đoàn Thị Yến, (2019). <i>Giáo trình Hoạch định nhân lực</i>. NXB Lao động - Xã hội		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[5] Bộ Luật lao động năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành [6] Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao		

		động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.	
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên
	CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 2 của tài liệu số [1] và Chương 1 tài liệu số [2]. Học viên nghiên cứu trước nội dung Chương VI, Chương VII tài liệu số [5], [6]
	CHƯƠNG 2: CÁC CƠ SỞ ĐỂ ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 2, 3, 4 của tài liệu số [3] và Chương 2 tài liệu số [4].
	CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC TRONG TỔ CHỨC	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 3, 4 của tài liệu số [1] và chương 4, 5 tài liệu số [2].
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Hà Duy Hào	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đinh Thị Trâm	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN ĐỊNH BIÊN NHÂN LỰC

RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN (AM1)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5-6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	60%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	40%

RUBRIC ĐIỂM BÀI TẬP NHÓM (AM2)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5- 6,9)	Mức B/B+ (7,0- 8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung bài tập	Không làm bài tập Hoặc có làm nhưng sai trên 70%	Làm đủ và đúng từ 31% đến 54%	Làm đủ và đúng từ 55% đến 69%	Làm đủ và đúng từ 70 đến 84%	Làm đủ và đúng từ 85% đến 100%	50%
Trình bày bài tập	Không trình bày bài theo quy định	Chỉ trình bày được một phần đúng quy định	Trình bày đúng quy định	Trình bày đúng quy định, có minh hoạ cụ thể	Trình bày đúng quy định và có tính sáng tạo hợp lý	50%

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KIỂM TRA GIỮA KÌ (AM4)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 –7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Nội dung	Làm đúng dưới 30% bài kiểm tra	Làm đúng từ 30%-39% bài kiểm tra	Làm đúng từ 40%-49% bài kiểm tra	Làm đúng từ 50%-59% bài kiểm tra	Làm đúng từ 60%-69% bài kiểm tra	Làm đúng từ 70%-79% bài kiểm tra	Làm đúng từ 80%-84% bài kiểm tra	Làm đúng từ 85%-89% bài kiểm tra	Làm đúng từ 90%-100% bài kiểm tra	90%
Trình bày	Trình bày rất cầu thả, lộn xộn, không có bố cục rõ ràng, không rõ ý chính	Trình bày cầu thả, không có bố cục rõ ràng.	Trình bày chưa hợp lý. Không có bố cục rõ ràng,	Trình bày ở mức độ trung bình, Có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức độ trung bình khá, có bố cục nhưng chưa rõ ràng	Trình bày ở mức khá, có bố cục tương đối phù hợp	Trình bày tốt, có bố cục hợp lý	Trình bày tốt, sạch đẹp, có bố cục rõ ràng, hợp lý	Trình bày sạch đẹp, dễ nhìn, bố cục rõ ràng, logic, hợp lý	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG Tên tiếng Anh: SALARY POLICY PLANNING
2. Mã học phần	QTN313
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên thuyết trình, diễn giải trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Người học lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn người học từng bước trả lời các câu hỏi. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - trải nghiệm trong đó người học hoạt động theo nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập tình huống) do giảng viên giao. Phương pháp này vừa giúp người học rèn kỹ năng tổ chức làm việc nhóm và làm việc theo nhóm, luyện kỹ năng nghe và phát triển quan điểm cá nhân trong quan điểm nhóm, ra quyết định theo nhóm, giải quyết các vấn đề chuyên môn theo nhóm và phát triển kỹ năng tư duy hệ thống. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong tiến trình dạy và

	học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu được những kiến thức tổng hợp và nâng cao về chính sách tiền lương và hoạch định chính sách tiền lương trong doanh nghiệp và khu vực công.	PLO3	4/6
G2	- Phân tích, đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định chính sách tiền lương. - Xây dựng được mục tiêu của chính sách tiền lương - Phân tích được nguồn lực thực hiện chính sách tiền lương - Hoạch định chính sách tiền lương cho doanh nghiệp và khu vực công.	PLO4	4/5
G3	Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạch định chính sách tiền lương trong doanh nghiệp cũng như với khu vực công.	PLO6, PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần: các mục tiêu hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I,T,U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	CĐR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)

			U)
CLO1	Nắm vững được khái niệm, nội dung, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng chính sách tiền lương và hoạch định chính sách tiền lương	PLO3	I, T
CLO2	Xác định được mục tiêu hoạch định chính sách tiền lương trong doanh nghiệp và khu vực công; phân tích được các nguồn lực và mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định chính sách tiền lương	PLO3, PLO4	I, T
CLO3	Hoạch định được chính sách tiền lương cho doanh nghiệp	PLO3, PLO4	I, T, U
CLO4	Hoạch định được chính sách tiền lương cho khu vực công		
CLO5	Đánh giá được hiệu quả hoạch định chính sách tiền lương	PLO3, PLO4	I, T, U
CLO6	Chủ động nghiên cứu tài liệu và tham gia nghe giảng trên lớp đầy đủ; Tích cực tìm hiểu kiến thức thực tiễn.	PLO6, PLO7	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Hoạch định chính sách tiền lương nghiên cứu mục tiêu, quy trình, phương pháp hoạch định chính sách tiền lương của doanh nghiệp và khu vực công với mục tiêu chính sách tiền lương giai đoạn tới đạt hiệu quả cao, phù hợp với bối cảnh thực tế của doanh nghiệp, quốc gia và thế giới

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Giờ tín chỉ	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1 – 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG 1.1. Các khái niệm 1.1.1. Chính sách tiền lương 1.1.2. Hoạch định chính sách tiền lương 1.2. Nội dung học phần hoạch định chính sách tiền lương 1.2.1. Hoạch định chính sách tiền lương trong doanh nghiệp 1.2.2. Hoạch định chính sách tiền	CLO1, CLO6	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi	AM1

	lương khu vực công			
6 – 10 (5 giờ TC)	1.3. Vai trò của hoạch định chính sách tiền lương 1.3.1. Đối với nhà nước 1.3.2. Đối với doanh nghiệp 1.4. Công cụ hoạch định chính sách tiền lương	CLO1, CLO6	Dạy: TLM1, TLM2, TLM7 Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm	AM1, AM3
11 – 15 (5 giờ TC)	1.5. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định chính sách tiền lương 1.5.1. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định chính sách tiền lương trong doanh nghiệp 1.5.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định chính sách tiền lương khu vực công	CLO1, CLO6	Dạy: TLM1, TLM2, TLM7 Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm	AM1, AM3
16 – 20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP 2.1. Xây dựng mục tiêu của chính sách tiền lương 2.2. Phân tích nguồn lực và nhân tố ảnh hưởng 2.2.1. Phân tích nguồn lực 2.2.2. Phân tích nhân tố ảnh hưởng	CLO2, CLO6	Dạy: TLM2, TLM4, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
21- 25 (5 giờ TC)	2.3. Hoạch định chính sách tiền lương 2.3.1. Phân tích hiện trạng chính sách tiền lương 2.3.2. Hoạch định nguồn trả lương	CLO3, CLO6	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 Học: Trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
26 – 30 (5 giờ TC)	2.3.2. Phân nhóm lao động 2.3.3. Hoạch định phương pháp	CLO3, CLO5,	Dạy: TLM4, TLM7,	AM1, AM3

	trả lương 2.3.4. Đánh giá hiệu quả hoạch định	CLO6	TLM8 Học: Trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	
31 – 35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG KHU VỰC CÔNG 3.1. Xây dựng mục tiêu của chính sách tiền lương khu vực công 3.2. Phân tích nguồn lực, nhân tố ảnh hưởng 3.2.1. Phân tích nguồn lực 3.2.2. Phân tích nhân tố ảnh hưởng	CLO2, CLO6	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 Học: Trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
36 – 40 (5 giờ TC)	3.3. Phân tích hiện trạng chính sách tiền lương 3.4. Hoạch định chính sách tiền lương 3.3.1. Nguồn trả lương 3.3.2. Cơ sở và điều kiện để hoạch định chính sách tiền lương 3.3.3. Hoạch định phương pháp trả lương	CLO2, CLO3, CLO6	Dạy: TLM4, TLM7, TLM8 Học: Trả lời câu hỏi, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
41 – 45 (5 giờ TC)	Kiểm tra quá trình 3.3.4. Đánh giá kết quả hoạch định	CLO5, CLO6	Dạy: TLM4, TLM8 Học: Trả lời câu hỏi, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3, AM4
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR học phần (CLOs)	Tỷ lệ
		AM1	CLO6	10%
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM3	CLO1, CLO2, CLO3,	10%

			CLO4, CLO5	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4/AM7	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Đỗ Thị Tươi (2022). <i>Giáo trình Hoạch định chính sách tiền lương</i>. Trường Đại học Lao động - Xã hội. [2] Đỗ Thị Tươi (2015). <i>Phương pháp trả công lao động theo cơ chế thị trường</i>. Sách chuyên khảo. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	[3] Đỗ Thị Tươi (2021). <i>Giáo trình Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp</i>. Nhà xuất bản Lao động. [4] Đoàn Thị Yến (2019). <i>Quản lý nhà nước về tiền lương trong doanh nghiệp</i>. Nhà xuất bản Thế giới. [5] Các văn bản pháp luật về tiền lương của Nhà nước, các văn bản tiền lương của các doanh nghiệp.		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Giờ TC	Hoạt động của học viên	
	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG	30	Người học đọc trước nội dung chương 1 của tài liệu [1]; chương 1, chương 3, chương 5 của tài liệu số [3]; chương 1 tài liệu số [4].	
	CHƯƠNG 2. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP	30	Người học đọc trước nội dung chương 2 của tài liệu [1]; chương 1 và chương 2,3 của tài liệu số [2], chương 3 tài liệu số	

			[3].
	CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG KHU VỰC CÔNG	30	Người học đọc trước nội dung Chương 3 tài liệu [1]; chương 4 của tài liệu số [2]; chương 4 tài liệu số [3]; chương 1 và 3 tài liệu số [4]; tìm hiểu, tham khảo tài liệu số tài liệu số [5].
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đoàn Thị Yến	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Trần Thị Minh Phương	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Hồng 88	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1) (CLO6)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	50%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH (AM3) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5)						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung ít phù hợp với yêu cầu, số liệu, thông tin và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, giải thích chưa rõ ràng, thiếu thông tin, số liệu minh họa	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, trích dẫn đầy đủ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, phong phú, trích dẫn rõ ràng	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ ý, không đẹp, thiếu logic	Slide trình bày đủ ý nhưng không logic	Slide trình bày đủ ý, logic nhưng chưa đẹp, thiếu thành thạo	Slide trình bày đủ ý, logic, thể hiện sự thành thạo trong trình bày nhưng chưa đẹp	Slide trình bày đủ ý, logic, đẹp; thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, khó hiểu, vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày dễ hiểu nhưng vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, đúng thời gian quy định nhưng thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn dễ hiểu, đúng thời gian quy định; tương tác tốt với người nghe.	Trình bày thuyết phục, thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe, thời gian trình bày đúng quy định	25%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Tên tiếng Anh: HUMAN RESOURCE PLANNING IN THE DIGITAL TRANSFORMATION
2. Mã học phần	QTN314
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng; - Thuyết giảng (Lecture) - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải: Trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Người học lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt; - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn người học từng bước trả lời các câu hỏi. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những

	kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Trang bị những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, sự thay đổi nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số, hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh tổ chức chuyển đổi số. Đồng thời học viên còn được tăng cường năng lực tư duy, tầm nhìn chiến lược về nguồn nhân lực của tổ chức.	PLO3	4/6
G2	Học viên được rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số; kỹ năng phân tích các ảnh hưởng/ tác động của chuyển đổi số đến yêu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực (cũng như nguồn nhân lực số); kỹ năng hoạch định cung, cầu về nguồn nhân lực trong bối cảnh tổ chức chuyển đổi số.	PLO3, PLO4	4/5
G3	Học viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của hoạch định nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số. Từ đó, nâng cao kỹ năng, trách nhiệm trong công tác hoạch định nhân lực cho tổ chức.	PLO6, PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần: các mục tiêu hay CDR của môn học và mức độ giảng			

dạy I,T,U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng				
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	CĐR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)	
CLO1	Nắm vững được khái niệm, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của chuyển đổi số và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số.	PLO3	I, T	
CLO2	Làm rõ được khung kỹ năng, khung kỹ năng số của nguồn nhân lực, đặc trưng của nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số.	PLO3 PLO4	I, T	
CLO3	Triển khai được các nội dung, quy trình của hoạch định cung, cầu và cân đối cung cầu nhân lực trong bối cảnh trong bối cảnh chuyển đổi số.	PLO3, PLO4	I, T, U	
CLO4	Phân tích, đánh giá được hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số	PLO3, PLO4	I, T, U	
CLO5	Đưa ra giải pháp nhằm đáp ứng cầu nhân lực và cầu nhân lực kỹ năng số.	PLO6	I, T, U	
CLO6	Chủ động nghiên cứu học liệu và tham gia nghe giảng trên lớp đầy đủ; Tích cực tìm hiểu kiến thức thực tế.	PLO7	I, U	
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số gồm các nội dung: Tổng quan về chuyển đổi số; Tổng quan hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số; Hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số.				
11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy LÝ THUYẾT:				
Giờ TC	Nội dung	CĐR Học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1 – 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ 1.1. Bối cảnh chuyển đổi số 1.1.1. Mục tiêu chuyển đổi số	CLO1 CLO6	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Nghe giảng, trả lời	AM1

	1.1.2. Nhiệm vụ chuyển đổi số		câu hỏi	
6 – 10 (5 giờ TC)	1.2. Đặc trưng, yêu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số 1.2.1. Đặc trưng nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số 1.2.2. Yêu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số	CLO1, CLO6	Dạy: TLM2, TLM7 Học: Trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm	AM1, AM3
11 – 15 (5 giờ TC)	1.3. Khung kỹ năng, khung kỹ năng số của nguồn nhân lực CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN HOẠCH ĐỊNH NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ 2.1. Khái niệm, vai trò của hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số 2.1.1. Khái niệm	CLO1 CLO2, CLO6	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
16 – 20 (5 giờ TC)	2.1.2. Vai trò của hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số 2.2. Nhân tố ảnh hưởng đến hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số 2.2.1. Nhóm nhân tố vĩ mô	CLO1 CLO2, CLO6	Dạy: TLM1, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
21 – 25 (5 giờ TC)	2.2.2. Nhóm nhân tố vĩ mô 2.3. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số	CLO1 CLO3 CLO6	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
26 – 30 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH	CLO3 CLO4	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8	AM1

	NGUỒN NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ 3.1. Hoạch định cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh tổ chức chuyển đổi số 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Quy trình hoạch định cầu 3.2. Hoạch định cung nguồn nhân lực bối cảnh tổ chức chuyển đổi số 3.2.1. Khái niệm	CLO6	Học: Nghe, thảo luận nhóm để tìm cách giải quyết vấn đề	
31 – 35 (5 giờ TC)	3.2.2. Quy trình hoạch định cung 3.3. Cân đối cung cầu nhân lực trong bối cảnh tổ chức chuyển đổi số	CLO2 CLO3 CLO6	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
36 – 40 (5 giờ TC)	3.4. Giải pháp nhằm đáp ứng cầu nhân lực bối cảnh tổ chức chuyển đổi số 3.4.1. Các giải pháp nhằm đáp ứng cầu nhân lực	CLO4, CLO5 CLO6	Dạy: TLM1, TLM8, TLM11 Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết vấn đề, làm bài tập ở nhà	AM1, AM3, AM4
41 – 45 (5 giờ TC)	3.4.2. Các giải pháp nhằm đáp ứng cầu nhân lực kỹ năng số	CLO4, CLO5 CLO6	Dạy: TLM1, TLM8, TLM15 Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết	AM1, AM3

			vấn đề, làm bài tập ở nhà	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO6	10%
		AM3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Đoàn Thị Yến , (2019). <i>Giáo trình Hoạch định nhân lực</i> . NXB Lao động - Xã hội [2] Đoàn Thị Yến (2021). <i>Phát triển lực lượng lao động kỹ năng số đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số Quốc gia</i> , Đề tài cấp Bộ BLĐTBXH		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3] Trần Xuân Cầu , (2012). <i>Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của người học	
	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ	25	Người học đọc trước nội dung chương 1 của tài liệu số 1, chương 1 tài liệu số 2 và chương 1 tài liệu số 3.	
	CHƯƠNG 2. TỔNG QUAN HOẠCH ĐỊNH NHÂN LỰC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ	30	Người học đọc trước nội dung chương 1,2 của tài liệu số 1, chương 1 tài liệu số 2 và chương 2,4 tài liệu số 3	
	CHƯƠNG 3. HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC TRONG	35	Người học đọc trước nội dung chương 1,2 của tài liệu số 1, chương 2,3 tài	

	BỒI CẢNH CHUYÊN ĐỔI SỐ		liệu số 2 và chương 2,3 tài liệu số 3
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đoàn Thị Yến	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Trần Thị Minh Phương	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Hồng 88	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN HOẠCH ĐỊNH NGUỒN NHÂN LỰC
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ**

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1) (CLO5)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%- 39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%- 49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%- 59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%- 69%) số tiết	Đi học chuyên cần (70%- 79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%- 89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	50%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH (AM3) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4)						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung ít phù hợp với yêu cầu, số liệu, thông tin và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, giải thích chưa rõ ràng, thiếu thông tin, số liệu minh họa	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, trích dẫn đầy đủ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, phong phú, trích dẫn rõ ràng	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ ý, không đẹp, thiếu logic	Slide trình bày đủ ý nhưng không logic	Slide trình bày đủ ý, logic nhưng chưa đẹp, thiếu thành thạo	Slide trình bày đủ ý, logic, thể hiện sự thành thạo trong trình bày nhưng chưa đẹp	Slide trình bày đủ ý, logic, đẹp; thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, khó hiểu, vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày dễ hiểu nhưng vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, đúng thời gian quy định nhưng thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn dễ hiểu, đúng thời gian quy định; tương tác tốt với người nghe.	Trình bày thuyết phục, thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe, thời gian trình bày đúng quy định	25%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP
(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP Tên tiếng Anh: LABOUR MARKET IN INTEGRATION CONTEXT
2. Mã học phần	QTN315
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	3 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt. - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

7. Đơn vị quản lý HP		Khoa Quản lý nguồn nhân lực	
8. Mục tiêu học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐ NL
G1	Học viên được trang bị những kiến thức về thị trường lao động như các vấn đề cung, cầu lao động và sự kết hợp cung- cầu trên các các khía cạnh về việc làm, thất nghiệp, tiền công, điều kiện làm việc cũng như các thiết chế trung gian hỗ trợ thị trường lao động phát triển, ảnh hưởng của hội nhập quốc tế đến phát triển thị trường lao động nội địa và quốc tế, khả năng di chuyển lao động quốc tế. Đồng thời cung cấp cho học viên các kiến thức về các định hướng phát triển thị trường lao động phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.	PLO2, PLO4, PLO8	4/6
G2	Có khả năng tư duy, phân tích, tính toán, đọc số liệu về cung lao động, cầu lao động đánh giá thị trường lao động ở một phạm vi nhất định. Triển khai, thực hiện các nghiệp vụ về thị trường lao động; thực hiện các năng lực dẫn dắt, định hướng về thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.	PLO3, PLO4, PLO8	4/5
G3	Giáo dục người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập, từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động quản lý nguồn nhân lực.	PLO6, PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	CDR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
CLO1	Nắm vững những kiến thức lý luận về thị trường lao động như: Khái niệm, phân loại, thị trường lao động.	PLO2	I, T, U
CLO2	Học viên nhớ và hiểu được đặc điểm, chức năng của thị trường lao động	PLO3	I, T, U

CLO3	Hiểu biết các kiến thức về phân tích cung, cầu, kết hợp cung - cầu lao động trên thị trường lao động; phân tích việc làm, vị thế việc làm và năng suất lao động; các loại hình thất nghiệp, nguyên nhân và giải pháp làm giảm thất nghiệp; các xu hướng dịch chuyển trên thị trường lao động; khu vực không chính thức và các nhóm dễ bị tổn thương trên thị trường lao động; vấn đề toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế ảnh hưởng đến thị trường lao động và sự lựa chọn chính sách; các công cụ điều tiết trong quản trị thị trường lao động và vấn đề của Việt Nam.	PLO4, PLO8	I, T, U
CLO4	Học viên có khả năng tính toán và phân tích các chỉ tiêu về thị trường lao động; Có khả năng phân tích, đánh giá việc làm, vị thế việc làm; các loại hình thất nghiệp, nguyên nhân và giải pháp làm giảm thất nghiệp; các xu hướng dịch chuyển trên thị trường lao động; khu vực không chính thức và các nhóm dễ bị tổn thương trên thị trường lao động Học viên nắm vững các nội dung và có khả năng phân tích, đánh giá các chỉ tiêu về thị trường lao động ở Việt Nam và thế giới	PLO6, PLO8	I, U
CLO5	Người học có phẩm chất đạo đức, tham gia giờ giảng đầy đủ chủ động, tích cực. Người học có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.	PLO6, PLO7	I, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập nghiên cứu các vấn đề khái quát chung về thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập; Ảnh hưởng của hội nhập quốc tế đến thị trường lao động và Quản lý thông tin thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Giờ TC	Nội dung	Đáp ứng CDR HP (CLOs)	Hoạt động dạy và học (CLOs)	Bài đánh giá (AMs)
1-5 (5 giờ)	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG	CLO1, CLO4,	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15	AM1, AM2,

TC)	TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP 1.1. Đặc điểm và chức năng của thị trường lao động 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản 1.1.2. Đặc điểm của thị trường lao động 1.1.3. Chức năng của thị trường lao động	CLO5	Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM4
6-10 (5 giờ TC)	1.2. Xu hướng phát triển thị trường lao động 1.2.1. Theo góc độ pháp lý 1.2.2. Theo góc độ quản lý	CLO1, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
11-15 (5 giờ TC)	1.2.3. Theo khả năng điều chỉnh 1.2.4. Theo góc độ địa lý	CLO1, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
16-20 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2: ẢNH HƯỞNG CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG 2.1. Ảnh hưởng đến cung cầu lao động 2.1.1. Ảnh hưởng đến cung lao động	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
21-25 (5 giờ TC)	2.1.2. Ảnh hưởng đến cầu lao động	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4

26-30 (5 giờ TC)	2.2 Các xu hướng dịch chuyển trên thị trường lao động 2.2.1. Xu hướng di chuyển lao động từ các nước phát triển đến các nước phát triển 2.2.2. Xu hướng dịch chuyển lao động từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển 2.3. Các thách thức toàn cầu về thị trường lao động đối với các nước đang phát triển 2.3.1. Các thách thức toàn cầu về việc làm và chất lượng việc làm 2.3.2. Vấn đề lao động nghèo và chất lượng lao động	CLO 2; CLO 4; CLO 5;	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM10 Dạy: Giải thích cụ thể; Thuyết giảng; câu hỏi gợi mở; Giải quyết vấn đề; Bài tập ở nhà. Học: lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1 AM2 AM4
31-35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP 3.1. Quản lý thông tin thị trường lao động 3.1.1. Thiết lập hệ thống thông tin thị trường lao động	CLO3, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
36-40 (5 giờ TC)	3.1.2. Các chỉ tiêu đánh giá thị trường lao động 3.2. Chính sách thị trường lao động thích ứng với quá trình hội nhập 3.2.1. Chính sách phát triển cung lao động	CLO3, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	AM1, AM2, AM4
41- 45 (5 giờ TC)	3.2.2. Chính sách phát triển cầu lao động <i>Kiểm tra đánh giá cuối kì</i>	CLO2, CLO4, CLO5	TLM1, TLM2, TLM4, TLM8, TLM15 Lắng nghe, ghi	AM1, AM2, AM4

			chú, trả lời câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ làm việc ở nhà	
Tổng cộng: 45 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	10%
		AM2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Giáo trình chính	[1]. Trần Xuân Cầu (2020). <i>Giáo trình Thị trường lao động</i> . NXB Đại học Kinh tế quốc dân		
	Tài liệu tham khảo	[2]. Quốc hội (2019). Số 45/2019/QH14. <i>Bộ Luật Lao động</i> . [3] Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2010), <i>Đề án Phát triển thị trường lao động Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020</i> [4] <i>Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020</i> [5] EVFTA (2019), <i>Hiệp định thương mại</i> [6] CPTPP (2018), <i>Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương</i> [7] AEC (2015), <i>Cộng đồng kinh tế ASEAN</i>		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên	
	CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 1, 7 của tài liệu số [1], chương 10 tài liệu số [2] và tài liệu số [4]	
	CHƯƠNG 2: ẢNH HƯỞNG CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐẾN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG	30	Học viên đọc trước nội dung Chương 2, 3, 7 của tài liệu số [1]	
	CHƯƠNG 3: QUẢN LÝ THÔNG TIN	30	Học viên đọc trước nội	

	THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP		dung của tài liệu số [1] và các tài liệu [5], [6], [7]
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Nguyễn Thị Minh Hoà	Tiến sĩ	Kinh tế
	Bùi Đức Thịnh	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN KHÍCH TÀI CHÍNH VÀ PHÚC LỢI
(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLDXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: QUẢN TRỊ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN KHÍCH TÀI CHÍNH VÀ PHÚC LỢI Tên tiếng Anh: FINANCIAL INCENTIVES AND WELFARE PROGRAM MANAGEMENT
2. Mã học phần	QTN316
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	03 (3,0) TC
5. Học phần tiên quyết	Không
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung bài học, giúp người học đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng; - Thuyết giảng (Lecture) - TLM2: Giảng viên thuyết trình, diễn giải: Trình bày nội dung bài học, giải thích các nội dung của bài. Người học lắng nghe, ghi chú lại những kiến thức mà giảng viên truyền đạt; - Câu hỏi gợi mở (Inquiry) - TLM4: Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó trong quá trình giảng dạy, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay đặt vấn đề, sau đó dẫn dắt, gợi ý, hướng dẫn người học từng bước trả lời các câu hỏi. - Thảo luận (Discussion) - TLM7: Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với các quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình. - Giải quyết vấn đề (Problem Solving) - TLM8: Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những

	kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần. - Học nhóm (Teamwork Learning) - TLM10: Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.		
7. Đơn vị quản lý học phần	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Hiểu được những kiến thức tổng hợp và nâng cao về quản trị các chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi trong doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập.	PLO3	4/6
G2	Phân tích, đánh giá được các chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi; kỹ năng, các kỹ thuật quản trị nguồn và xây dựng các phương án khuyến khích tài chính và phúc lợi cho doanh nghiệp, trên cơ sở đó đảm bảo hiệu quả/ mục tiêu của quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh.	PLO3, PLO4	4/5
G3	Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của khuyến khích tài chính và phúc lợi trong môi trường kinh doanh mới.	PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần: các mục tiêu hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CĐR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	CĐR của CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I,T,U)
CLO1	Nắm vững được khái niệm, nội dung, vai trò và các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi	PLO3	I, T

CLO2	Xác định được mục tiêu quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi; phân tích được các nguồn lực và mức độ tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi	PLO3, PLO4	I, T
CLO3	Xây dựng, triển khai được các nội dung của quản trị nguồn, quản trị phương pháp khuyến khích tài chính và quản trị phương pháp phân phối phúc lợi	PLO3, PLO4	I, T, U
CLO4	Đánh giá được hiệu quả của quản trị khuyến khích tài chính và quản trị phúc lợi	PLO3, PLO4	I, T, U
CLO5	Chủ động nghiên cứu tài liệu và tham gia nghe giảng trên lớp đầy đủ; Tích cực tìm hiểu kiến thức thực tiễn.	PLO7	I, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi nghiên cứu quy trình, phương pháp quản trị chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi từ lập kế hoạch đến thực thi và đánh giá hiệu quả chương trình khuyến khích tài chính và phúc lợi phù hợp với thực tế của doanh nghiệp và quốc gia.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Giờ TC	Nội dung	CDR Học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1 – 5 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN QUẢN TRỊ KHUYẾN KHÍCH TÀI CHÍNH VÀ PHÚC LỢI 1.1. Một số khái niệm 1.1.1. Khái niệm khuyến khích tài chính, phúc lợi 1.1.2. Khái niệm quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi 1.2. Nội dung của quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi 1.2.1. Quản trị khuyến khích tài chính	CLO1, CLO5	Dạy: TLM1, TLM2, TLM4 Học: Nghe giảng, trả lời câu hỏi	AM1

	1.2.2. Quản trị chương trình phúc lợi			
6 – 10 (5 giờ TC)	1.3. Vai trò của quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi 1.3.1. Vai trò của quản trị khuyến khích tài chính 1.3.2. Vai trò của quản trị chương trình phúc lợi 1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến quản trị khuyến khích tài chính và phúc lợi 1.4.1. Nhóm nhân tố bên trong 1.4.2. Nhóm nhân tố bên ngoài	CLO1, CLO5	Dạy: TLM2, TLM7 Học: Trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm	AM1, AM3
11 – 15 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ KHUYẾN KHÍCH TÀI CHÍNH 2.1. Xây dựng mục tiêu quản trị khuyến khích tài chính 2.1.1. Cơ sở xây dựng mục tiêu 2.1.2. Xác định mục tiêu 2.2. Phân tích nguồn lực và nhân tố ảnh hưởng 2.2.1. Phân tích nguồn lực 2.2.2. Phân tích nhân tố ảnh hưởng	CLO2, CLO5	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
16 – 20 (5 giờ TC)	2.3. Quản trị nguồn 2.4. Quản trị phương pháp khuyến khích tài chính 2.4.1. Phân nhóm để quản trị 2.4.2. Xác định mục tiêu theo nhóm	CLO3, CLO5	Dạy: TLM1, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
21 – 25 (5 giờ TC)	2.4.3. Xây dựng cơ sở và phương pháp khuyến khích tài chính 2.4.4. Triển khai thực hiện chương trình khuyến khích tài	CLO3	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận,	AM1, AM3

	chính		tham gia giải quyết vấn đề	
26 – 30 (5 giờ TC)	2.5. Đánh giá hiệu quả quản trị khuyến khích tài chính 2.5.1. Chỉ tiêu đánh giá 2.5.2. Phương pháp đánh giá 2.5.3. Sử dụng kết quả đánh giá	CLO4	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe, thảo luận nhóm để tìm cách giải quyết vấn đề	AM1
31 – 35 (5 giờ TC)	CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ CHƯƠNG TRÌNH PHÚC LỢI 3.1. Xây dựng mục tiêu quản trị chương trình phúc lợi 3.1.1. Cơ sở xây dựng mục tiêu 3.1.2. Xác định mục tiêu 3.2. Phân tích nguồn lực và nhân tố ảnh hưởng 3.2.1. Phân tích nguồn lực 3.2.2. Phân tích nhân tố ảnh hưởng	CLO2	Dạy: TLM1, TLM7, TLM8 Học: Nghe giảng, tham gia thảo luận, tham gia giải quyết vấn đề	AM1, AM3
36 – 40 (5 giờ TC)	3.3. Quản trị nguồn 3.4. Quản trị phương pháp phân phối phúc lợi 3.4.1. Phân nhóm để quản trị 3.4.2. Xác định mục tiêu theo nhóm 3.4.3. Xây dựng cơ sở và phương pháp chương trình phúc lợi 3.4.4. Triển khai thực hiện chương trình phúc lợi	CLO3, CLO5	Dạy: TLM1, TLM8, TLM10 Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết vấn đề, học nhóm cùng trao đổi	AM1, AM3
41 – 45 (5 giờ TC)	3.5. Đánh giá hiệu quả quản trị chương trình phúc lợi 3.5.1. Chỉ tiêu đánh giá 3.5.2. Phương pháp đánh giá	CLO4, CLO5	Dạy: TLM1, TLM8	AM1, AM3, AM4

	3.5.3. Sử dụng kết quả đánh giá		Học: Nghe giảng, tham gia giải quyết vấn đề	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO5	10%
		AM3	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	AM4	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	20%
	A3. Điểm cuối kỳ (60%)	AM7	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	60%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Đỗ Thị Tươi (2021). <i>Giáo trình Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp</i> . NXB Lao động [2] Đỗ Thị Tươi, Đoàn Thị Yên (2021). <i>Giáo trình Nguyên lý tiền lương</i> . NXB Lao động		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3] Đỗ Thị Tươi (2015). <i>Phương pháp trả công lao động theo cơ chế thị trường</i> . NXB Khoa học xã hội. [4] Quốc hội nước CHXHCNVN (2019). <i>Bộ Luật lao động 2019</i>		
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của người học	
	CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN QUẢN TRỊ KHUYẾN KHÍCH TÀI CHÍNH VÀ PHÚC LỢI	20	Người học đọc trước nội dung chương 4 của tài liệu số 1 và chương 4 tài liệu số 2.	
	CHƯƠNG 2. QUẢN TRỊ KHUYẾN KHÍCH TÀI CHÍNH	40	Người học đọc trước nội dung chương 4 của tài liệu số 1, chương 2 tài liệu số 3 và chương 5, 6, 7, 8, 9 tài liệu số 4	
	CHƯƠNG 3. QUẢN TRỊ	30	Người học đọc trước nội	

	CHƯƠNG TRÌNH PHÚC LỢI		dung chương 4 của tài liệu số 1, chương 4 tài liệu số 2 và chương 5, 6, 7, 8, 9 tài liệu số 4
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đoàn Thị Yến	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Trần Thị Minh Phương	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Hồng 88	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN QUẢN TRỊ KHUYẾN KHÍCH TÀI CHÍNH VÀ PHÚC LỢI

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1) (CLO5)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia đi học	Không đi học (< 30% số tiết)	Đi học không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Đi học không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Đi học khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Đi học chuyên cần (70%-79% số tiết)	Đi học chuyên cần (80%-89% số tiết)	Đi học đầy đủ, chuyên cần	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	50%
Tham gia phát biểu, đóng góp bài trên lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Không tham gia hoạt động tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu xây dựng bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu ý kiến, đóng góp không hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp cho bài học có hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	Tham gia phát biểu ý kiến rất tích cực, các đóng góp rất hiệu quả	50%

RUBRIC ĐIỂM THUYẾT TRÌNH (AM3) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4)						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung ít phù hợp với yêu cầu, số liệu, thông tin và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, giải thích chưa rõ ràng, thiếu thông tin, số liệu minh họa	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, trích dẫn đầy đủ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, phong phú, trích dẫn rõ ràng	50%
Trình bày slide	Trình bày sơ sài, không đủ ý, không đẹp, thiếu logic	Slide trình bày đủ ý nhưng không logic	Slide trình bày đủ ý, logic nhưng chưa đẹp, thiếu thành thạo	Slide trình bày đủ ý, logic, thể hiện sự thành thạo trong trình bày nhưng chưa đẹp	Slide trình bày đủ ý, logic, đẹp; thuật ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, khó hiểu, vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày dễ hiểu nhưng vượt thời gian quy định, thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, đúng thời gian quy định nhưng thiếu tương tác với người nghe	Trình bày ngắn gọn dễ hiểu, đúng thời gian quy định; tương tác tốt với người nghe.	Trình bày thuyết phục, thu hút được sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe, thời gian trình bày đúng quy định	25%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

*(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)*

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP Tên tiếng Anh: GRADUATION INTERSHIP
2. Mã học phần	QTN417
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	6 (0,6) TC
5. Học phần tiên quyết	
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thực tập, thực tế (Field Trip) - TLM6: Giảng dạy thông qua hoạt động tham quan, kiến tập, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp; giúp học viên hiểu được môi trường làm việc, cách thức triển khai hoạt động nghề nghiệp trên thực tế; giúp người học vừa hướng tới đáp ứng chuẩn đầu ra vừa tiếp cận cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. - Nghiên cứu độc lập (Teaching Research Team) - TLM11: Giảng viên giao nhiệm vụ nghiên cứu cho học viên, hướng dẫn phương pháp và yêu cầu học viên triển khai nghiên cứu, nộp kết quả để giảng viên đánh giá - Học trực tuyến (E-learning) – TLM14: Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy – học, giảng dạy trên nền tảng ứng dụng dạy học trực tuyến (Zoom, meeting...); giảng viên yêu cầu và hướng dẫn học viên sử dụng nền tảng dữ liệu trực tuyến để khai thác thông tin; sử dụng các phần mềm để hỗ trợ trong quá trình giảng dạy, học (Google Driver, Edraw Mind Map, Webquest...); sử dụng các ứng dụng Excell, phần mềm chuyên ngành để làm các bài tập, bài thực hành. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Theo phương pháp

	này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Học viên chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết.		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Kết nối, kiểm nghiệm, hoàn thiện hệ thống kiến thức về chính sách quản trị nhân lực, cách thức tổ chức và triển khai các hoạt động chức năng về quản trị nhân lực. Biết vận dụng kiến thức chuyên sâu về các vấn đề của quản trị nhân lực vào thực tế.	PLO1, PLO2	4/6
G2	Rèn luyện các kỹ năng nhân sự, kỹ năng tổ chức và triển khai các hoạt động quản trị nhân lực tại đơn vị thực tập. Rèn luyện và phát triển kỹ năng tư duy, kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích và tổng hợp báo cáo.	PLO4, PLO5	4/5
G3	Rèn luyện tính chuyên nghiệp, chủ động thích nghi với môi trường làm việc, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tinh thần chủ động, sáng tạo trong hoàn thiện các nghiệp vụ quản trị nhân lực. Biết tự chủ động trong nghiên cứu và lập kế hoạch để hoàn thành mục tiêu.	PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CĐR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U; Mô tả CĐR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra	Đáp ứng	Mức độ

(CLOs)		PLO	giảng dạy (I, T, U)	
CLO1	Nắm vững các kiến thức chuyên ngành quản trị nhân lực, hệ thống được cơ sở lý luận liên quan đến nội dung nghiên cứu.	PLO1	I, T, U	
CLO2	Hiểu, vận dụng, kết nối được các kiến thức quản trị nhân lực vào trong thực tế tại đơn vị thực tập	PLO2	I, U	
CLO3	Phân tích, đánh giá hiện trạng công tác quản trị nhân lực. Có khả năng đưa ra ý kiến tham mưu cho cấp trên trong công tác quản trị nhân lực	PLO4	I, U	
CLO4	Có kỹ năng triển khai nghiên cứu, kỹ năng tư duy giải quyết các vấn đề, phân tích thông tin và tổng hợp báo cáo.	POL4	I, U	
CLO5	Sử dụng được bộ công cụ Microsoff office, internet phục vụ cho quá trình thực tập tốt nghiệp	PLO5	I, U	
CLO6	Chủ động tự nghiên cứu tài liệu học tập. Tham gia nghe hướng dẫn thực tập đầy đủ. Tích cực tham gia công việc thực tập sinh tại đơn vị thực tập.	PLO7	I, U	
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc đối với học viên cao học chuyên ngành quản trị nhân lực. Học phần này giúp học viên nghiên cứu thực tế tại đơn vị thực tập, nghiên cứu cách thức tổ chức và triển khai các nghiệp vụ quản trị nhân lực tại đơn vị thực tập. Trên cơ sở đó, học viên đánh giá, hoàn thiện các nghiệp vụ quản trị nhân lực tại đơn vị thực tập.				
11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy				
THỰC HÀNH				
Giờ TC	Nội dung	CDR Môn học (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-30 (30 giờ TC)	Liên hệ địa điểm thực tập phù hợp Phổ biến quy định thực tập	CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: Giải thích cụ thể, nghiên	AM1, AM2

	tốt nghiệp Xây dựng kế hoạch thực tập tốt nghiệp Xây dựng đề cương sơ bộ		cứu độc lập, bài tập ở nhà, học trực tuyến Học: Nghe hướng dẫn, liên hệ đơn vị thực tập, lập kế hoạch thực tập	
31- 102 (71 giờ TC)	Hướng dẫn nghiên cứu tại đơn vị và viết báo cáo phần 1 CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC/ ĐỊA PHƯƠNG <i>Đối với Học viên thực tập tại đoạn nghiệp/tổ chức:</i> 1.1. Thông tin chung về doanh nghiệp/tổ chức 1.2. Tổ chức bộ máy của doanh nghiệp/tổ chức 1.2.1. Chức năng nhiệm vụ doanh nghiệp/tổ chức 1.2.2. Sơ đồ cấu trúc bộ máy 1.3. Nguồn nhân lực của doanh nghiệp/tổ chức 1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị nhân lực trong doanh nghiệp/tổ chức 1.4.1. Các nhân tố bên	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: Giải thích cụ thể, nghiên cứu độc lập, thực tập, thực tế, bài tập ở nhà, học trực tuyến Học: Nghe giảng, tự nghiên cứu, thực tập, thực tế để lấy số liệu, làm bài tập về nhà	AM1, AM2

	trong 1.4.2. Các nhân tố bên ngoài <i>Đối với Học viên thực tập tại địa phương:</i> 1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương nghiên cứu 1.2. Các đơn vị hành chính của địa phương nghiên cứu 1.3. Quy mô, cơ cấu nguồn nhân lực của địa phương nghiên cứu 1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nguồn nhân lực tại địa phương 1.4.1. Các nhân tố bên trong 1.4.2. Các nhân tố bên ngoài			
103 – 180 (77 giờ TC)	Hướng dẫn học viên nghiên cứu tại đơn vị và viết viết đề cương báo cáo phần 2 CHƯƠNG 2: CHUYÊN ĐỀ CHUYÊN SÂU 2.1. Mô tả thực trạng 2.2. Đánh giá thực trạng 2.3. Đề xuất giải pháp hoàn thiện Hoàn thiện báo cáo thực tập cuối khoá	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: Giải thích cụ thể, nghiên cứu độc lập, thực tập, thực tế, bài tập ở nhà, học trực tuyến Học: Nghe giảng, tự nghiên cứu, thực tập, thực tế để lấy số liệu,	AM1, AM2

			làm bài tập về nhà.	
Tổng cộng: 180 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CDR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (20%)	AM1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
		AM2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	10%
	A2. Điểm cuối kỳ (80%)	AM10	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	80%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Đề cương thực tập tốt nghiệp thạc sĩ ngành quản trị nhân lực theo quy định của nhà trường. [2] Quy định về thể thức báo cáo thực tập tốt nghiệp theo quy định của nhà trường. [3] Danh mục các chủ đề nghiên cứu trong thực tập tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị nhân lực		
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[4] Các giáo trình, tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu		

		[5] Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu	
14. Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên
	Liên hệ địa điểm thực tập Xây dựng kế hoạch thực tập	15	Tìm và liên hệ đơn vị thực tập Nghe hướng dẫn và xây dựng kế hoạch thực tập Đọc tài liệu số 1, 2, 3.
	Thực tập tại đơn vị và viết báo cáo phần 1	36	Đọc tài liệu số 1, 2. Tham khảo tài liệu 4, 5. Thu thập các văn bản, số liệu và viết báo cáo thực tập theo hướng dẫn.
	Thực tập tại cơ sở và viết báo cáo phần 2. Hoàn thiện báo cáo thực tập cuối khoá	39	Đọc tài liệu số 1 và số 2. Tham khảo tài liệu 4, 5 Thu thập các văn bản, số liệu và viết báo cáo thực tập theo hướng dẫn Chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo thực tập cuối khoá theo hướng dẫn
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Lê Thanh Hà	PGS.TS	Kinh tế lao động
	Doãn Thị Mai Hương	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đoàn Thị Yến	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Trần Thị Minh Phương	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Hồng ⁷⁷	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
	Vũ Hồng Phong	Tiến sĩ	Kinh tế lao động

	Cán Hữu Dạn	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Nguyễn Thị Hồng 88	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Bùi Thị Phương Thảo	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Minh Hòa	Tiến sĩ	Kinh tế lao động
	Bùi Đức Thịnh	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Hà Duy Hào	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

RUBRIC ĐIỂM CHUYÊN CẦN (AM1) (CLO6)										
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định (điểm)									Trọng số
	Mức F (0)	Mức D (4,0- 4,9)	Mức D+ (5,0 –5,4)	Mức C (5,5-6,4)	Mức C+ (6,5- 6,9)	Mức B (7,0 – 7,9)	Mức B+ (8,0-8,4)	Mức A (8,5-8,9)	Mức A+ (9,0-10)	
Tham gia buổi hướng dẫn	Không tham gia buổi hướng dẫn (< 30% số tiết)	Tham gia buổi hướng dẫn không chuyên cần (30%-39% số tiết)	Tham gia buổi hướng dẫn không chuyên cần (40%-49% số tiết)	Tham gia buổi hướng dẫn khá chuyên cần (50%-59% số tiết)	Tham gia buổi hướng dẫn khá chuyên cần (60%-69% số tiết)	Tham gia buổi hướng dẫn chuyên cần (70%-79% số tiết)	Tham gia buổi hướng dẫn chuyên cần (80%-89% số tiết)	Tham gia buổi hướng dẫn đầy đủ, chuyên cần	Tham gia buổi hướng dẫn đầy đủ, rất chuyên cần (100% số tiết)	50%
Ý thức chủ động, cầu thị, học hỏi	Không cầu thị, không chủ động, không học hỏi, không quan tâm đến sửa bài báo cáo	Không cầu thị, không chủ động, không học hỏi, có quan tâm đến sửa bài báo cáo nhưng không hiệu quả	Ý thức cầu thị, chủ động, học hỏi có nhưng còn kém hiệu quả	Có ý thức cầu thị, chủ động, học hỏi nhưng không hiệu quả	Có ý thức cầu thị, chủ động, học hỏi nhưng hiệu quả chưa cao	Thường xuyên trao đổi ý kiến, có ý thức cầu thị, chủ động, học hỏi có hiệu quả	Thường xuyên trao đổi ý kiến cho bài báo cáo, ý thức cầu thị, học hỏi tốt, có hiệu quả	Tham gia trao đổi tích cực, chủ động đưa ra các ý tưởng mới, ý thức cầu thị, học hỏi hiệu quả	Tham gia trao đổi ý kiến rất tích cực, sÝ thức cầu thị, học hỏi rất hiệu quả	50%

RUBRIC ĐIỂM BÀI TẬP CÁ NHÂN (AM2) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5)						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp	Nội dung ít phù hợp với yêu cầu, số liệu, thông tin và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu, giải thích chưa rõ ràng, thiếu thông tin, số liệu minh họa	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, trích dẫn đầy đủ	Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, phong phú, trích dẫn rõ ràng	75%
Tiến độ thực hiện	Không đúng tiến độ	Thường xuyên phải nhắc nhở về tiến độ	Hoàn thành tiến độ nhưng chưa chủ động	Chủ động hoàn thành đúng tiến độ được giao	Tích cực hoàn thành đúng tiến độ	15%

RUBRIC ĐIỂM BÀI BÁO CÁO THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (AM10) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5)						
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Mức F (0-3,9)	Mức D (4-5,4)	Mức C (5,5-6,9)	Mức B/B+ (7,0-8,4)	Mức A/A+ (8,5-10)	
Nội dung khoa học	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp. Thiếu phần 1 hoặc phần 2, hoặc thiếu nhận xét của đơn vị thực tập có giá trị (có chữ kí của Lãnh đạo đơn vị hoặc Phụ trách bộ phận, và đóng dấu đỏ)	Đủ nội dung hai phần, nhưng nội dung ít phù hợp với yêu cầu, số liệu, thông tin và giải thích chưa rõ ràng. Đầy đủ nhận xét của đơn vị thực tập có giá trị	Đủ nội dung hai phần. Nội dung phù hợp với yêu cầu, giải thích chưa rõ ràng, thiếu thông tin, số liệu minh họa Đầy đủ nhận xét của đơn vị thực tập có giá trị	Đủ nội dung hai phần. Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, trích dẫn đầy đủ Đầy đủ nhận xét của đơn vị thực tập có giá trị	Đủ nội dung hai phần. Nội dung phù hợp với yêu cầu, thuật ngữ đơn giản dễ hiểu, thông tin, số liệu minh họa rõ ràng, phong phú. Bài làm sáng tạo, phân tích, đánh giá tốt Tài liệu tham khảo phù hợp, được trình bày trong danh mục và trích dẫn trong nội dung từ các nguồn tài liệu tin cậy Đầy đủ nhận xét của đơn vị thực tập có giá trị	80%
Hình thức trình bày	Không theo quy định	Lỗi nhiều (đáp ứng: 30% - 49%)	Lỗi ít (đáp ứng: 50% - 69%)	Cơ bản đúng (70%- 89%)	Đáp ứng đúng quy định (90% - 100%)	10%

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP

(Ban hành theo Quyết định số 1432A/QĐ-ĐHLĐXH ngày 22 tháng 7 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP Tên tiếng Anh: MASTER THESIS
2. Mã học phần	QTN518
3. Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
4. Số tín chỉ	9 (0,9) TC
5. Học phần tiên quyết	Hoàn thành học phần Thực tập tốt nghiệp
6. Phương pháp giảng dạy	- Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) - TLM1: Giảng viên hướng dẫn và giải thích cụ thể các nội dung của bài học, giúp học viên đạt được mục tiêu học tập về kiến thức và kỹ năng. - Thực tập, thực tế (Field Trip) - TLM6: Giảng dạy thông qua hoạt động tham quan, kiến tập, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp; giúp học viên hiểu được môi trường làm việc, cách thức triển khai hoạt động nghề nghiệp trên thực tế; giúp người học vừa hướng tới đáp ứng chuẩn đầu ra vừa tiếp cận cơ hội nghề nghiệp sau khi tiếp cận. - Nghiên cứu độc lập (Teaching Research Team) - TLM11: Giảng viên giao nhiệm vụ nghiên cứu cho học viên, hướng dẫn phương pháp và yêu cầu học viên triển khai nghiên cứu, nộp kết quả để giảng viên đánh giá. - Dự án nghiên cứu (Research Project) - TLM12: giảng viên thường áp dụng triển khai giao dự án nghiên cứu khi giảng các môn nghiệp vụ chuyên ngành. Người học sẽ luyện kỹ năng lập kế hoạch và triển khai một dự án nghiên cứu một vấn đề/chủ đề cụ thể liên quan đến học phần sau đó bảo vệ kết quả dự án. - Bài tập ở nhà (Work Assignment) - TLM15: Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra nhằm giải quyết một vấn đề cụ thể gắn với các chủ đề của môn học. Học viên chủ động thu thập kiến thức, tự định hướng, độc lập tìm hướng giải quyết.

7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Quản lý nguồn nhân lực		
8. Mục tiêu học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOs)	TĐNL
G1	Học viên nắm vững được phương pháp, cách thức thực hiện đồ án tốt nghiệp thuộc chuyên ngành Quản trị nhân lực. Tổng hợp và hệ thống các kiến thức tích lũy từ các học phần của chuyên ngành vào thực hiện đồ án. Củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu về các vấn đề của quản trị nhân lực.	PLO1, PLO2, PLO3	4/6
G2	Học viên có kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu phục vụ nghiên cứu và giải quyết vấn đề đặt ra trong đồ án. Rèn luyện và phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo. Thực hành được việc thiết kế, xây dựng và thực hiện đồ án tốt nghiệp chuyên ngành quản trị nhân lực theo mục tiêu đặt ra.	PLO4, PLO5, PLO8	4/5
G3	Học viên được rèn luyện tính chuyên nghiệp, tự chịu trách nhiệm, năng lực tự chủ, sáng tạo, nỗ lực và kiên trì theo đuổi mục tiêu của đồ án. Biết tự chủ động trong nghiên cứu, trao đổi với giảng viên hướng dẫn.	PLO6, PLO7	4/5
9. Chuẩn đầu ra của học phần (các mục tiêu hay CDR của môn học và mức độ giảng dạy I, T, U; Mô tả CDR bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR cấp độ 1 (CLOs) và bối cảnh cụ thể; Mức độ I (Introduce): giới thiệu, T (Teach): dạy, U (Utilize): sử dụng			
CDR (CLOs)	Mô tả chuẩn đầu ra	Đáp ứng PLO	Mức độ giảng dạy (I, T, U)

CLO1	Nắm vững và hệ thống hóa được cơ sở lý luận liên quan đến nội dung đề án	PLO1, PLO2	I, T, U
CLO2	Khái quát được tổng quan chung về đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu của đề án. Phân tích thực trạng cụ thể, chi tiết trên cơ sở lý luận đã xây dựng, đồng thời chỉ ra được những tồn tại, hạn chế của thực tiễn đó.	PLO3	I, U
CLO3	Đề xuất được những giải pháp và kiến nghị cụ thể, có tính thực tiễn cao, khả thi gắn với cơ sở lý luận và thực trạng.	PLO3, PLO4	I, U
CLO4	Có kỹ năng triển khai nghiên cứu, kỹ năng tư duy giải quyết các vấn đề, phân tích thông tin và tổng hợp đề án.	PLO4, PLO8	I, U
CLO5	Sử dụng được bộ công cụ Microsoff office, internet trong hoàn thành đề án	PLO5	I, U
CLO6	Chủ động tự nghiên cứu tài liệu học tập. Tham gia nghe hướng dẫn đầy đủ và nỗ lực hoàn thiện đề án tốt nghiệp	PLO6, PLO7	I, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở nền tảng để thực hiện đề án tốt nghiệp chuyên ngành quản trị nhân lực. Nắm được các phương pháp thực hiện đề án tốt nghiệp; cung cấp kỹ năng thiết kế và thực hiện đề án tốt nghiệp. Hướng dẫn, giúp học viên hoàn thiện đề án với kết quả và có định hướng ứng cụ thể tại đơn vị thực tập và các cơ quan, tổ chức liên quan.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

THỰC HÀNH

Giờ TC	Nội dung	CDR Môn học (CLOs)	Hoạt động dạy và học (TLMs)	Bài đánh giá (AMs)
1-30	BÀI 1: QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT ĐỀ CƯƠNG 1.1. Phổ biến quy định của đề án tốt nghiệp 1.1.1 Về nội dung của đề án tốt	CLO4, CLO6	Dạy: TLM1, TLM6, TLM11, TLM12, TLM15. Học: Nghe	AM1, AM2

	nghiệp 1.1.2 Quy mô và kết cấu của đồ án tốt nghiệp 1.1.3 Hình thức trình bày của đồ án tốt nghiệp 1.2. Hướng dẫn viết đề cương		giảng, tự nghiên cứu, thực tập, thực tế tại đơn vị, làm bài tập về nhà	
31-150	BÀI 2: PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT BẢN THẢO CỦA ĐỒ ÁN - Đọc và hướng dẫn, trao đổi với học viên về đề cương chi tiết - Hướng dẫn viết bản thảo của đồ án theo kết cấu nội dung: MỞ ĐẦU 1. Tính cấp thiết của đề tài 2. Tổng quan nghiên cứu 3. Mục đích nghiên cứu 4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 5. Phương pháp nghiên cứu 6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đồ án (Những đóng góp mới) 7. Kết cấu của đồ án CHƯƠNG 1: CƠ SỞ TRIỂN KHAI ĐỒ ÁN 1.1. Cơ sở lý luận 1.2. Cơ sở pháp lý 1.3. Cơ sở thực tiễn (Kinh nghiệm thực tiễn) CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 2.1. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực tập 2.2. Phương pháp thực hiện đồ án	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: TLM1, TLM6, TLM11, TLM12, TLM15. Học: Nghe giảng, tự nghiên cứu, thực tập, thực tế để lấy số liệu, làm bài tập về nhà	AM1 AM2

	2.3. Thực trạng các nội dung của đồ án tại đơn vị thực tập CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ CỦA ĐỒ ÁN VÀ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG 3.1. Kết quả của đồ án 3.2. Định hướng ứng dụng 3.3. Giá trị đóng góp của đồ án tốt nghiệp KẾT LUẬN DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO PHỤ LỤC			
151-270	BÀI 3: ĐỌC BẢN THẢO VÀ HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA, HOÀN THIỆN ĐỒ ÁN - Đọc và nhận xét bản thảo - Hướng dẫn chỉnh sửa, hoàn thiện đồ án. Chỉnh sửa theo hướng dẫn của giảng viên, theo quy định của Khoa và Nhà trường. - Hoàn thiện nội dung đồ án và in ấn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	Dạy: TLM1, TLM6, TLM11, TLM12, TLM15. Học: Nghe giảng, tự nghiên cứu, làm bài tập về nhà	AM1 AM2
Tổng: 270 giờ TC				
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (AMs)	CĐR môn học (CLOs)	Tỷ lệ
	Theo quy định của Trường	AM6, AM10	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4 CLO5, CLO6	100%
13. Tài	Tài liệu/giáo trình chính	[1] Đề cương đồ án tốt nghiệp thạc		

liệu phục vụ học phần		sĩ ngành quản trị nhân lực theo quy định của nhà trường. [2] Quy định về thể thức trình bày đồ án tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.	
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	[3] Các giáo trình, tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu [4] Các tài liệu (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu	
14.	Nội dung	Số giờ TC	Nhiệm vụ của học viên
Hướng dẫn học viên tự học, nghiên cứu	BÀI 1: QUY ĐỊNH VỀ NỘI DUNG CỦA ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT ĐỀ CƯƠNG Chuẩn bị tên đề tài, tìm hiểu thực tế và thu thập tài liệu về đối tượng nghiên cứu, lập đề cương theo hướng dẫn của giảng viên hướng dẫn	15	Xác định tên đề tài và xây dựng đề cương sơ bộ, nghiên cứu tài liệu số 1
	BÀI 2: PHÊ DUYỆT ĐỀ CƯƠNG VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT BẢN THẢO CỦA ĐỒ ÁN - Dựa trên đề cương để tiến hành thu thập số liệu, tài liệu có liên quan đến đề tài, viết đề cương chi tiết. - Tiến hành nghiên cứu lý thuyết, tổng hợp cơ sở lý luận, các nghiên cứu trước đây đã bàn luận về vấn đề có liên quan đến đề tài. - Tiến hành phân tích, đánh giá tình hình thực tế về đề tài nghiên cứu tại đơn vị. Phân tích, chứng minh được những luận điểm nghiên cứu đã đặt ra.	75	Viết cơ sở lý luận đầy đủ, gắn với tên đề tài nghiên cứu, tham khảo tài liệu số 1, 2, 3 Tổng hợp, phân tích thực trạng vấn đề nghiên cứu, tham khảo tài liệu số 3, 4 Phân tích thực trạng cụ thể, chi tiết, dựa trên cơ sở lý luận, chỉ ra được những tồn tại, hạn chế của thực tiễn, tham khảo tài liệu số 3, 4 Đưa ra được các giải pháp, kiến nghị cụ thể và khả thi gắn với cơ sở

	- Đề xuất kiến nghị và giải pháp dựa trên phân tích thực trạng - Hoàn thiện bản thảo - Thực hiện các quy định của Nhà trường về tiến độ, kết cấu nội dung, hình thức trình bày của đồ án và các quy định khác về tổ chức quá trình học tập.		lý luận và thực trạng vấn đề, tham khảo tài liệu số 3, 4
	BÀI 3: ĐỌC BẢN THẢO VÀ HƯỚNG DẪN CHỈNH SỬA, HOÀN THIỆN ĐỒ ÁN - Chỉnh sửa theo hướng dẫn của giảng viên, theo quy định của Khoa và Nhà trường. - Hoàn thiện nội dung đồ án và Bảo vệ đồ án theo thời hạn quy định.	90	Chỉnh sửa và hoàn thiện đồ án, tham khảo tài liệu số 1, 2, 3, 4
15. Đội ngũ giảng viên giảng dạy	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên môn
	Lê Thanh Hà	PGS.TS	Kinh tế lao động
	Doãn Thị Mai Hương	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
	Đỗ Thị Tươi	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Đoàn Thị Yến	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Trần Thị Minh Phương	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Hồng ⁷⁷	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế
	Vũ Hồng Phong	Tiến sĩ	Kinh tế lao động
	Cần Hữu Dạn	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Nguyễn Thị Hồng ⁸⁸	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Bùi Thị Phương Thảo	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển
	Nguyễn Thị Minh Hòa	Tiến sĩ	Kinh tế
	Bùi Đức Thịnh	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Hà Duy Hào	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực
	Lục Mạnh Hiên	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Phạm Ngọc Thành	Tiến sĩ	QTKD thương mại
	Đinh Thị Trâm	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực

	Hoàng Thanh Tùng	PGS. TS	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Tiến Hưng	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ÁP DỤNG CHO HỌC PHẦN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP

RUBRIC ĐIỂM BÀI BÁO CÁO ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP (AM6, AM10) (CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5)						
Hình thức trình Kết quả nghiên cứu	Không theo quy định	Lỗi nhiều (đáp ứng: 30% - 49%)	Lỗi ít (đáp ứng: 50% - 69%)	Cơ bản đúng (70%-89%)	Đáp ứng đúng quy định (90% - 100%)	
Nội dung khoa học:					Cụ thể:	
(1) Tính cấp thiết, mục đích, đối tượng, phạm vi, phương pháp	Chưa rõ ràng	Rõ ràng nhưng chưa thực sự phù hợp	Rõ ràng, phù hợp nhưng chưa chính xác	Rõ ràng, phù hợp, chính xác	Rõ ràng, phù hợp, chính xác, có triển vọng cao.	
(2) Kết cấu	Chưa đúng quy định, thiếu logic	Cơ bản đúng quy định, chưa cân đối, logic còn yếu	Đúng quy định, hợp lý, cân đối, tương đối lô ghích	Đúng quy định, hợp lý, cân đối, khá logic	Đúng quy định, hợp lý, cân đối, logic tốt giữa các chương, mục	
(3) Cơ sở lý luận	Thiếu nhiều /lạc chủ đề	Chưa đầy đủ và chưa chính xác	Đầy đủ, mức độ chính xác chưa cao	Khá đầy đủ, chính xác	Đầy đủ, chính xác, gắn với chủ đề nghiên cứu	
(4) Phân tích thực trạng cụ thể, chi tiết	Chưa logic với lý luận, không có số liệu/dữ liệu minh chứng	Cơ bản logic với lý luận, thiếu nhiều số liệu/dữ liệu minh chứng hoặc độ tin cậy rất thấp	Đảm bảo logic, có đủ dữ liệu minh họa, phân tích chưa chủ động	Lôgic với lý luận, dữ liệu đủ và tin cậy, phân tích khá rõ ràng	Lôgic với lý luận, số liệu cập nhật, phụ lục/minh họa rõ ràng, độ tin cậy cao, phân tích chủ động, có kết nối	

(5) Khả năng giải quyết vấn đề	Đề xuất giải pháp một cách sơ sài	Đề xuất giải pháp cơ bản (chưa thể hiện rõ cơ sở, nội dung...)	Đủ giải pháp, kiến nghị cơ bản, cụ thể và có cơ sở	Giải pháp, kiến nghị cụ thể, có cơ sở, khả thi	Các giải pháp, kiến nghị có cơ sở, cụ thể và khả thi, sáng tạo	
(6) Tài liệu tham khảo, phụ lục	Không có tài liệu tham khảo hoặc tài liệu không liên quan	Có một số tài liệu cơ bản, có tài liệu không tin cậy, trích dẫn và trình bày chưa đúng	Có tài liệu cơ bản, liên quan, khá tin cậy, trình bày cơ bản đúng quy định	Đủ tài liệu cơ bản, tin cậy, trích dẫn rõ ràng, trình bày đúng quy định	Đủ tài liệu học tập có liên quan, bổ sung tài liệu phong phú, cập nhật, trích dẫn và trình bày đúng quy định	
(7) Thuyết trình kết quả nghiên cứu	Cơ bản, còn thiếu cần trọng hoặc không tự tin	Cần trọng, đủ nội dung cơ bản nhưng còn dài dòng	Cần trọng, rõ ràng, ngắn gọn	Cần trọng, rõ ràng, ngắn gọn, khoa học	Cần trọng, rõ ràng, ngắn gọn, khoa học, chủ động	
(8) Trả lời/Bảo vệ kết quả nghiên cứu	Chưa trả lời đúng câu hỏi	Trả lời được một phần, không tự tin	Trả lời được cơ bản, chưa thực sự tự tin	Trả lời đầy đủ, khá tự tin	Trả lời đầy đủ, cung cấp thêm thông tin, thể hiện làm chủ vấn đề	
(9) Công bố kết quả nghiên cứu	Công bố kết quả có liên quan trong hội thảo nội bộ	một phần kết quả nghiên cứu trên tạp chí 0,25 điểm đến dưới 0,5 điểm	Kết quả nghiên cứu (100%) trên tạp chí từ 0,25 điểm đến dưới 0,5 điểm	Kết quả nghiên cứu (100%) trên tạp chí từ 0,5 điểm đến dưới 0,75 hoặc một phần kết quả nghiên cứu	Kết quả nghiên cứu (100%) trên tạp chí từ 0,75 điểm trở lên	

				cứu trên tập chí 0,75 điểm trở lên		
--	--	--	--	--	--	--

